

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐA-CP

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2018

Dự thảo

ĐỀ ÁN

**Thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Vân Đồn,
tỉnh Quảng Ninh.**

Kính gửi: Quốc hội

Quảng Ninh là tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo nằm ở phía Đông Bắc Tổ quốc, có diện tích đất liền và trên biển tương đương nhau trên 6.100 km², với 2.077 đảo đá và đất; có bờ biển dài 250 km; có đường biên giới đất liền dài 132,8 km với Trung Quốc; Tỉnh Quảng Ninh là đơn vị hành chính loại I, có 14 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 04 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện với 186 xã, phường, thị trấn. Dân số khoảng 1,2 triệu người với 22 dân tộc anh em. Quảng Ninh là một trong 5 tỉnh của Việt Nam trong khu vực hợp tác “Hai hành lang, một vành đai” kinh tế Việt - Trung, hợp tác liên vùng Vịnh Bắc Bộ, hành lang kinh tế Nam Ninh - Singapore, cầu nối quan trọng của hợp tác kinh tế ASEAN - Trung Quốc. Quảng Ninh có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng, có nhiều loại đặc thù, trữ lượng lớn, chất lượng cao mà nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước không có được như: than đá, cao lanh tấn mài, đất sét, cát thủy tinh, đá vôi... Có tài nguyên du lịch đặc sắc vào bậc nhất của cả nước với nhiều bãi biển đẹp nổi tiếng, có trên 500 di tích lịch sử và danh thắng đã được xếp hạng. Đặc biệt có Vịnh Hạ Long 2 lần được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới, là Kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới; quần thể Vịnh Bái Tử Long với khoảng 600 hòn đảo đất và đảo đá, biệt lập với đất liền có cảnh quan đặc sắc, đa dạng. Đây là những tiềm năng khác biệt và cơ hội nổi trội để phát triển các loại hình du lịch, hướng đến phát triển dịch vụ văn hóa-giải trí cao cấp. Con người và xã hội Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa, sự thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng, có truyền thống cách mạng của giai cấp công nhân Vùng Mỏ với “di sản” tinh thần vô giá “kỷ luật và đồng tâm”. Đây là điều kiện thuận lợi xây dựng khối đoàn kết, tạo sức mạnh tổng hợp để vượt qua mọi khó khăn, thách thức; góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Là một trong 14 đơn vị hành chính của tỉnh Quảng Ninh, Vân Đồn nằm ở phía Đông Nam tỉnh Quảng Ninh, hợp thành bởi 2 quần đảo Cái Bầu và Vân Hải; có tọa độ địa lý từ 20°40' đến 21°16' vĩ Bắc và từ 107°15' đến 108°00' kinh Đông. Phía Bắc và phía Đông Bắc giáp huyện Tiên Yên (tỉnh Quảng Ninh), huyện Đàm Hà (tỉnh Quảng Ninh); Phía Đông Nam giáp huyện Cô Tô (tỉnh Quảng Ninh) và vịnh Bắc Bộ; Phía Tây giáp thành phố Cẩm Phả, thành phố Hạ

Long (tỉnh Quảng Ninh) và vùng Vịnh Hạ Long. Là một huyện miền núi, hải đảo của tỉnh Quảng Ninh, Vân Đồn có vị trí địa kinh tế, chính trị chiến lược, có nhiều điều kiện để xây dựng, phát triển trở thành vùng kinh tế động lực của Quảng Ninh và khu vực. Vân Đồn có diện tích tự nhiên 2.171,33 km², (trong đó, diện tích đất tự nhiên 581,83 km², diện tích vùng biển rộng: 1.589,50 km²), quy mô dân số 46.807 người, có 12 đơn vị hành chính cấp xã gồm 01 thị trấn Cái Rồng và 11 xã: Đài Xuyên, Bình Dân, Vạn Yên, Minh Châu, Đoàn Kết, Hạ Long, Đông xá, Bản Sen, Thắng Lợi, Quan Lạn, Ngọc Vũng..

Để có các chính sách, cơ chế vượt trội, tạo cực tăng trưởng kinh tế của đất nước, có tính cạnh tranh quốc tế, Chính phủ trình Quốc hội Đề án thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

CĂN CỨ, SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU YÊU CẦU

XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CĂN CỨ

1. Hiến pháp năm 2013, Điều 70 quy định “*Quốc hội quyết định ... thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt*”;

2. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần VII, IX, X của Đảng đã xác định nhiệm vụ phát triển các khu kinh tế, đặc khu kinh tế; Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XII của Đảng tiếp tục xác định: “*phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu*” và “*Xây dựng một số Đặc khu kinh tế để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm thể chế phát triển vùng có tính đột phá*”.

3. Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 Hội nghị lần thứ tư của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, nâng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, trong đó đề cập: “*Sớm triển khai xây dựng một số khu hành chính - kinh tế đặc biệt*”.

4. Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: “*Hoàn thiện thể chế kinh tế đi đôi với hoàn thiện thể chế chính trị mà trọng tâm là đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và cán bộ. Có bước đi phù hợp, vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện. Xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với kinh tế thị trường; bảo đảm định hướng*”

xã hội chủ nghĩa; tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng”; đồng thời nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu có xác định: “xây dựng một số đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với thể chế vượt trội để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy thuộc hệ thống chính trị”.

5. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khoá XII 'Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả' đã đề cập nhiệm vụ, giải pháp “*Đối với chính quyền địa phương: Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế xây dựng chính quyền địa phương theo hướng phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; chủ động thí điểm ở những nơi có đủ điều kiện. Nghiên cứu, thực hiện giảm hợp lý số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và giảm đại biểu Hội đồng nhân dân công tác ở các cơ quan quản lý nhà nước; giảm số lượng Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động để thực hiện từ nhiệm kỳ 2021 - 2026.....Rà soát, điều chỉnh, sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động của chính quyền địa phương, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp; tổ chức thực hiện có hiệu quả mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở các cấp...*”

6. Thông báo số 108-TB/TW ngày 01/10/2012 của Bộ Chính trị về Đề án “Phát triển kinh tế- xã hội nhanh, bền vững; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và thí điểm xây dựng 2 đơn vị HC-KT Vân Đồn, Móng Cái”, Bộ Chính trị đã giao: “*Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo; tỉnh Quảng Ninh chủ trì phối hợp với các bộ, ngành Trung ương khẩn trương hoàn chỉnh Đề án về “Xây dựng hai đơn vị hành chính- kinh tế Vân Đồn, Móng Cái”, báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ để Ban cán sự đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định*”.

7. Thông báo số 21-TB/TW ngày 22/3/2017 Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về các Đề án xây dựng đơn vị HC-KT Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh), Bắc Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa) và Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang), đã kết luận: “*...Đây là chủ trương lớn của Đảng đã được thông qua nhiều kỳ đại hội, do vậy cần quyết tâm triển khai thực hiện, làm từng bước vững chắc, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Đồng ý cho thành lập ba đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt: Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh), Bắc Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa) và Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang) trực thuộc cấp tỉnh, nhằm khai thác tốt nhất các tiềm năng khu vực có lợi thế vượt trội, thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư, công nghệ cao, phương thức quản lý mới tiên tiến, hình thành khu vực tăng trưởng cao, tạo thêm nguồn lực và động lực, góp phần thúc đẩy nhanh phát triển và tái cơ cấu kinh tế cho tỉnh, vùng và cả nước. Cơ cấu, mô hình tổ chức chính quyền đơn vị hành chính-kinh tế đặc biệt do Luật Đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt quy định”.*

8. Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 tại Khoản 1, Điều 14 quy định: “*Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ; thành lập,*

giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt theo đề nghị của Chính phủ”.

9. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19/6/2015 đã quy định về chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt. Trong đó đề cập: “*Đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt do Quốc hội quyết định thành lập (Điều 74); Chính quyền địa phương tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (Điều 75); Trình tự, thủ tục quyết định thành lập đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt (Điều 76)*”.

10. Luật Đầu tư năm 2014 quy định: “*Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với các ưu đãi đầu tư được quy định trong Luật này và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một ngành đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt (Điều 18)*”.

11. Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã quyết nghị: “*Lựa chọn một số khu có lợi thế đặc biệt để xây dựng Đặc khu kinh tế với cơ chế đặc thù, hiệu lực, hiệu quả, có sức lan tỏa lớn đến chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, cơ cấu lao động và cả nền kinh tế*”;

12. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính quy định về Đề án thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính (Điều 29);

13. Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020, trong đó xác định: “*Nghiên cứu xây dựng thể chế vượt trội cho những địa phương, vùng kinh tế động lực, khu hành chính- kinh tế đặc biệt để thực hiện tốt vai trò đầu tàu, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.*”

14. Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11/2016 (số 103/NQ-CP ngày 05/12/2016 của Chính phủ) đã quyết nghị: “*Chính phủ thống nhất nguyên tắc xây dựng mô hình 03 đơn vị - hành chính kinh tế Vân Đồn, Bắc Vân Phong và Phú Quốc thuộc tỉnh theo định hướng mỗi đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt lựa chọn phát triển thế mạnh riêng có, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh của mỗi đơn vị, tạo động lực phát triển mới, bảo đảm phân bổ nguồn lực theo vùng, tạo hiệu ứng lan tỏa trên phạm vi cả nước*”.

15. Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đã xác định: “*Khu kinh tế Vân Đồn: Xây dựng phát triển trở thành khu kinh tế đặc biệt với bộ máy tổ chức hành chính phù hợp; là khu vực phát triển năng động, văn minh, hiện đại; là trung tâm công nghiệp giải trí có casino, du lịch biển - đảo cao cấp, dịch vụ tổng hợp cao cấp về tài chính, ngân hàng, viễn thông; là một cửa ngõ giao thương quốc tế, tạo thế đan xen lợi ích góp phần bảo đảm vững chắc về quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ*”.

II. SỰ CẦN THIẾT

1. Tiềm năng, lợi thế của Vân Đồn:

(1) Vân Đồn có vị trí địa kinh tế, chính trị chiến lược quan trọng đối với trong nước và quốc tế, được đặt trong quy hoạch phát triển liên hoàn quốc gia;

- Nằm trên đường trung chuyển chiến lược từ khu vực Đông Á xuống Đông Nam Á, ASEAN - Trung Quốc; Trong khu vực tăng trưởng nhanh, trung tâm phát triển năng động nhất thế giới; liền kề với thị trường lớn của Trung Quốc (là nước đông dân nhất thế giới, có nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới đang phát triển mạnh mẽ¹, là thị trường lớn, dễ tính về hàng hóa và khách du lịch). Trong bán kính 5 giờ bay có thể tiếp cận tới thị trường rộng lớn với dân số hơn 3 tỷ người và tổng GDP hơn 22 nghìn tỷ USD.

- Giữ vai trò quan trọng trong quy hoạch phát triển vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ, tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và trong chuỗi đô thị quan trọng của vùng đồng bằng Sông Hồng;

(2). Tiềm năng thu hút nguồn nhân lực

- Nằm trong vùng đồng bằng Sông Hồng - khu vực phát triển năng động, đông dân cư, Vân Đồn có sự kết nối nhanh với các trung tâm kinh tế - chính trị của cả nước nên rất thuận lợi trong thu hút nguồn nhân lực kể cả nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cho nhu cầu của Đặc khu Vân Đồn. Bên cạnh lực lượng lao động tại chỗ (21.740 người năm 2017), Vân Đồn còn được hỗ trợ bởi nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh với dân số trên 1,2 triệu người, tổng số lao động hiện có khoảng 692 ngàn người (chiếm khoảng 58% dân số), Vân Đồn còn có hậu thuẫn của khu vực Vùng đồng bằng Sông Hồng với dân số trên 21,13 triệu người, lao động trong độ tuổi trên 12,0 triệu người.

(3). Hạ tầng hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật - xã hội đang được đầu tư hoàn thiện theo hướng đồng bộ, hiện đại; Vân Đồn có khả năng kết nối nhanh và tương thích về hạ tầng giao thông với các trung tâm kinh tế - chính trị trong nước và quốc tế bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không.

- Về đường bộ: Hệ thống đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái được đầu tư đồng bộ, hiện đại theo quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông đường bộ quốc gia. Bên cạnh đó, Vân Đồn còn có khả năng kết nối đường bộ đến các tỉnh biên giới phía Bắc thông qua quốc lộ 4B; đến các tỉnh miền Trung thông qua quốc lộ 10 hiện nay (cao tốc ven biển Quảng Ninh - Thanh Hóa sau này).

- Về đường biển: Vân Đồn nằm trong hệ thống cụm cảng quốc tế Hải Phòng - Quảng Ninh (Việt Nam) - Phòng Thành (Trung Quốc) có nhiều tiềm năng xây dựng cảng du lịch và bến du thuyền quốc tế, thuận lợi để tổ chức các tour du lịch đường biển². Dự án Đầu tư xây dựng Cảng biển tổng hợp nước sâu

¹ Theo kết quả cuộc nghiên cứu vừa công bố của PriceWaterhouse Coopers (PwC), một trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu thế giới hiện nay dự báo Trung Quốc sẽ soán ngôi Mỹ trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới trước năm 2030. Nguồn: <http://baotintuc.vn/kinh-te/kinh-te-trung-quoc-se-lon-nhat-the-gioi-truoc-2030>.

² Từ Vân Đồn đến các cảng của Hải Nam khoảng 200 hải lý, Hồng Kông 580 hải lý và Singapo 1.300 hải lý.

Hòn Nét - Con Ong với độ sâu -21m có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải 150.000 DWT đang được nghiên cứu triển khai đầu tư...

- Về đường hàng không: Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn quy mô cấp 4E (tiêu chuẩn ICAO) với đường cất hạ cánh dài 3,6km, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại sẽ hoàn thành việc đầu tư giai đoạn I và đưa vào vận hành thương mại giữa năm 2018, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nhất là dịch vụ du lịch, công nghiệp giải trí và logistics...

- Về đường sắt: Dự án Tuyến đường sắt cao tốc kết nối Móng Cái - Vân Đồn đang được nghiên cứu triển khai đầu tư...

(4). Điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái đa dạng và tài nguyên du lịch đặc sắc

- Vân Đồn nằm trong quần thể Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - Vịnh Bái Tử Long có điều kiện tự nhiên và hệ sinh thái phong phú, đa dạng; có tài nguyên du lịch đặc sắc và nhiều cảnh quan đẹp.

- Là quần đảo lớn nhất khu vực miền Bắc, diện tích 2.171,33 km² (đất liền 581,83 km²) và mặt biển 1.589,5 km². Địa hình Vân Đồn hết sức đa dạng, có rừng, biển, đảo đá, đảo đất (tập hợp hơn 600 hòn đảo lớn nhỏ).

- Có nhiều giá trị khác biệt về cảnh quan, sinh thái, vùng biển rộng, nhiều bãi biển tự nhiên đẹp và hoang sơ (Bãi Dài, Quan Lạn, Ngọc Vũng, Minh Châu, Sơn Hào,...); Hệ sinh thái phong phú và đa dạng, có Vườn quốc gia Bái Tử Long được công nhận là Vườn Di sản thứ 38 của ASEAN.

- Môi trường trong lành, chưa bị tác động nhiều bởi các yếu tố con người; Khí hậu nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình năm 22,8°C; độ ẩm trung bình năm là 84% thuận lợi thu hút khách du lịch trong cả năm.

- Truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời, một trong những cái nôi của người Việt cổ có các nền văn hóa (Soi Nhụ, Cái Bèo và Hạ Long), cùng với hàng chục di tích lịch sử, đặc sắc. Đặc biệt, từ thế kỷ thứ 11, Vua Lý Anh Tông đã chọn Vân Đồn để xây dựng thương cảng quốc tế đầu tiên của nước ta giao thương với các thương nhân nước ngoài và trở thành thương cảng lớn, có vị trí quan trọng nhất của nước Đại Việt.

(5). Có lợi thế về địa giới hành chính, đất đai; đã và đang nhận được sự ủng hộ của Trung ương, sự quan tâm của nhà đầu tư và quyết tâm của cả hệ thống chính trị

- Vùng đất Vân Đồn tương đối biệt lập, nhìn chung còn hoang sơ và dân số hiện tại còn ít, dư địa về đất đai còn lớn nên thuận lợi trong việc sắp xếp dân cư, bố trí và phát triển các phân khu chức năng, các dự án quy mô lớn, đẳng cấp cao,... và áp dụng những chính sách, mô hình mới.

- Cơ chế, chính sách áp dụng cho Đặc khu Vân Đồn được cấp có thẩm quyền xác định “phải đảm bảo tính vượt trội, đủ sức cạnh tranh với khu vực và quốc tế” và đang được thể chế hoá.

- Vân Đồn đã và đang nhận được sự ủng hộ của Trung ương và các Bộ, ban, ngành; sự đồng thuận, hưởng ứng và tham gia tích cực của nhân dân và nhà

đầu tư, tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước. Đặc biệt, tỉnh Quảng Ninh đã chọn Tập đoàn Sun Group là nhà đầu tư chiến lược để hợp tác cùng tỉnh đầu tư phát triển Vân Đồn ngay từ giai đoạn đầu.

- Bộ Chính trị đã có chủ trương lựa chọn Vân Đồn để xây dựng mô hình đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt và khẳng định đây là chủ trương lớn của Đảng đã được thông qua nhiều kỳ đại hội, do vậy cần quyết tâm triển khai thực hiện.

- Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017, trong đó bổ sung Dự án Luật đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt vào Chương trình cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 4 và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 5, Khoá XIV.

- Các bộ, ban, ngành khi thẩm định, đóng góp ý kiến về Đề án đều có văn bản chính thức gửi tỉnh Quảng Ninh và khẳng định quan điểm ủng hộ thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình một cách hiệu quả nhất khi triển khai Đề án.

- Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh nói chung, Vân Đồn nói riêng đồng lòng với quyết tâm cao nhất, huy động mọi nguồn lực và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để khi Luật và Nghị quyết thành lập Đặc khu được Quốc hội thông qua là có thể triển khai được ngay.

- Nhiều tập đoàn, nhà đầu tư lớn trong nước và nước ngoài đến tham quan, khảo sát, nghiên cứu tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Vân Đồn và thể hiện mong muốn được triển khai dự án đầu tư.

2. Thực tiễn phát triển

Qua hơn 25 năm phát triển mô hình khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế ở nước ta (trong đó có Khu kinh tế ven biển Vân Đồn), mặc dù đã có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả đất nước nhưng mô hình này hiện không còn mới, kém linh hoạt; cơ chế, chính sách ưu đãi chưa đủ sức cạnh tranh quốc tế; bộ máy quản lý với thẩm quyền chưa thống nhất và thủ tục hành chính chưa đủ thông thoáng, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu...; đồng thời hiện nay, môi trường đầu tư của Việt Nam (thể chế, cơ chế chính sách, nền hành chính) còn nhiều hạn chế, thiếu cạnh tranh với các quốc gia lân cận, khu vực và quốc tế do đó chưa thật sự hấp dẫn các nhà đầu tư, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài, do đó việc thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Vân Đồn sẽ góp phần khắc phục và giải quyết một phần những tồn tại nêu trên.

Nhìn ra thế giới, nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ đã xây dựng và phát triển thành công nhiều mô hình như: “đặc khu kinh tế”, “đặc khu hành chính”, “thành phố tự do”, “thành phố công nghiệp - công nghệ cao thông minh”, “khu thương mại tự do”... với cơ chế, chính sách mở, thông thoáng và ưu đãi hơn. Các mô hình này đã và đang trở thành đầu tàu phát triển, có tính lan tỏa, có sức hút đầu tư lớn và hiện đang được các nước tiếp tục hoàn thiện ở trình độ cao hơn

đề cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế sâu rộng. Các mô hình hiện nay có xu hướng phát triển với quy mô lớn hơn và có mức độ tự do, ưu đãi và cạnh tranh cao hơn, tập trung vào các lĩnh vực: thương mại, dịch vụ tài chính, ngân hàng, logistics, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, giáo dục, y tế chất lượng cao, công nghệ cao, các ngành, nghề theo xu hướng cách mạng công nghiệp lần thứ 4... vì vậy việc xây dựng đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Vân Đồn phải phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới.

Việc thành lập Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Vân Đồn bên cạnh việc khai thác tối đa tiềm năng, giá trị khác biệt và các truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời của Vân Đồn hiện nay, còn góp phần khai thác, phát huy tốt nhất Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long và Vịnh Bái Tử Long; đồng thời đáp ứng nguyện vọng của nhân dân huyện Vân Đồn nói riêng, nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh nói chung về việc xây dựng và phát triển Vân Đồn với các cơ chế, chính sách về hành chính và kinh tế đột phá, cạnh tranh quốc tế, tạo động lực mới thu hút mọi nguồn lực đầu tư trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết và cấp bách.

3. Kinh nghiệm quốc tế

3.1. Quá trình phát triển các mô hình đặc khu kinh tế

Mô hình khu kinh tế hiện đại đầu tiên được thành lập tại Puerto Rico (vùng quốc hải ở phía Đông Bắc biển Caribe thuộc chủ quyền của Mỹ) năm 1942. Từ đó, các mô hình khu kinh tế dần được nhân rộng tại nhiều quốc gia châu Á, điển hình như: Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, Phillippines, Singapore vào cuối thập kỷ 60. Trong thập kỷ 70-80, nhiều quốc gia (bao gồm cả các nước đang phát triển và các nước phát triển) bắt đầu xây dựng những khu công nghệ cao nhằm khuyến khích nghiên cứu và phát triển các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại. Số lượng các khu kinh tế tăng nhanh qua từng thời kỳ, từ 9 khu tại 9 nước vào những năm 60 đến 111 khu tại trên 40 nước vào cuối những năm 80 và tới năm 2008 đã có trên 3.000 khu tại trên 135 quốc gia, trong đó có nhiều nước đang phát triển (FIAS, 2008). Đến năm 2016 đã có khoảng 4.500 khu tại 140 quốc gia, trong đó có nhiều nước đang phát triển. Sự phát triển của các khu kinh tế góp phần quan trọng thúc đẩy thương mại toàn cầu, tạo ra trên 66 triệu việc làm trực tiếp.

Tiền thân của mô hình đặc khu kinh tế là các loại hình khu công nghiệp, khu kinh tế tự do. Trong đó, khu kinh tế tự do được phân thành 3 loại chính:

(1) Khu kinh tế *tự do có tính chất thương mại*: chủ yếu là phát triển thương mại và dịch vụ, hầu như không có (hoặc rất ít) các ngành sản xuất, chỉ có các dịch vụ hỗ trợ mua bán hàng hóa, bốc xếp, bảo quản, đóng gói... phục vụ xuất nhập khẩu;

(2) Khu kinh tế *tự do có tính chất công nghiệp*: là khu vực tập trung phát triển công nghiệp với các mô hình như khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất - khu xuất khẩu tự do, khu công nghệ cao;

(3) *Các Khu kinh tế tự do có tính chất tổng hợp*: là khu vực lãnh thổ tập trung thu hút và phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh tổng hợp, đa ngành, bao gồm cả công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, tài chính, ngân hàng, nghiên cứu khoa học.

3.2. *Đặc điểm chung của các đặc khu kinh tế và các mô hình tương tự khác trên thế giới*

Trên thế giới có nhiều mô hình “khu” với nhiều tên gọi khác nhau như “khu kinh tế”, “khu kinh tế tự do”, “khu kinh tế đặc biệt” hay “Đặc khu kinh tế”, “Đặc khu hành chính”, “khu tự trị”... với những nội hàm khác nhau và cho đến nay, các nghiên cứu trên thế giới cũng chưa thống nhất được khái niệm và phân biệt rõ ràng các loại hình nói trên. Song, có thể rút ra *đặc điểm chung* của các “khu kinh tế”, “khu kinh tế tự do”, “khu kinh tế đặc biệt” hay “Đặc khu kinh tế”, “Đặc khu hành chính” gồm: (1) Có ranh giới địa lý xác định; (2) Được áp dụng các cơ chế, chính sách riêng về hành chính và kinh tế.

Các Đặc khu kinh tế có các đặc điểm cơ bản gồm:

- Có lợi thế so sánh về vị trí địa lý, gần cảng biển quốc tế, các tuyến giao thông quan trọng của đất nước; có nhiều tiềm năng phát triển toàn diện kinh tế - xã hội;

- Có thể chế hành chính, kinh tế riêng theo chuẩn mực quốc tế như: bãi bỏ các hàng rào bảo hộ thuế và phi thuế quan; miễn thị thực nhập cảnh cho khách du lịch, kinh doanh; cho phép cư trú lâu dài đối với các nhà kinh doanh, quản lý, kỹ thuật; mức thuế thu nhập doanh nghiệp hấp dẫn; cho phép tự do kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực trừ một số lĩnh vực cấm; cho phép thực thi chế độ tự quản về hành chính, trong đó tách biệt các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; chính quyền Trung ương chỉ nắm quyền thống nhất quản lý về an ninh, quốc phòng và đối ngoại;

- Đặc khu kinh tế hoàn toàn mở cửa đối với thế giới bên ngoài;

- Đặc khu kinh tế là nơi thử nghiệm các ý tưởng cải cách, đổi mới;

3.3. *Kinh nghiệm thành công*

Thành công của Đặc khu hành chính, Đặc khu kinh tế và các mô hình tương tự khác tại một số nước nêu trên nhờ gắn kết các điều kiện địa lý - chính trị thuận lợi với các cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt và thể chế hành chính vượt trội. Cụ thể dựa vào các yếu tố, điều kiện như sau:

(1) *Luật điều chỉnh riêng*: mô hình đặc khu kinh tế với cơ chế, chính sách về kinh tế - xã hội và hành chính được điều chỉnh theo Luật áp dụng chung cho một số đặc khu kinh tế hoặc Luật riêng áp dụng cho 1 đặc khu kinh tế như ở Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, UAE, Indonesia, Nhật Bản.

(2) *Vị trí chiến lược*: được xây dựng tại những nơi có vị trí địa kinh tế, chính trị chiến lược (gần cảng biển quốc tế, các tuyến giao thông quan trọng của đất nước, kết nối dễ dàng với khu vực và quốc tế) và có điều kiện tự nhiên thuận lợi và tiềm năng phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, liền kề khu vực kinh tế

phát triển, có khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài và nguồn nhân lực. Điển hình như các đặc khu kinh tế Thâm Quyển, Sán Đầu, Chu Hải của Trung Quốc, khu kinh tế tự do Incheon và thành phố quốc tế tự do Jeju của Hàn Quốc, Dubai của UAE.

(3) *Chiến lược và mục tiêu phát triển rõ ràng*: có chiến lược phát triển phù hợp, có mục tiêu phát triển rõ ràng và hướng tới những ngành, nghề ưu tiên phát triển và có lợi thế so sánh vượt trội. Các ngành, nghề thu hút đầu tư được điều chỉnh, cập nhật liên tục, bắt kịp và phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới (xuất phát từ các ngành sản xuất gia công, lắp ráp tới các ngành chế biến, chế tạo sang thương mại, dịch vụ tài chính, ngân hàng, logistics, du lịch, văn hóa, giáo dục, y tế và đến công nghệ cao, thông minh và thân thiện môi trường, công nghiệp lần thứ 4) đồng thời xác định những đối tác chiến lược cụ thể để duy trì mức cạnh tranh cao của đặc khu kinh tế như ở Trung Quốc, Hàn Quốc, UAE, Singapore.

(4) *Môi trường đầu tư kinh doanh và chính sách ưu đãi cạnh tranh quốc tế*: có môi trường đầu tư kinh doanh đặc biệt thuận lợi, tạo điều kiện tối đa cho nhà đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc khu kinh tế được áp dụng cơ chế, chính sách về kinh tế - xã hội ưu đãi đặc biệt, mang tính vượt trội, cạnh tranh toàn cầu, ổn định, đáp ứng yêu cầu nhà đầu tư theo chuẩn mực quốc tế. Duy trì mức chi phí đầu vào sản xuất thấp và được phép thử nghiệm các chính sách mới chưa được áp dụng trên toàn quốc.

(5) *Hỗ trợ đầu tư của Chính phủ*: đặc khu kinh tế có sự hỗ trợ ban đầu của Chính phủ để đầu tư phát triển các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng và phát triển nguồn nhân lực, được xây dựng dưới hình thức liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa Nhà nước và tư nhân; có cơ chế, chính sách đặc biệt huy động các nguồn lực khu vực tư nhân trong và ngoài nước để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng; thu hút và đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; hình thành nên các khu vực đô thị văn minh, tiện nghi, hiện đại, sinh thái và thông minh như ở Trung Quốc, Hàn Quốc, UAE, Singapore.

(6) *Bộ máy quản lý hành chính tinh gọn và hiệu quả*: đặc khu kinh tế có thể chế hành chính vượt trội, chính quyền đặc khu kinh tế được giao quyền tự chủ cao về lập pháp, hành pháp và tư pháp, nhất là quyền lập quy về kinh tế (trong một số trường hợp như: các đặc khu hành chính Hồng Kông và Macao của Trung Quốc, Quần đảo Cayman thuộc Vương quốc Anh). Bộ máy quản lý hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; thủ tục hành chính đơn giản, công khai và minh bạch; đủ thẩm quyền để kịp thời xử lý và giải quyết các thủ tục hành chính, yêu cầu và vướng mắc của nhà đầu tư, tổ chức và cá nhân một cách nhanh gọn. Chính quyền trung ương kịp thời chỉ đạo, giải quyết khó khăn, quyết định những vấn đề lớn, liên ngành ngoài thẩm quyền của chính quyền đặc khu kinh tế thông qua việc thành lập Ủy ban hoặc Hội đồng do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ủy ban hoặc Chủ tịch Hội đồng như ở Hàn Quốc và Indonesia.

Chính quyền đặc khu kinh tế hỗ trợ có hiệu quả hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư. Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ quốc tế, áp dụng

phương thức quản lý tiên tiến thông qua cơ chế tuyển dụng cạnh tranh, nâng cao chế độ, chính sách về tiền lương, thưởng, hỗ trợ nhà ở..., thu hút người lao động có trình độ chuyên môn cao. Nhà nước chỉ can thiệp ở mức độ thấp nhất khi cần thiết để đảm bảo tính ổn định và cạnh tranh lành mạnh như ở Hàn Quốc và Singapore.

3.4. Nguyên nhân không thành công tại một số quốc gia

Bên cạnh những yếu tố quyết định sự thành công như đã nói ở trên, thực tế ở một số nước cũng cho thấy rằng việc chỉ tập trung ưu đãi về thuế và đầu tư kết cấu hạ tầng chỉ dựa vào ngân sách nhà nước để bù lại những bất lợi về vị trí địa lý hay kết cấu hạ tầng kém phát triển là không hiệu quả.

Các nghiên cứu cũng đưa ra một loạt những yếu tố dẫn đến sự thất bại của một số đặc khu kinh tế và các mô hình tương tự khác trên thế giới, bao gồm:

- Vị trí không thuận lợi dẫn đến các chi phí đầu tư lớn;
- Các chính sách thiếu tính cạnh tranh, chủ yếu dựa vào thời gian miễn hoặc ưu đãi thuế, các chính sách lao động cứng nhắc,;
- Kết cấu hạ tầng của các Đặc khu kinh tế chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư; sự phối hợp không chặt chẽ giữa các doanh nghiệp tư nhân và các chính phủ trong phát triển hạ tầng cho Đặc khu kinh tế;
- Giá thuê và các dịch vụ mang tính bao cấp;
- Mô hình quản lý và tổ chức bộ máy công kênh, có quá nhiều cơ quan tham gia vào việc quản lý đặc khu.

III. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Xây dựng Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn thuộc tỉnh Quảng Ninh là để khai thác tốt nhất các tiềm năng lợi thế vượt trội của Vân Đồn nhằm thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư, công nghệ cao, quản lý tiên tiến từ bên ngoài; hình thành khu vực tăng trưởng cao và phương thức quản lý mới; tạo thêm nguồn lực và động lực, góp phần trực tiếp thúc đẩy nhanh phát triển và tái cơ cấu kinh tế cho tỉnh và lan tỏa ra các vùng và cả nước.

2. Yêu cầu

(1) Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn phải có định hướng phát triển phù hợp lợi thế riêng có và cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội, đủ sức cạnh tranh với khu vực và quốc tế; có thể chế hành chính với bộ máy quản lý hành chính tinh gọn, có thẩm quyền phù hợp, hiệu lực, hiệu quả, thủ tục hành chính thuận lợi, đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư chiến lược và phải được quy định trong Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo chuẩn mực quốc tế.

(2) Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Thu hút mạnh đầu tư, nhất là nguồn lực sáng tạo, phương thức quản lý mới tiên tiến với phương châm nguồn lực bên trong là cơ bản, chiến lược, lâu dài, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá và hướng tới thu

hút tối đa nguồn lực bên ngoài; Phát triển đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn phải đặt trong quy hoạch tổng thể, trong mỗi liên kết phát triển của tỉnh Quảng Ninh, của vùng và gắn với quy hoạch phát triển của các ngành trong cả nước, nhất là gắn với Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, thành phố Hạ Long, Khu kinh tế tại thị xã Quảng Yên và khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội, khu vực phía Bắc và cả nước.

(3) Nhà nước có chính sách đặc thù thu hút mạnh vốn đầu tư trong, ngoài nước và dành nguồn lực ngân sách cần thiết để đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu ban đầu và thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn.

(4) Việc xây dựng Đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt Vân Đồn phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước; bảo đảm quốc phòng an ninh và giữ vững độc lập, chủ quyền; bảo vệ tài nguyên, môi trường; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, lợi ích của nhà đầu tư, lợi ích của địa phương và của người dân.

(5) Việc xây dựng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phải có quyết tâm cao đồng thời phải năng động, sáng tạo trong triển khai thực hiện, vừa làm vừa hoàn thiện, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính khả thi.

PHẦN THỨ HAI

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH - KINH TẾ ĐẶC BIỆT

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

- Vân Đồn là huyện đảo có lịch sử hình thành lâu đời (đến từ thời vua Hùng Vương 279- 258 TCN thuộc Bộ Ninh Hải, nước Văn Lang, qua các thời nhà Thục, Triệu, Đinh, Lý, Trần....) trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử với nhiều lần đổi tên.

- Tên Vân Đồn có nguồn gốc từ tên núi Vân (núi có mây phủ) ở làng Vân thuộc tuyến đảo ngoài (nay thuộc địa phận xã Quan Lạn). Do ở cửa ngõ của vùng quần đảo hiểm yếu nên, theo sử sách, năm 980 ở đây đã có đồn Vân, trấn giữ vùng biển Đông Bắc, của quân đội nhà Tiền Lê.

- Năm 1149, vua Lý Anh Tông chính thức lập trang Vân Đồn đồng thời xây dựng Vân Đồn thành thương cảng đầu tiên của nước Đại Việt (theo Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê). Năm 1345 là trấn Vân Đồn, năm 1407 đổi là huyện Vân Đồn, năm 1557 đổi là châu Vân Đồn. Năm 1836, đổi thành tổng Vân Hải; ngày 19/8/1890, lập huyện Vân Hải thuộc phủ Nghiêu Phong (tên cũ là Hoa Phong). Năm 1909, huyện Vân Hải lại thành tổng Vân Hải thuộc huyện Hoàn Bồ. Năm 1937, tổng Vân Hải thuộc châu Cẩm Phá.

- Tháng 12 năm 1948, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định thành lập huyện Cẩm Phả (tách khỏi thị xã Cẩm Phả - Cửa Ông) và trực thuộc Đặc khu Hòn Gai. Huyện Cẩm Phả khi đó gồm 18 xã: Bản Sen, Bình Dân, Cô Tô, Cộng Hòa, Đài Xuyên, Đoàn Kết, Đông Xá, Hạ Long, Minh Châu, Ngọc Vũng, Quan Lạn, Tân Hải, Thạch Hà, Thắng Lợi, Thanh Lân, Văn Châu, Vạn Hoa, Vạn Yên.

- Ngày 16/01/1979, sáp nhập xã Văn Châu vào xã Cộng Hòa và chuyển xã này về thị xã Cẩm Phả quản lý (nay là thành phố Cẩm Phả).

- Ngày 10/9/1981, thị trấn Cái Rồng được thành lập, sáp nhập xã Tân Hải vào xã Ngọc Vũng và sáp nhập xã Thạch Hà vào các xã Đông Xá, Hạ Long và thị trấn Cái Rồng.

- Ngày 16/4/1988, sáp nhập xã Vạn Hoa vào xã Vạn Yên.

- Ngày 23/3/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 28/CP đổi tên huyện Cẩm Phả thành huyện Vân Đồn ngày nay (bao gồm 81 thôn bản, khu phố, 11 xã và 01 thị trấn, huyện lỵ là thị trấn Cái Rồng). Riêng 02 xã Cô Tô, Thanh Lân được tách ra để thành lập huyện đảo Cô Tô.

- Ngày 26/7/2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 120/2007/QĐ-TTg về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, theo đó: Khu kinh tế Vân Đồn bao gồm toàn bộ huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; có tổng diện tích khoảng 2.171,33 km², trong đó diện tích đất tự nhiên 551,33 km², phần vùng biển rộng 1.620 km²; có ranh giới địa lý được xác định trong khoảng tọa độ địa lý từ 20°40' vĩ Bắc và từ 107°15' đến 108° kinh Đông, được giới hạn như sau: phía Bắc và phía Đông Bắc giáp huyện Tiên Yên, huyện Đàm Hà; phía Đông Nam giáp huyện Cô Tô; phía Tây giáp thị xã Cẩm Phả và thành phố Hạ Long. Khu kinh tế Vân Đồn có 1 thị trấn và 11 xã, với trên 600 hòn đảo lớn, nhỏ nằm trong vịnh Bái Tử Long.

Vân Đồn đã nhiều lần thay tên và có lúc là huyện, lúc là châu. Năm 1938 các nhà Khảo cổ học Thụy Điển, Pháp đã có những công trình nghiên cứu đầu tiên về di chỉ Ngọc Vũng, sau đó là di chỉ hang Soi Nhụ. Những năm thập niên 60-70 các nhà Khảo cổ sử học Việt Nam lại tiếp tục nghiên cứu chứng minh Vân Đồn là địa bàn cư trú của người Việt cổ thuộc thời đại đồ đá mới.

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

- Vân Đồn là huyện miền núi, hải đảo nằm ở phía Đông Nam tỉnh Quảng Ninh, hợp thành bởi 2 quần đảo Cái Bầu và Vân Hải; có tọa độ địa lý từ 20°40' đến 21°16' vĩ Bắc và từ 107°15' đến 108°00 kinh Đông.

- Phía Bắc và phía Đông Bắc giáp huyện Tiên Yên (tỉnh Quảng Ninh), huyện Đàm Hà (tỉnh Quảng Ninh); Phía Đông Nam giáp huyện Cô Tô (tỉnh Quảng Ninh) và vịnh Bắc Bộ; Phía Tây giáp thành phố Cẩm Phả, thành phố Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh) và vùng vịnh Hạ Long.

2. Điều kiện tự nhiên

2.1. Địa hình

Khu vực huyện Vân Đồn chủ yếu là đồi núi thấp và đảo đá, chiếm khoảng 70% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện. Ngoài ra có một phần nhỏ diện tích là đồng bằng ven biển, chiếm khoảng 1,5% tổng diện tích, là những dải nhỏ hẹp ven bờ biển từ bến phà Tài Xá (cũ) tới xã Hạ Long.

Theo điều tra cơ bản địa hình đáy biển của khu vực Vân Đồn tương đối đơn giản và bằng phẳng. Vật liệu tích tụ chủ yếu là cát bột, sỏi sạn và một phần vụn vỏ sinh vật. Một số vùng nước sâu, cửa biển đáy tồn tại các rạn đá.

Do địa hình là quần đảo, chủ yếu là các đảo nhỏ, nhiều đảo là núi đá vôi, nên trong diện tích tự nhiên của huyện, diện tích đất chiếm tỷ trọng không lớn, chủ yếu là diện tích mặt biển, thuận lợi cho phát triển kinh tế biển. Trên các đảo không có sông ngòi lớn, chỉ có vài con suối nhỏ. Có một số sông nối giữa các đảo với nhau và với đất liền như: sông Voi Lớn nằm giữa đảo Cái Bầu, sông Mang ở đảo Quan Lạn.

Huyện đảo Vân Đồn, nằm trong Vịnh Bái Tử Long, có nhiều đảo đá vôi và những hang động đẹp, nối liền với Vịnh Hạ Long - Di sản kỳ quan thiên nhiên thế giới.

2.2. Khí hậu

Vân Đồn thuộc khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, với mùa hè nóng và ẩm, mùa đông khô và lạnh, Vân Đồn bị chi phối bởi khí hậu duyên hải, chịu ảnh hưởng và tác động của biển, tạo ra những tiểu vùng sinh thái hỗn hợp miền núi, ven biển. Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quảng Ninh, Vân Đồn có đặc trưng thời tiết khí hậu như sau:

- Nhiệt độ trung bình: không cao, khoảng 23°C cả năm. Nhiệt độ cao nhất thường vào tháng 6-7, dao động trong khoảng 26-30°C. Thấp nhất vào tháng 1 hàng năm, trung bình khoảng 14-18°C. Chênh lệch giữa các tháng liên kế thường không quá 4°C.

- Chế độ mưa: Mưa thường tập trung chủ yếu vào các tháng mùa hè với lượng mưa trên 200 mm/tháng. Tháng có mưa nhiều nhất là tháng 7 và tháng 8. Tháng mưa ít nhất vào tháng 12 và tháng 1, tháng 2 năm sau. Lượng mưa trung bình cả năm dao động từ 14 ÷ 20 mm, mùa đông, lượng mưa lớn nhất của một ngày có thể đạt 350 ÷ 450 mm.

2.3. Thủy văn, hải văn

Huyện đảo Vân Đồn có địa hình đảo hẹp, núi đồi dốc, có ít sông suối, chỉ có một con sông Voi Lớn (chiều dài 18km) chảy qua địa phận các xã: Đài Xuyên, Bình Dân, Đoàn Kết, Đông Xá, rồi đổ ra biển; có 03 con suối có độ dài từ 10 ÷ 25 km, thường cạn vào mùa khô. Dòng chảy của sông suối huyện Vân Đồn chia thành hai mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau. Lượng nước mưa chiếm tới 75 ÷ 85% tổng lượng

nước cả năm. Mạng lưới sông suối ít và phân bố rải rác, dòng chảy nhỏ đã gây những khó khăn lớn về cung cấp nguồn nước ngọt.

Khu vực huyện Vân Đồn có chế độ nhật triều thuận nhất, trong một ngày có một lần nước lớn và một lần nước ròng. Các đỉnh triều (nước lớn) thường cách nhau 25 giờ. Số ngày có một lần nước lên và một lần nước xuống chiếm 85 ÷ 95% (tức trên 25 ngày) trong tháng. Khu vực huyện Vân Đồn có biên độ thủy triều vào loại lớn nhất nước ta, khoảng 3,5 ÷ 4,0 m.

- Sóng biển ở Vân Đồn có cấp độ không cao như ở ngoài khơi do có rất nhiều hòn đảo chắn phía ngoài. Sóng cao nhất chỉ xuất hiện ở hướng Nam và Tây Nam với tần suất nhỏ. Sóng ở đây chủ yếu là sóng gió (sóng do gió). Địa hình đáy biển không sâu và đà gió không mạnh làm cho sóng không phát triển mạnh, kể cả khi có các biến động thời tiết mạnh như bão. Sóng biển ở Vân Đồn thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản bằng hình thức lồng bè trên biển.

2.4. Tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản

Tài nguyên đất, rừng: Đất đai của huyện Vân Đồn được chia thành hai vùng chính: Vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi. Vùng đồng bằng ven biển được chia thành ba loại đất chính: đất cồn cát và bãi cát, đất cát biển và đất mặn. Tổng diện tích đất 58.183,3ha, trong đó: Đất nông nghiệp: 38.455,8ha, chiếm 66,1% tổng diện tích đất tự nhiên (riêng đất trồng lúa 639,8ha, đất rừng sản xuất: 20.123,6 ha); đất phi nông nghiệp: 6.172,8ha, chiếm 10,6% tổng diện tích đất tự nhiên; đất chưa sử dụng: 13.554,7ha, chiếm 23,3% tổng diện tích đất tự nhiên. Căn cứ nhu cầu sử dụng đất theo đề xuất của nhà đầu tư và mục tiêu phát triển đặc khu kinh tế chủ yếu là du lịch, dịch vụ nên phân diện tích đất có khả năng khai thác phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển đô thị bao gồm toàn bộ diện tích đất chưa sử dụng và diện tích đất nông nghiệp, trừ 15.283ha diện tích rừng quốc gia Ba Mùn (khoảng 36.727,5ha, chiếm 63% tổng diện tích đất tự nhiên).

BẢNG HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)
	Tổng diện tích	58.183,28
1	Đất nông nghiệp	38.479,02
1.1	Đất trồng lúa	704,46
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>281,36</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	263,18
1.3	Đất trồng cây lâu năm	975,06
1.4	Đất rừng phòng hộ	9.548,24
1.5	Đất rừng đặc dụng	5.327,15

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)
1.6	Đất rừng sản xuất	20.265,97
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.412,97
2	<i>Đất phi nông nghiệp</i>	5.364,64
2.1	Đất ở tại nông thôn	310,81
2.2	Đất ở tại đô thị	48,54
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	6,22
2.4	Đất quốc phòng	490,60
2.5	Đất an ninh	0,84
2.6	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	3,66
2.7	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	2,85
2.8	Đất xây dựng cơ sở y tế	5,36
2.9	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	26,92
2.10	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	3,49
2.11	Đất thương mại, dịch vụ	284,25
2.12	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	194,82
2.13	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	145,36
2.14	Đất giao thông	745,47
2.15	Đất thủy lợi	729,10
2.16	Đất có di tích lịch sử, văn hóa	6,02
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,96
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	1,48
2.19	Đất công trình năng lượng	2,97
2.20	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,37
2.21	Đất chợ	2,02
2.22	Đất bãi thải, xử lý chất thải	1,83
2.23	Đất công trình công cộng khác	0,20
2.24	Đất cơ sở tôn giáo	11,78
2.25	Đất cơ sở tín ngưỡng	7,12
2.26	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	71,22
2.27	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.977,53

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)
2.28	Đất có mặt nước chuyên dùng	275,88
2.29	Đất phi nông nghiệp khác	0,96
3	Đất chưa sử dụng	14.321,62

- Vân Đồn có Vườn quốc gia Ba Mùn rộng 15.283ha, trong đó diện tích rừng và đất rừng là 6.125ha với hơn 80 đảo lớn, nhỏ. Vườn có khu hệ động, thực vật phong phú, đại diện cho khu hệ động, thực vật của vùng Đông Bắc Việt Nam, đến nay đã thống kê được 2.212 loài động, thực vật, được Trung tâm Đa dạng sinh học ASEAN công nhận danh hiệu Vườn di sản thứ 38 của ASEAN. Nơi đây cũng có nhiều bãi tắm hoang sơ đẹp vào loại bậc nhất của miền Bắc, những cánh rừng nguyên sinh thích hợp để phát triển các loại hình du lịch tắm biển, nghỉ dưỡng cao cấp.

- Tài nguyên biển: Các hệ sinh thái biển đặc trưng là cơ sở tạo nên vùng biển có nguồn lợi thủy sản phong phú, đa dạng và có trữ lượng khá lớn. Vùng biển Bái Tử Long, với điều kiện tự nhiên có được đầy đủ các yếu tố đặc trưng, thể hiện các hệ sinh thái biển điển hình: Hệ sinh thái rạn san hô: với độ phủ của rạn đạt từ 42,7 ÷ 57,1%; Hệ sinh thái rừng ngập mặn: Vân Đồn có 7.381 ha rừng ngập mặn. Thực vật ngập mặn ở Bái Tử Long có vai trò to lớn; Hệ sinh thái vùng triều: Là một trong 3 hệ sinh thái biển quan trọng của tỉnh Quảng Ninh, được phân bố hầu hết trên các vùng ven biển các huyện

- Tài nguyên khoáng sản: Vân Đồn có một số tài nguyên khoáng sản như đá vôi, than đá, cát, quặng sắt, vàng đã từng được tổ chức khai thác từ lâu:

+ Về than đá, mỏ Kế Bào đã được khai thác từ thời thuộc Pháp. Đến nay do ảnh hưởng tới môi trường, mặt khác cấu trúc vỉa phức tạp, chất lượng than không cao nên đã dừng khai thác quy mô công nghiệp.

+ Điểm quặng sắt Thâm Câu (đảo Cái Bàu) được đánh giá có trữ lượng khoảng 790.000 tấn, tài nguyên dự báo 1,2 triệu tấn (Đoàn 913 đánh giá), đã khai thác 2 thời kỳ (1930-1940) và (1959-1960).

+ Mỏ cát trắng Vân Hải thuộc loại mỏ lớn, có trữ lượng gần 6 triệu tấn, hiện đang khai thác cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất kính, thủy tinh một cách có hiệu quả.

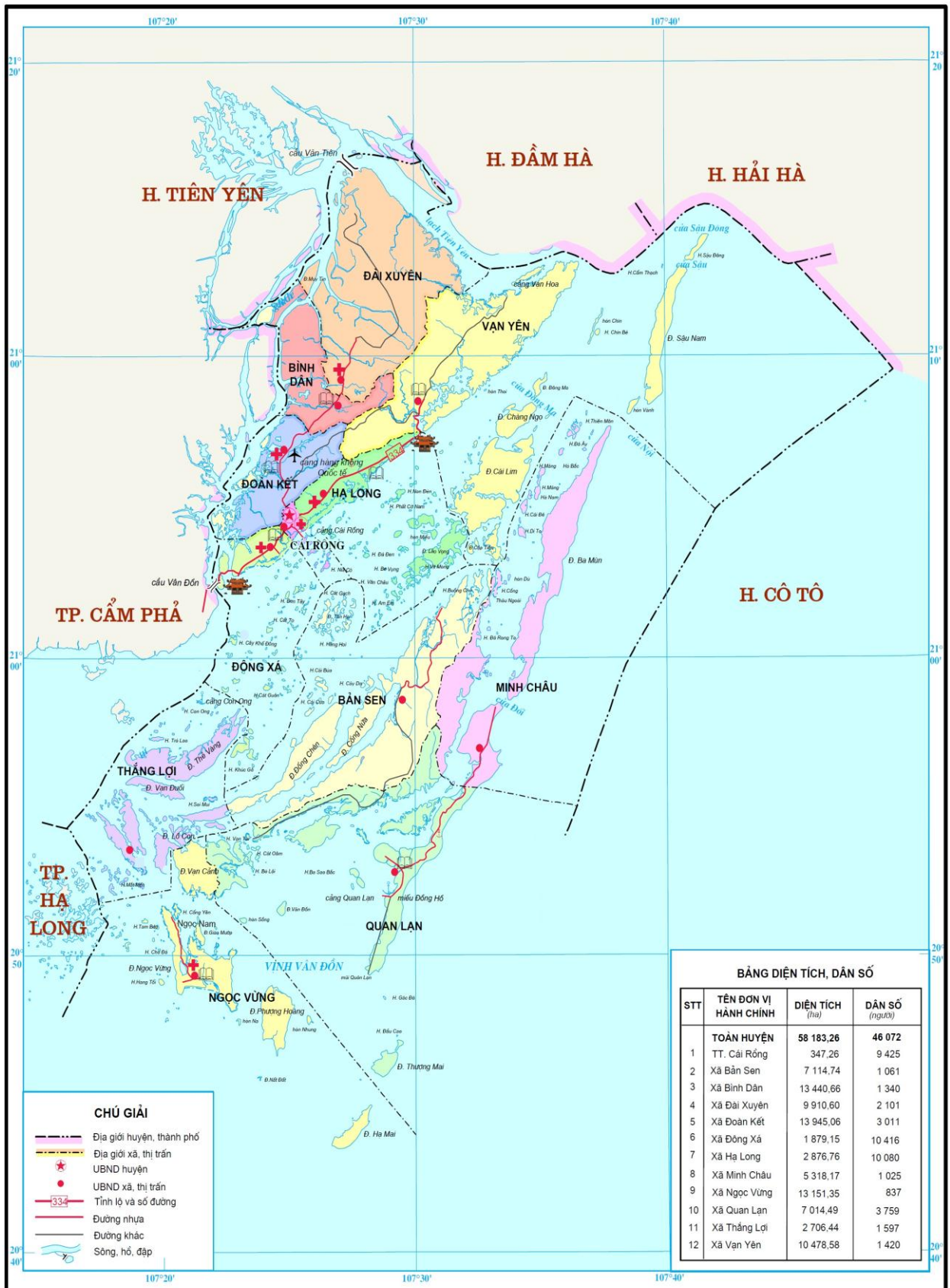
+ Vàng có ở đảo Cái Bàu là vàng sa khoáng và vàng trong đới quặng sắt chưa khai thác.

III. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, DÂN SỐ VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

1. Diện tích tự nhiên

Vân Đồn có diện tích tự nhiên là 2.171,33 km², trong đó phần đất nổi là 581,83 km², 0,073 km² đất rừng ngập mặn và khoảng 1.515,69 km² mặt nước biển, gồm 600 hòn đảo lớn nhỏ nằm trong vịnh Bái Tử Long, nhưng chỉ có hơn 20 đảo đất có người ở, còn các đảo nhỏ là núi đá vôi không có người ở. Lớn nhất

là đảo Cái Bàu rộng 309 km² (chiếm 56,1%), trong đó có thị trấn Cái Rồng và 6 xã. Vùng quần đảo Vân Hải phía ngoài trái rộng 0,24 km² (chiếm 43,9%) gồm 5 xã đảo. Các đảo đều có địa hình đồi núi, độ cao từ 200 đến 300m (núi Nàng Tiên ở đảo Trà Bản cao 450 m, núi Vạn Hoa ở đảo Cái Bàu cao 397m).



TỶ LỆ 1: 230 000

2. Dân số

Quy mô dân số của huyện Vân Đồn đến ngày 31/12/2017 là 46.560 người. Trong đó dân số thành thị là 9.607 người, chiếm 20,63% tổng dân số toàn huyện; dân số nông thôn là 36.953 người, chiếm 79,37%. Trong tổng số dân cư năm 2017, dân số nam chiếm 49,06%, nữ chiếm gần 50,94%. Tốc độ tăng tự nhiên cho cả thời kỳ 2011 - 2017 trung bình khoảng 1,09-1,85%/năm và biến động không đều qua các năm. Tỷ lệ tăng dân số năm 2017 là 1,09%. Mật độ dân số năm 2017 là: 80 người/km².

Dân số Vân Đồn phân theo xã (giai đoạn 2011-2017)

Đơn vị hành chính	Năm (người)					
	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng cộng	43.110	44.100	45.250	45.994	46.072	46.560
Thị trấn Cái Rồng	8.709	8.936	9.259	9.411	9.425	9.607
Xã Đài Xuyên	1.884	1.988	2.027	2.089	2.102	2.150
Xã Bình Dân	1.289	1.324	1.364	1.398	1.340	1.371
Xã Vạn Yên	1.289	1.307	1.429	1.448	1.420	1.444
Xã Minh Châu	1.026	1.042	1.052	1.001	1.025	1.045
Xã Đoàn Kết	2.901	2.918	2.965	3.042	3.011	3.013
Xã Hạ Long	9.563	9.715	10.018	10.116	10.080	10.299
Xã Đông Xá	9.580	9.735	9.911	10.117	10.416	10.300
Xã Bản Sen	972	979	985	1.009	1.061	1.097
Xã Thắng Lợi	1.491	1.533	1.573	1.598	1.597	1.617
Xã Quan Lạn	3.568	3.797	3.811	3.918	3.759	3.780
Xã Ngọc Vũng	838	826	856	847	836	837

3. Lao động

Lao động trong độ tuổi (năm 2017) là 21.740 người, chiếm tỷ lệ 46,69% dân số của huyện. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động khá thấp so với các địa phương khác tỉnh Quảng Ninh và mức trung bình của cả nước. Số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân: 21.488 người.

4. Đơn vị hành chính

Huyện Vân Đồn có 12 đơn vị hành chính gồm 01 thị trấn Cái Rồng và 11 xã: Đông Xá, Hạ Long, Bình Dân, Đoàn Kết, Đài Xuyên, Vạn Yên, Bản Sen,

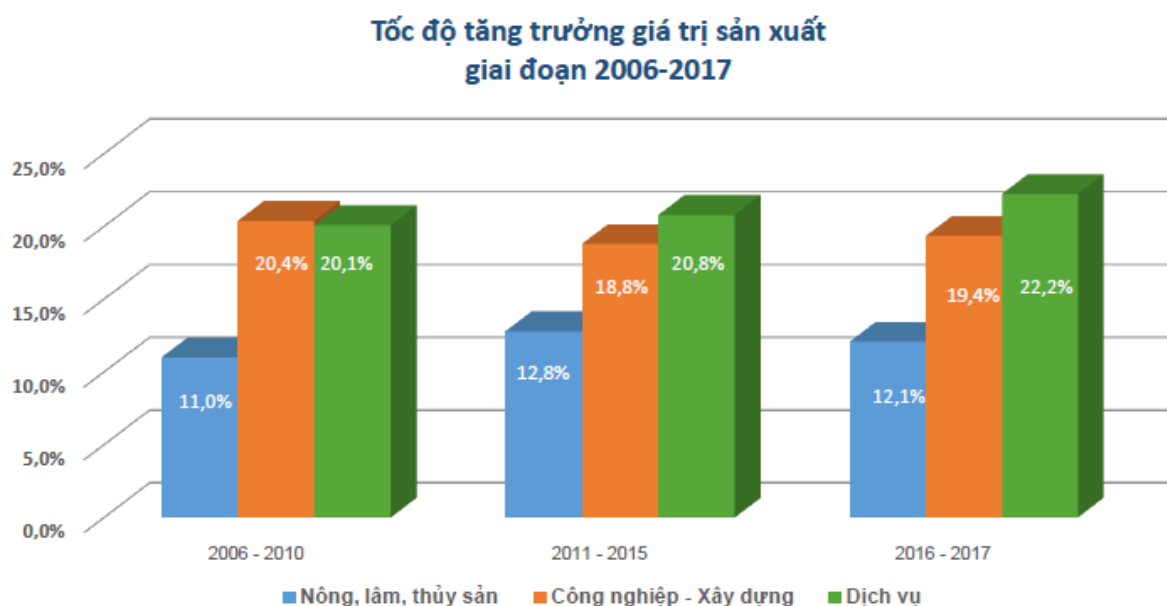
Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng, Thăng Lợi; trong đó có 05 xã đảo, 06 xã bãi ngang. Toàn huyện có tổng số 79 thôn, khu.

Tên đơn vị hành chính	Diện tích (Ha)	Dân số năm 2017 (Người)	Số hộ dân (hộ)	Số thôn khu (Thôn, khu)
Tổng cộng	58.183,26	46.560	12.422	79
Thị trấn Cái Rồng	347,26	9.607	2.723	09
Xã Đoàn Kết	3.945,06	3.013	784	06
Xã Bình Dân	3.440,66	1.371	371	05
Xã Đài Xuyên	9.910,60	2.150	592	04
Xã Vạn Yên	10.478,58	1.444	369	05
Xã Hạ Long	2.876,76	10.299	2.582	15
Xã Đông Xá	1.879,15	10.300	2.804	10
Xã Ngọc Vũng	3.151,35	837	236	04
Xã Quan Lạn	7.014,49	3.780	942	06
Xã Minh Châu	5.318,17	1.045	288	05
Xã Bản Sen	7.114,74	1.097	292	06
Xã Thăng Lợi	2.706,44	1.617	439	04

IV. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

3.1. Về kinh tế

3.1.1. Mức tăng trưởng kinh tế



Tổng giá trị sản xuất năm 2017 đạt 3.681 tỷ đồng; Giá trị tăng thêm đạt 1.758 tỷ đồng (theo giá 2010). Nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2011 -2017 đạt 16,4%/năm; giá trị tăng thêm tăng bình quân đạt 15,5%/năm.

Bảng Giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm giai đoạn 2011-2017 theo giá năm 2010 (đơn vị tỷ đồng)

Ngành, lĩnh vực	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
GTSX	1.490	1.723	2.001	2.312	2.674	3.120	3.681
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	668	727	813	910	1.034	1.147	1.276
Công nghiệp và xây dựng	431	524	625	735	860	1.015	1.225
Dịch vụ	391	472	563	667	780	958	1.180
GTTT	740	847	973	1.120	1.296	1.497	1.758
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	310	348	392	441	500	552	612
Công nghiệp và xây dựng	226	262	305	356	416	490	590
Dịch vụ	204	237	276	323	380	455	556

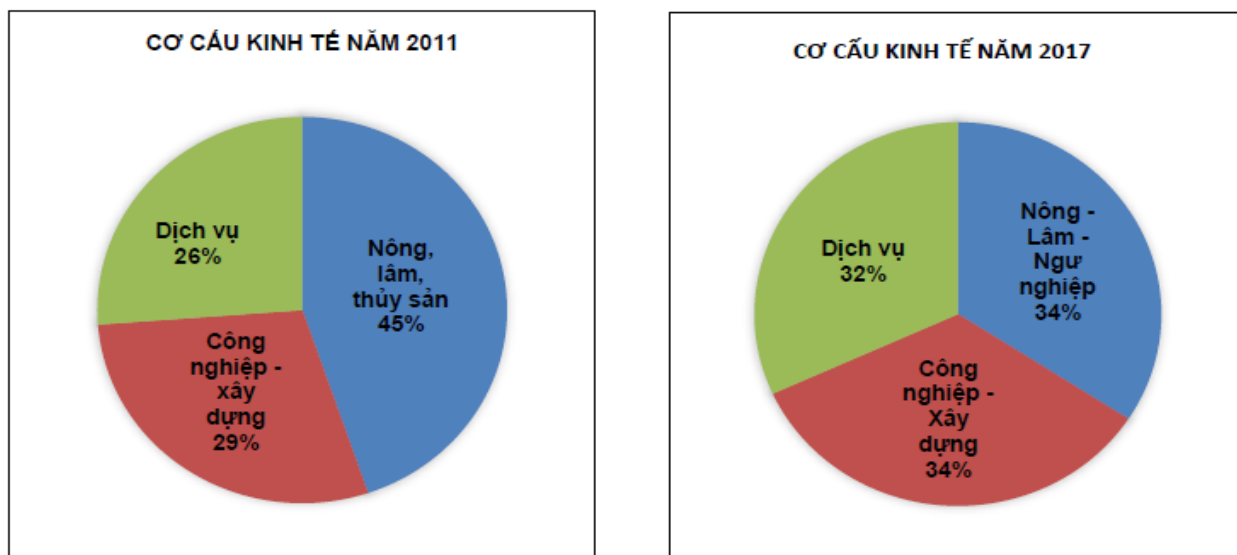
Bảng Giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm giai đoạn 2011-2017 theo giá hiện hành (đơn vị: Tỷ đồng)

Ngành, lĩnh vực	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
GTSX	2.139	2.506	2.919	3.380	3.904	4.544	5.396
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	937	1.051	1.168	1.326	1.494	1.644	1.808
Công nghiệp và xây dựng	657	775	935	1.094	1.291	1.523	1.858
Dịch vụ	545	680	816	960	1.119	1.377	1.730
GTTT	903	1.054	1.225	1.411	1.624	1.881	2.214
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	393	439	487	550	619	677	742
Công nghiệp và xây dựng	279	328	394	459	539	635	763
Dịch vụ	231	287	344	402	466	569	709

Thu nhập bình quân đầu người năm 2017 đạt khoảng 2.650 USD/người với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011-2017 đạt 19,86%/năm.

3.1.2. Cơ cấu các ngành kinh tế

Cơ cấu các ngành kinh tế của Vân Đồn giai đoạn 2011 - 2017 có xu thế tăng nhanh tỷ trọng lĩnh vực dịch vụ; trong khi đó ngành nông, lâm thủy sản giảm dần.



3.1.3. Thu chi ngân sách

Tổng thu ngân sách giai đoạn 2011-2017 đạt 913,174 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 55%/năm, trong đó thu ngân sách không bao gồm tiền thu sử dụng đất đạt 555,6 tỷ đồng, tốc độ tăng thu 17,6%. Tuy nhiên, tỷ lệ huy động ngân sách địa phương bằng khoảng 10% giá trị tăng thêm và chỉ đáp ứng từ 20-25% chi thường xuyên, phần còn lại phải bổ sung từ ngân sách tỉnh.

Tổng chi ngân sách giai đoạn 2011-2017 đạt 2.847 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 17,6 %/năm; Trong đó, tổng chi thường xuyên 2.130 tỷ đồng, tốc độ tăng chi bình quân 15,6%/năm; Chi đầu tư đạt 676 tỷ đồng, tốc độ tăng chi bình quân 20,4%/năm.

3.1.4 Đầu tư

Tổng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2017 là 6.277 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Trung ương 1.330,65 tỷ đồng, ngân sách địa phương 4.947 tỷ đồng. Năm 2018, ngân sách tỉnh đã ưu tiên phân bổ 1.231 tỷ đồng để triển khai đầu tư một số dự án động lực tại Vân Đồn như: Trung tâm hành chính, các tuyến đường giao thông trục chính,...;

Về thu hút đầu tư: Trên địa bàn Vân Đồn hiện có 55 dự án đầu tư vốn ngoài ngân với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 21.092,85 tỷ đồng (tỷ lệ giải ngân đạt khoảng 30%), trong đó có 04 dự án vốn FDI với tổng vốn đăng ký 19,39 triệu USD.

Một số dự án quy mô lớn, đẳng cấp cao sẽ khởi công trong năm 2018 tại Vân Đồn, cụ thể: (1) Dự án Tổ hợp du lịch SONASEA DRAGON BAY (giai

đoạn 1) với tổng vốn đầu tư dự kiến trên 4.950 tỷ đồng; (2) Dự án Furama Hạ Long Việt Nam Resort & Vilas quy mô khách sạn đẳng cấp 5 sao với tổng vốn đầu tư trên 1.120 tỷ đồng; (3) Dự án Tổ hợp du lịch và con đường di sản tại Vân Đồn gồm 09 phân khu chức năng, (Phân kỳ 1) với vốn đầu tư dự kiến 5.000 tỷ đồng; (4) Dự án Khu phức hợp nghỉ dưỡng, giải trí cao cấp tại đảo Ngọc Vũng do Tập đoàn FLC nghiên cứu, tổng vốn đầu tư khoảng 46.000 tỷ đồng, trong đó triển khai phân kỳ 1 khoảng 5.000 tỷ đồng.

3.2. Về văn hoá - xã hội

Thời gian qua các lĩnh vực xã hội được quan tâm đúng mức, có bước phát triển tốt so với tình hình chung của tỉnh.

Giáo dục và đào tạo: Hiện tại trên địa bàn Vân Đồn có 35 trường học các cấp (gồm: mầm non: 13 trường (trong đó công lập: 12; tư thục: 01); phổ thông: 29 trường, chia ra: Tiểu học 08 trường, trung học cơ sở: 05 trường; PTCS : 06, Trung học phổ thông: 03 trường) với 424 lớp (gồm: mẫu giáo: 115 lớp; phổ thông: 309 lớp, chia ra: Tiểu học: 178 lớp, trung học cơ sở: 95 lớp, Trung học phổ thông: 36 lớp), đến năm 2017 tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia là 27/35, bằng 77,14%. Đội ngũ giáo viên trên địa bàn huyện là 868 người trong biên chế, với cấp mầm non: 240 người, tiểu học: 286 người, THCS: 245 người và THPT: 97 giáo viên. Số lượng viên chức của khối sự nghiệp giáo dục phần lớn là cán bộ trẻ (bao gồm cán bộ quản lý, hành chính phục vụ và giáo viên) nên 100% đội ngũ đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn chiếm tới 76% 26/32 trường đạt chuẩn (bằng 81,25%). Tỷ lệ giáo dục phổ cập giáo dục trẻ mầm non 5 tuổi được giữ vững; hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 99%; tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 94,2%, tỷ lệ đỗ vào các trường đại học, cao đẳng là 60%.

Lĩnh vực y tế, dân số, chăm sóc sức khỏe nhân dân: Hiện tại trên địa bàn Vân Đồn có Bệnh viện đa khoa huyện, phân viện y tế tại Quan Lạn và 12 trạm y tế xã, thị trấn. Lĩnh vực y tế, dân số, chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt kết quả tích cực: đạt tỷ lệ 8,86 bác sĩ và 26,7 giường bệnh/vạn dân; 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ; 100% số xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. Tổng số nhân lực y tế có mặt đến 31/12/2017 là 211 người, trong đó tuyến huyện: 161 người và tuyến xã: 50 người.

Văn hóa, thông tin: 100% số thôn, khu phố có nhà văn hoá; 100% số thôn, khu phố đạt danh hiệu thôn, khu văn hoá; Đạt tỷ lệ 95% số người dân được nghe Đài tiếng nói Việt Nam và xem Đài Truyền hình Việt Nam, 80% số hộ dân nghe và xem được Đài PTTH Quảng Ninh, 75% số hộ dân được nghe Đài phát thanh truyền thanh của huyện. 100% số xã đã có trạm truyền thanh hữu tuyến.

An sinh xã hội: Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn. Trên địa bàn huyện có 03 tôn giáo đang hoạt động: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, chiếm 5,05% dân số toàn huyện, các hoạt động tôn giáo trên địa bàn cơ bản đúng quy định, pháp luật. Hộ nghèo 799 hộ (7,16% theo tiêu chí mới) xuống còn 623 hộ (5,39% theo tiêu chí mới) giảm 1,8% so với kỳ ban đầu.

3.3. Về môi trường

Từ cuối năm 2016, UBND huyện Vân Đồn đã triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao công tác quản lý đô thị trên địa bàn khu đô thị Cái Rồng và công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020”, trong đó có thực hiện các nhiệm vụ về quản lý chất thải rắn. Đến nay 11/12 xã, thị trấn đã có phương án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt hàng ngày. Năm 2017, UBND huyện đã bổ sung kinh phí cho hạng mục quét dọn lòng đường, vỉa hè; đã mang lại hiệu quả tích cực, đặc biệt các tuyến phố khu vực trung tâm huyện được quét dọn hàng ngày sạch sẽ, cải thiện được mỹ quan đô thị. Trên địa bàn huyện hiện có 02 khu xử lý rác thải đang hoạt động là bãi chôn lấp Cầu Cao thôn Đài Làng xã Vạn Yên (tiếp nhận rác thải của các xã nội đảo Cái Bầu) và Khu xử lý rác thải thôn Sơn Hào xã Quan Lạn (tiếp nhận, xử lý rác thải sinh hoạt của 2 xã Quan Lạn – Minh Châu).

Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện tốt. Môi trường hiện được đánh giá còn trong giới hạn cho phép. Về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường thời gian qua đã đạt kết quả tích cực.

3.4. Về kết cấu hạ tầng:

- Hạ tầng giao thông đối ngoại: Trong 03 năm 2015-2017, tỉnh Quảng Ninh đã thu hút khoảng 36.000 tỷ đồng đầu tư vào các dự án hạ tầng giao thông quan trọng kết nối đến Vân Đồn.

- Hạ tầng giao thông nội khu: đã được tỉnh ưu tiên tập trung nguồn lực từ ngân sách để đầu tư đồng bộ. Tổng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2017 là 6.277 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Trung ương 1.330,65 tỷ đồng, ngân sách địa phương 4.947 tỷ đồng.

Một số dự án, công trình trọng điểm đang được Tỉnh quyết liệt chỉ đạo triển khai đầu tư gồm: (1) Dự án Tuyên đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng dài 25km, tổng mức đầu tư trên 13.600 tỷ đồng, dự kiến thông toàn tuyến vào quý II/2018; (2) Dự án cao tốc Hạ Long - Vân Đồn và cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương, dài 53,6km, tổng mức đầu tư 13.988 tỷ đồng, dự kiến sẽ hoàn thành vào quý II năm 2018; (3) Dự án cao tốc Vân Đồn - Móng Cái: tổng chiều dài khoảng 80,2 km, tổng mức đầu tư trên 12.650 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB là 1.455 tỷ đồng bằng vốn ngân sách tỉnh)³, tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự kiến khởi công quý III năm 2018; (4) Dự án Hồ chứa nước Đồng Dộng có dung tích 9,52 triệu m³, tổng vốn đầu tư 498,7 tỷ đồng; (5) Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn quy mô cấp 4E, với đường cất hạ cánh dài 3,6km, với công suất 5 triệu lượt khách/năm, tổng vốn đầu tư gần 7.500 tỷ đồng, dự kiến đưa vào vận hành khai thác trong năm 2018; (6) Dự án Khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp có casino: Quy mô diện tích trên 2.500 ha, tổng vốn đầu tư trên 46.500 tỷ đồng, hiện đang báo cáo Thủ

³ Tổng mức đầu tư của dự án cao tốc Vân Đồn – Móng Cái là 11.195 tỷ đồng (tại Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 09/02/2018) và dự án bồi thường, GPMB để thực hiện Dự án đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái theo hình thức đối tác công tư (PPP), hợp đồng BOT với tổng mức giải phóng mặt bằng là 1.454,9 tỷ đồng (tại Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 20/7/2017)

tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư; (7) Dự án Tuyến đường trục chính từ Cảng hàng không vào Khu phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn có chiều dài 15km với tổng mức đầu tư 1.429 tỷ đồng triển khai thi công dự kiến thông tuyến trong quý II năm 2018.

- Hạ tầng thông tin truyền thông: Về cơ bản, đáp ứng được nhu cầu sử dụng dịch vụ của các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn.

- Hệ thống cung cấp điện: Hệ thống lưới điện đã phủ đến toàn bộ huyện Vân Đồn cả trên đất liền và trên các đảo. Hiện tại đang triển khai cấp điện cho các phụ tải mới như Sân bay Vân Đồn, cảng Vạn Hoa và khu hỗ trợ cảng hàng không Quảng Ninh.

- Hệ thống cấp nước: tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đô thị đạt tỷ lệ 99%, nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh đạt 96%;

- Về hạ tầng các khu tái định cư: Đã và đang hoàn thành việc thi công xây dựng dự án khu tái định cư tại xã Hạ Long và một số khu vực khác kịp thời đáp ứng nhu cầu tái định cư của người dân trong vùng phát triển dự án.

- Kiến trúc cảnh quan đô thị: Đảng bộ chính quyền nhân dân huyện Vân Đồn đã và đang tạo ra diện mạo mới cho huyện với các hạng mục công trình, điện, đường, trường, trạm được chỉnh trang, xây dựng mới đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Chính phủ.

3.5. Về quốc phòng - an ninh và đối ngoại

Quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, không để xảy ra tình huống đột xuất bất ngờ; không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập, ô nhóm tội phạm có tổ chức, hoạt động theo kiểu “xã hội đen”, các tụ điểm phức tạp, không để phát sinh, hình thành các “điểm nóng” về an ninh trật tự.

Hoạt động đối ngoại từng bước được tăng cường, mở rộng theo tinh thần Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 06/7/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới” góp phần tích cực, hiệu quả vào phát triển ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân.

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Hệ thống chính trị hiện nay gồm có Đảng bộ huyện Vân Đồn, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội; các cơ quan nội chính, tư pháp và ngành dọc khác. Huyện Vân Đồn gồm 12 xã, thị trấn và 79 thôn, khu.

4.1. Khối Đảng:

- Đảng bộ huyện Vân Đồn trực thuộc Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh. Dưới Đảng bộ huyện Vân Đồn là chi bộ, đảng bộ cơ sở thuộc các xã, thị trấn, các cơ

quan chuyên môn, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Trực thuộc Huyện ủy có 33 Đảng bộ, chi bộ cơ sở; 168 chi bộ trực thuộc⁴ với 2.640 đảng viên.

- Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vân Đồn gồm: 39 đồng chí; Ban thường vụ gồm 11 đồng chí; Lãnh đạo huyện gồm: Bí thư huyện ủy, 02 Phó Bí thư trong đó 01 đồng chí là Phó Bí thư – Chủ tịch HĐND và 01 đồng chí Phó Bí thư là Chủ tịch UBND huyện. Cấp ủy cơ sở: Bí thư đảng ủy cơ sở gồm: 12 đồng chí (trong đó 05 chuyên trách; 05 kiêm chủ tịch HĐND; 02 kiêm Chủ tịch UBND xã); Phó Bí thư đảng ủy 25 đồng chí (trong đó có 07 đồng chí kiêm Chủ tịch HĐND, có 10 đồng chí kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân; 05 đồng chí là lực lượng bộ đội biên phòng tăng cường);

- Cơ quan tham mưu gồm: Văn phòng Huyện ủy, Ban Dân vận, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện.



4.2. Khối chính quyền:

- HĐND huyện: Có 31 đại biểu; số đại biểu chuyên trách là 02 Phó Chủ tịch HĐND. HĐND có 02 ban, gồm: Ban Pháp chế và Ban Văn hóa Xã hội.

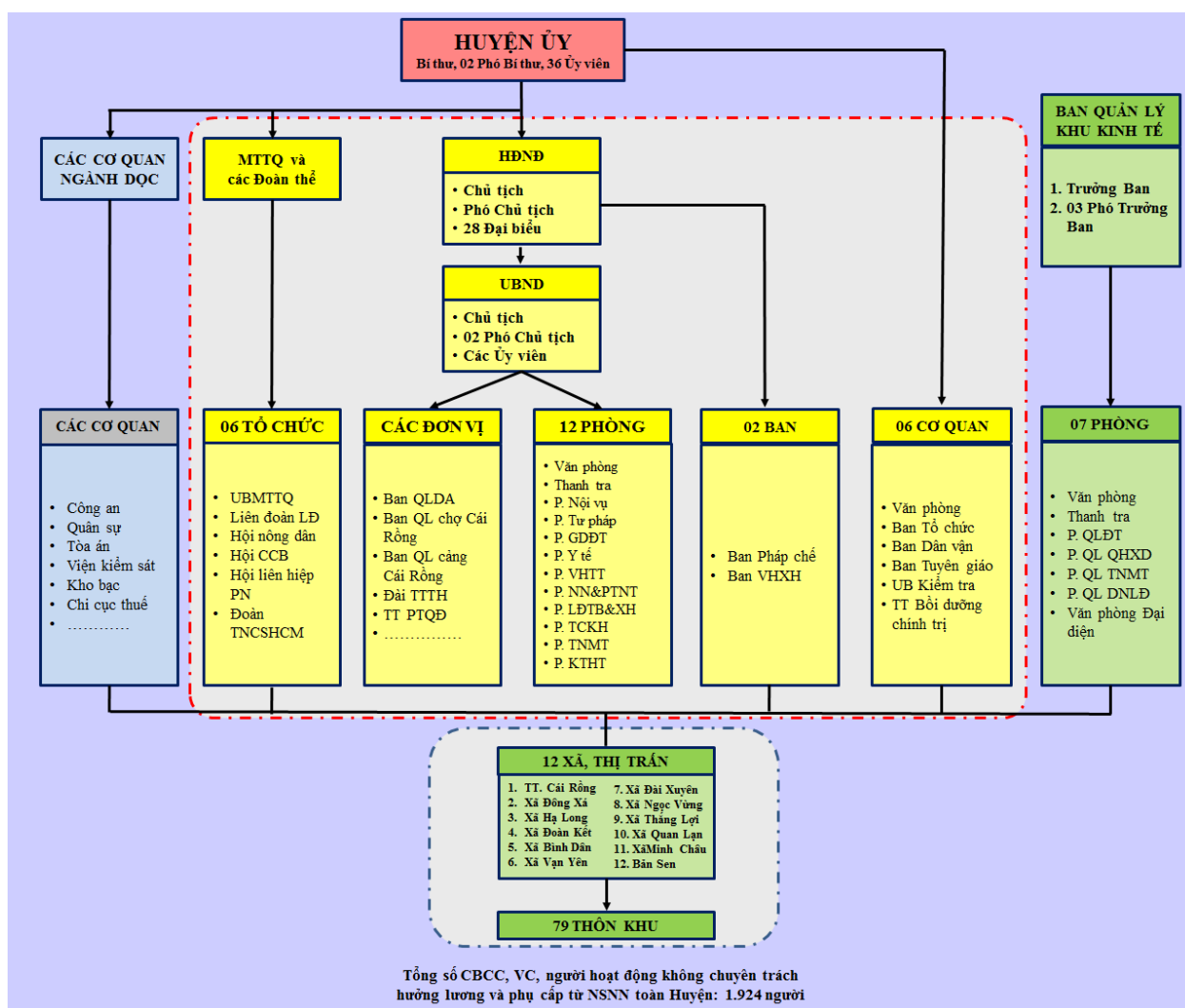
- UBND huyện: Gồm 12 cơ quan chuyên môn: Văn phòng HĐND và UBND; Thanh tra; các phòng: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên - Môi trường; Văn hóa - Thông tin; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kinh tế và Hạ tầng, Giáo dục - Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế.

Đến nay, thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Ban

⁴ Gồm: 116 chi bộ trực thuộc 12 Đảng bộ xã, thị trấn (79 chi bộ thôn khu; 37 chi bộ các trường mầm non, tiểu học, công an, y tế); 52 chi bộ trực thuộc Đảng bộ doanh nghiệp và cơ quan và 12 cho bộ cơ sở.

Thường vụ Tỉnh ủy đã có Quyết định hợp nhất Ban Tổ chức cấp Huyện ủy và Phòng Nội vụ; Ủy ban kiểm tra Huyện ủy với Thanh tra huyện...”

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện: Trung tâm Phát triển quỹ đất; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Ban quản lý chợ Cái Ròng; Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên; Trung tâm Dân số Kế hoạch hóa gia đình; Đài Truyền thanh - Truyền hình; Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường; có 31 trường học từ cấp học mầm non đến trung học cơ sở (12 trường mầm non, 08 trường Tiểu học, 06 trường Tiểu học và THCS; 05 trường THCS). Huyện Vân Đồn đã thành lập Trung tâm Hành chính công huyện để tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.



- Các đơn vị ngành dọc: Công an, Quân sự, Tòa án, Viện kiểm sát, Chi cục Thi hành án, Chi cục Thuế, Chi cục Thống kê, Kho bạc, Bảo hiểm xã hội...

- Cấp xã: Có 12 đơn vị hành chính, trong đó có 01 thị trấn và 11 xã.

- Thôn, khu: Có 79 thôn, khu.

- Chính quyền xã, thị trấn: HĐND xã: Tổng số đại biểu HĐND cấp xã gồm 274 đại biểu; số đại biểu chuyên trách 15 đại biểu, gồm Chủ tịch, Phó Chủ

tịch HĐND của 12 đơn vị hành chính cấp xã. Lãnh đạo UBND xã, thị trấn: 12 Chủ tịch UBND, 16 Phó Chủ tịch UBND.

- Đến thời điểm điểm 31/12/2017 tổng số người hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước do huyện quản lý (Cán bộ, công chức, viên chức; người hoạt động không chuyên trách cấp xã; cán bộ thôn, khu ở các xã, thị trấn) là: 1.924 người, bao gồm: cấp huyện 972 người, trong đó 129 cán bộ, công chức cấp huyện (47 khối đảng, đoàn thể; 82 khối chính quyền); viên chức 828 người (trong đó ngành giáo dục: 743 người; Y tế: 54 người; VH TT: 17 người; Khác: 14 người); hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là 15 người; Cấp xã là 952 người, trong đó cán bộ, công chức xã 249 người (không kể 05 cán bộ bộ đội biên phòng tăng cường làm Phó Bí thư xã); 145 người hoạt động không chuyên trách cấp xã (có 30 người kiêm nhiệm); 558 người hoạt động không chuyên trách thôn, bản hưởng phụ cấp (trong đó có 113 người kiêm nhiệm).

4.3. Các đơn vị ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn:

- Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn: là đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, chịu sự lãnh đạo thống nhất của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh và cấp uỷ địa phương. TAND huyện Vân Đồn được giao biên chế năm 2017 là 11 cán bộ, công chức và người lao động gồm có: Chánh án, 02 Phó Chánh án, 01 Thẩm phán sơ cấp, 04 Thư ký và 01 Kế toán, 02 hợp đồng 68. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: có 03 đồng chí là thạc sĩ Luật, 05 đồng chí trình độ Cử nhân Luật, 01 đồng chí Cử nhân kinh tế; 02 đồng chí trình độ cao cấp lý luận chính trị, 06 đồng chí trình độ trung cấp chính trị.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn: là đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và cấp uỷ địa phương. VKSND huyện Vân Đồn hiện có 13 công chức và người lao động gồm: 01 Viện trưởng, 02 Phó viện trưởng, 03 Kiểm sát viên sơ cấp, 03 Kiểm tra viên, Chuyên viên; 01 kế toán và 03 hợp đồng lao động 68. Có 03 bộ phận công tác do các đồng chí Viện trưởng, Phó Viện trưởng phụ trách.

- Chi cục Thuế: là đơn vị trực thuộc Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh, chịu sự lãnh đạo thống nhất của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh và cấp uỷ địa phương. Chi cục Thuế thực hiện quản lý thuế trên địa bàn huyện Vân Đồn theo quy định của Luật Quản lý thuế và quy định pháp luật hiện hành. Chi cục Thuế có các đội thuế thực hiện quản lý thuế chủ yếu theo chức năng. Tổ chức biên chế: 31 người, gồm: 02 Lãnh đạo Chi cục Thuế; 06 đội thuế (đội Hành chính: 07 người; đội Nghiệp vụ 03 người; đội Kế khai và Quản lý nợ: 06 người; đội Kiểm tra thuế 06 người; đội thuế TNCN và thu khác 03 người; đội Thuế liên xã, thị trấn 05 người).

- Hải quan: Chưa thành lập Chi cục Hải quan. Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh giao cho Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Cẩm Phả quản lý.

- Chi cục thi hành án dân sự: là đơn vị trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh, chịu sự lãnh đạo thống nhất của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh và cấp uỷ địa phương. Chi cục Thi hành án dân sự thực hiện nhiệm

vụ công tác thi hành án dân sự trên địa bàn huyện Vân Đồn theo quy định của Luật thi hành án dân sự và quy định pháp luật hiện hành. Chi cục Thi hành án dân sự có tổng biên chế: 12 người, gồm: 03 Lãnh đạo Chi cục Thi hành án dân sự (là chấp hành viên); 09 công chức (02 chấp hành viên, 02 thư ký, 01 kế toán, 01 nhân viên, 03 hợp đồng 68 là nhân viên nghiệp vụ).

- Kho bạc Nhà nước huyện Vân Đồn: là tổ chức trực thuộc Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh có chức năng thực hiện nhiệm vụ của Kho bạc Nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Kho bạc nhà nước huyện Vân Đồn hiện có 12 công chức và người lao động gồm: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 08 cán bộ, công chức nghiệp vụ và 02 hợp đồng lao động 68.

- Bảo hiểm Xã hội huyện Vân Đồn: là tổ chức trực thuộc Bảo hiểm Xã hội tỉnh Quảng Ninh có chức năng thực hiện nhiệm vụ của bảo hiểm xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Bảo hiểm Xã hội huyện Vân Đồn hiện có 14 công chức và người lao động gồm: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 02 cán bộ thu, 01 cán bộ giải quyết chính sách, 01 cán bộ thu nợ, 02 kế toán, 01 cán bộ sổ thẻ, 01 cán bộ văn phòng, 01 cán bộ CNTT, 01 cán bộ giám định y tế, 01 cán bộ một cửa.

- Cơ quan quản lý thị trường: Hiện nay, Đội quản lý thị trường Vân Đồn là đơn vị trực thuộc Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Ninh, chịu sự lãnh đạo thống nhất của Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường. Đội quản lý thị trường Vân Đồn thực hiện nhiệm vụ công tác quản lý thị trường trên địa bàn huyện Vân Đồn theo quy định của Pháp lệnh Quản lý thị trường hiện hành. Hiện có tổng số 06 công chức và người lao động, gồm: 01 Đội trưởng, 02 Đội phó, 02 công chức và 01 hợp đồng lao động.

Các cơ quan Công an huyện, Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Bộ đội Biên phòng tỉnh được đề cập chi tiết trong các tiêu đề án (công tác đảm bảo an ninh trật tự; xây dựng, bảo vệ vững chắc khu vực phòng thủ; đảm bảo công tác biên phòng để đảm bảo vững chắc QPAN).

Đối với tổ chức lực lượng quân sự tại 12 khu hành chính. Hiện nay Ban CHQS cấp xã gồm 04 đồng chí: Chỉ huy trưởng, chính trị viên, chính trị viên phó và phó chỉ huy. Trong đó, Chỉ huy trưởng là cán bộ chuyên trách (công chức cấp xã); Chính trị viên do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm, Chính trị viên phó do Bí thư đoàn Thanh niên kiêm nhiệm. Phó chỉ huy trưởng là cán bộ không chuyên trách.

4.4. Khối Mặt trận tổ quốc và các Đoàn thể chính trị - xã hội:

Khối MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội gồm Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn Lao động huyện được thí điểm tổ chức theo mô hình cơ quan tham mưu giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo Quyết định số 44-QĐ/TU ngày 30/11/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy do Trưởng Ban Dân vận, kiêm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc làm Trưởng khối.

PHẦN THỨ BA
PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP ĐƠN VỊ
HÀNH CHÍNH – KINH TẾ ĐẶC BIỆT

I. TÊN GỌI, DIỆN TÍCH, DÂN SỐ VÀ SỐ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRỰC THUỘC

1. Tên gọi:

- Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn (gọi tắt là Đặc khu Vân Đồn).

- Đặc khu Vân Đồn thuộc tỉnh Quảng Ninh được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng đô thị của huyện Vân Đồn.

2. Diện tích tự nhiên:

Giữ nguyên diện tích hiện trạng huyện Vân Đồn là 2.171,33 km², trong đó diện tích đất tự nhiên 581,83 km², diện tích vùng biển rộng: 1.589,50 km².

Địa giới hành chính: Có tọa độ địa lý từ 20°40' đến 21°16' vĩ Bắc và từ 107°15' đến 108°00 kinh Đông. Phía Bắc và phía Đông Bắc giáp huyện Tiên Yên và huyện Đàm Hà (tỉnh Quảng Ninh); Phía Đông Nam giáp huyện Cô Tô (tỉnh Quảng Ninh) và vịnh Bắc Bộ; Phía Tây giáp thành phố Cẩm Phả, thành phố Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh) và vùng Vịnh Hạ Long.

3. Dân số:

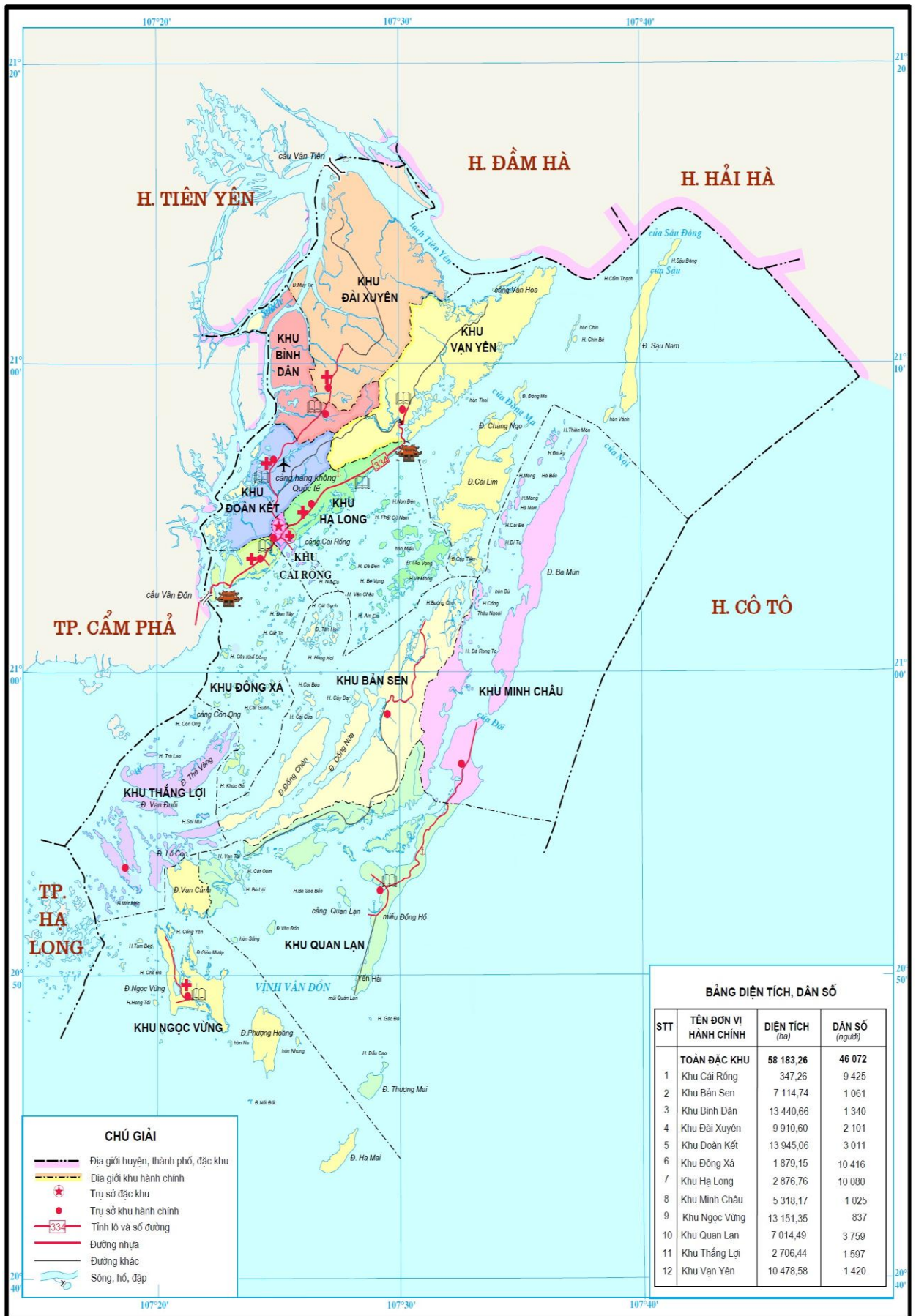
Dân số Đặc khu Vân Đồn (năm 2017): 46.560 người. Trong đó dân số thành thị là 9.607 người, chiếm 20,63% tổng dân số toàn huyện; dân số nông thôn là 36.973 người, chiếm 79,37%. Mật độ dân số: 80,0 người/km².

4. Số đơn vị hành chính trực thuộc

Đặc khu Vân Đồn được tổ chức thành các khu hành chính, được hình thành trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã hiện nay của huyện Vân Đồn và phân khu chức năng sau quy hoạch chung. Khi Đặc khu thành lập, trước mắt tổ chức thành 12 Khu hành chính (gồm Cái Rồng, Đài Xuyên, Bình Dân, Vạn Yên, Minh Châu, Đoàn Kết, Hạ Long, Đông xá, Bản Sen, Thắng Lợi, Quan Lạn, Ngọc Vũng) trên cơ sở 12 xã, thị trấn hiện nay của huyện Vân Đồn. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, căn cứ vào sự phát triển của Đặc khu và Quy hoạch Đặc khu, Chủ tịch UBND Đặc khu báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định thành lập, giải thể hoặc tổ chức lại các khu hành chính cho phù hợp với thực tiễn theo từng thời điểm, đảm bảo không vượt quá số lượng được cấp có thẩm quyền quyết định khi thành lập Đặc khu.

(1) **Khu hành chính Cái Rồng:** Được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng đô thị của thị trấn Cái Rồng.

- Địa giới hành chính: Có tọa độ địa lý từ $21^{\circ}03'33''$ vĩ Bắc đến $107^{\circ}26'3''$ kinh Đông. Phía Đông Bắc giáp xã Hạ Long (huyện Vân Đồn). Phía Tây Nam giáp xã Đông Xá (huyện Vân Đồn). Phía Nam giáp xã Bản Sen (huyện Vân Đồn). Phía Tây Bắc giáp xã Đoàn Kết (huyện Vân Đồn).



TỶ LỆ 1: 230 000

- Diện tích tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng thị trấn Cái Rồng là 3,47 km².

- Dân số Khu hành chính Cái Rồng (năm 2017): 9.607 người. Mật độ dân số: 2.769 người/km².

(2) **Khu hành chính Đài Xuyên**: Được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng của xã Đài Xuyên.

- Địa giới hành chính: Có tọa độ địa lý từ 21°12'38" vĩ Bắc đến 107°29'12" kinh Đông. Phía Đông Bắc giáp xã Đại Bình (huyện Tiên Yên). Phía Đông Nam giáp xã Vạn Yên (huyện Vân Đồn). Phía Nam giáp xã Bình Dân (huyện Vân Đồn). Phía Tây giáp phường Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả) và xã Đồng Rui (huyện Tiên Yên).

- Diện tích tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng xã Đài Xuyên là 99,10 km²

- Dân số Khu hành chính Đài Xuyên (năm 2017): 2.150 người. Mật độ dân số: 22 người/km².

(3) **Khu hành chính Bình Dân**: Được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng của xã Bình Dân.

- Địa giới hành chính: Phía Đông giáp xã Vạn Yên (huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh). Phía Nam giáp xã Đoàn Kết (huyện Vân Đồn). Phía Tây giáp xã Cộng Hòa (thành phố Cẩm Phả). Phía Tây Bắc giáp xã Đồng Rui (huyện Tiên Yên). Phía Đông Bắc giáp xã Đài Xuyên (huyện Vân Đồn).

- Diện tích tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng xã Bình Dân là 34,40 km²

- Dân số Khu hành chính Bình Dân (năm 2017): 1.371 người. Mật độ dân số: 40 người/km².

(4) **Khu hành chính Vạn Yên**: Được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng của xã Vạn Yên.

- Địa giới hành chính: Phía Bắc giáp với xã Đại Bình, xã Tân Lập, xã Đàm Hà (huyện Đàm Hà). Phía Đông Bắc giáp với xã Cái Chiên (huyện Hải Hà). Phía Tây giáp với xã Đài Xuyên, xã Bình Dân, xã Đoàn Kết (huyện Vân Đồn). Phía Tây Nam giáp với xã Hạ Long, xã Bản Sen (huyện Vân Đồn). Phía Nam giáp với xã Minh Châu, (huyện Vân Đồn). Phía Đông giáp với xã Đồng Tiến, xã Thanh Lân (huyện Cô Tô).

- Diện tích tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng xã Vạn Yên là 104,78 km²

- Dân số Khu hành chính Vạn Yên (năm 2017): 1.444 người. Mật độ dân số: 14 người/km².

(5) **Khu hành chính Minh Châu**: Được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng của xã Minh Châu.

- Địa giới hành chính: Có tọa độ địa lý từ 21°1'38" vĩ Bắc đến 107°36'22" kinh Đông. Phía Bắc giáp xã Vạn Yên (huyện Vân Đồn). Phía Đông giáp thị trấn Cô Tô (huyện Cô Tô). Phía Đông giáp xã Đồng Tiến (huyện Cô Tô). Phía Nam giáp xã Quan Lạn (huyện Vân Đồn). Phía Tây giáp xã Bản Sen (huyện Vân Đồn).

- Diện tích tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng xã Minh Châu là 53,18 km²

- Dân số Khu hành chính Minh Châu (năm 2017): 1.045 người. Mật độ dân số: 20 người/km².

(6) **Khu hành chính Đoàn Kết**: Được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng của xã Đoàn Kết.

- Địa giới hành chính: Có tọa độ địa lý từ 21°05'53" vĩ Bắc đến 107°24'34" kinh Đông. Phía Bắc giáp xã Bình Dân (huyện Vân Đồn). Phía Đông giáp xã Vạn Yên (huyện Vân Đồn). Phía Đông Nam giáp xã Hạ Long và thị trấn Cái Rồng (huyện Vân Đồn). Phía Nam giáp xã Đông Xá (huyện Vân Đồn). Phía Tây Bắc giáp phường Mông Dương, xã Cẩm Hải và xã Cộng Hòa (thành phố Cẩm Phả).

- Diện tích tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng xã Đoàn Kết là 39,45 km²

- Dân số Khu hành chính Đoàn Kết (năm 2017): 3.013 người. Mật độ dân số: 76 người/km².

(7) **Khu hành chính Hạ Long**: Được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng của xã Hạ Long.

- Địa giới hành chính: Có tọa độ địa lý từ 21°03'49" vĩ Bắc đến 107°28'42" kinh Đông. Phía Tây Bắc giáp xã Đoàn Kết (huyện Vân Đồn). Phía Bắc - Đông Bắc giáp xã Vạn Yên (huyện Vân Đồn). Phía Nam - Đông Nam giáp xã Bản Sen (huyện Vân Đồn). Phía Nam - Tây Nam giáp thị trấn Cái Rồng (huyện Vân Đồn).

- Diện tích tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng xã Hạ Long là 28,76 km²

- Dân số Khu hành chính Hạ Long (năm 2017): 10.299 người. Mật độ dân số: 358 người/km².

(8) **Khu hành chính Đông Xá**: Được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng của xã Đông Xá.

- Địa giới hành chính: Có tọa độ địa lý từ 20°59'43" vĩ Bắc 104°24'3" kinh Đông. Phía Bắc giáp với xã Đoàn Kết (huyện Vân Đồn). Phía Đông Bắc giáp với thị trấn Cái Rồng (huyện Vân Đồn). Phía Đông giáp với xã Bản Sen (huyện Vân Đồn). Phía Nam giáp với xã Thắng Lợi (huyện Vân Đồn). Phía Tây giáp với phường Cẩm Thịnh, phường Mông Dương, phường Cửa Ông (thành phố Cẩm Phả).

- Diện tích tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng xã Đông Xá là 18,79 km²

- Dân số Khu hành chính Đông Xá (năm 2017): 10.300 người. Mật độ dân số: 548 người/km².

(9) **Khu hành chính Bản Sen**: Được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng của xã Bản Sen.

- Địa giới hành chính: Có tọa độ địa lý từ 20°58'25" vĩ Bắc đến 107°27'50" kinh Đông. Phía Bắc - Tây Bắc giáp thị trấn Cái Rồng (huyện Vân Đồn). Phía Bắc giáp xã Hạ Long (huyện Vân Đồn). Phía Bắc - Đông Bắc giáp xã Vạn Yên (huyện Vân Đồn). Phía Đông giáp xã Minh Châu (huyện Vân Đồn).

Phía Nam giáp xã Quan Lạn (huyện Vân Đồn). Phía Tây Nam giáp xã Thắng Lợi (huyện Vân Đồn). Phía Tây giáp xã Đông Xá (huyện Vân Đồn).

- Diện tích tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng xã Bản Sen là 71,14 km²

- Dân số Khu hành chính Bản Sen (năm 2017): 1.097 người. Mật độ dân số: 15,4 người/km².

(10) **Khu hành chính Thắng Lợi**: Được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng của xã Thắng Lợi.

- Địa giới hành chính: Có tọa độ địa lý từ 20°55'10" vĩ Bắc đến 107°19'47" kinh Đông. Phía Tây Bắc giáp vịnh Bái Tử Long (thành phố Cẩm Phả). Phía Bắc giáp phường Cẩm Phú, phường Cẩm Thịnh (thành phố Cẩm Phả). Phía Bắc - Đông Bắc giáp xã Đông Xá (huyện Vân Đồn). Phía Đông giáp xã Bản Sen (huyện Vân Đồn). Phía Nam giáp xã Quan Lạn, xã Ngọc Vũng (huyện Vân Đồn). Phía Tây Nam giáp vịnh Hạ Long (thành phố Hạ Long).

- Diện tích tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng xã Thắng Lợi là 27,06 km²

- Dân số Khu hành chính Thắng Lợi (năm 2017): 1.617 người. Mật độ dân số: 60 người/km².

(11) **Khu hành chính Quan Lạn**: Được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng của xã Quan Lạn.

- Địa giới hành chính: Phía Bắc - Tây Bắc giáp xã Thắng Lợi, xã Bản Sen, xã Minh Châu (huyện Vân Đồn). Phía Đông Nam giáp vịnh Bắc Bộ. Phía Tây Nam giáp xã Ngọc Vũng (huyện Vân Đồn).

- Diện tích tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng xã Quan Lạn là 70,14 km²

- Dân số Khu hành chính Quan Lạn (năm 2017): 3.780 người. Mật độ dân số: 54 người/km².

(12) **Khu hành chính Ngọc Vũng**: Được thành lập trên cơ sở toàn bộ hiện trạng diện tích tự nhiên, dân số và kết cấu hạ tầng của xã Ngọc Vũng.

- Địa giới hành chính: Có tọa độ địa lý từ 20°44'47" vĩ Bắc đến 107°18'35" kinh Đông. Phía Bắc giáp xã Thắng Lợi (huyện Vân Đồn). Phía Đông giáp xã Quan Lạn (huyện Vân Đồn). Phía Nam giáp vịnh Bắc Bộ. Phía Tây giáp vịnh Hạ Long (thành phố Hạ Long).

- Diện tích tự nhiên: Giữ nguyên hiện trạng xã Ngọc Vũng là 31,51 km²

- Dân số Khu hành chính Ngọc Vũng (năm 2017): 837 người. Mật độ dân số: 27,6 người/km².

II. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

- Đặc khu Vân Đồn phải có thể chế đủ mạnh với nền hành chính hiện đại, bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, thủ tục hành chính thuận lợi; cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh toàn cầu ở mức cao và được quy

định trong Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt để thu hút mạnh đầu tư từ các tập đoàn đa quốc gia, các nhà đầu tư có tiềm lực, có công nghệ hiện đại;

- Phát triển Đặc khu Vân Đồn phải đặt trong quy hoạch tổng thể và mối liên kết phát triển của tỉnh Quảng Ninh, nhất là gắn với Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, thành phố Hạ Long, Khu kinh tế tại thị xã Quảng Yên và khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội, khu vực phía Bắc và cả nước;

- Đặc khu Vân Đồn có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Thu hút mạnh đầu tư, nhất là nguồn lực sáng tạo, phương thức quản lý mới tiên tiến với phương châm nguồn lực bên trong là cơ bản, chiến lược, lâu dài, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá và hướng tới thu hút tối đa nguồn lực bên ngoài;

- Nhà nước có chính sách đặc thù thu hút đầu tư xã hội, các nguồn lực đầu tư và dành nguồn lực từ ngân sách để hỗ trợ xây dựng những công trình hạ tầng thiết yếu ban đầu, thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tạo nền tảng có ý nghĩa quyết định cho phát triển Đặc khu Vân Đồn;

- Việc xây dựng Đặc khu Vân Đồn phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước; bảo đảm quốc phòng an ninh và giữ vững độc lập, chủ quyền; bảo vệ tài nguyên, môi trường; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, lợi ích của nhà đầu tư, lợi ích của địa phương và của người dân;

- Phải có quyết tâm chính trị cao, năng động, sáng tạo trong triển khai thực hiện, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính khả thi.

2. Định hướng:

Xây dựng và phát triển Đặc khu Vân Đồn có nền kinh tế hướng ngoại, độ mở cao, với bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; được áp dụng các cơ chế chính sách ưu đãi đặc thù đủ sức cạnh tranh toàn cầu ở mức cao được điều chỉnh bởi Luật đơn vị HC-KT đặc biệt. Khai thác, phát huy tốt nhất các lợi thế vượt trội, thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư, công nghệ cao, phương thức quản lý mới tiên tiến, hình thành khu vực tăng trưởng cao tạo thêm nguồn lực, động lực, góp phần thúc đẩy nhanh phát triển và tái cơ cấu kinh tế đối với tỉnh Quảng Ninh, Vùng Đồng bằng Sông Hồng và khu vực.

3. Mục tiêu:

3.1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng Đặc khu Vân Đồn trở thành đô thị biển đảo xanh, hiện đại, thông minh; trung tâm kinh tế năng động phát triển ngành nghề mới, trình độ cao trọng tâm là dịch vụ, du lịch phức hợp cao cấp, công nghiệp giải trí hiện đại có casino, công nghiệp công nghệ cao; trung tâm khởi nghiệp, sáng tạo và giao thương quốc tế của khu vực Hành lang kinh tế Trung Quốc - ASEAN; mô hình phát triển theo hướng thân thiện môi trường, bộ máy hành chính tinh gọn, thể chế, cơ chế, chính sách cạnh tranh toàn cầu ở mức cao; khai thác hiệu quả tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư, tích cực thu hút và quy tụ nguồn lực sáng tạo, phương thức quản lý mới, tiên tiến; nuôi dưỡng động lực mới cho phát triển, thúc đẩy tăng trưởng để Quảng Ninh thực sự

trở thành đầu tàu kinh tế khu vực phía Bắc, có sức lan tỏa trong vùng và cả nước; bảo đảm quốc phòng - an ninh góp phần giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Phần đầu sau năm 2030, Vân Đồn trở thành vùng động lực phát triển, thành phố đáng sống với biểu tượng của thành phố xanh - tri thức, nằm trong nhóm dẫn đầu về thành phố xanh, kiến trúc độc đáo.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế: Hình thành một vùng động lực thu hút đầu tư, tri thức và kinh nghiệm quản lý tiên tiến trong và ngoài nước, cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia theo tiêu chí quốc tế. Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; trở thành thành phố biển quốc tế đạt tiêu chuẩn đô thị thông minh bền vững; trung tâm công nghiệp giải trí có casino, du lịch biển - đảo cao cấp, dịch vụ tổng hợp và cửa ngõ giao thương quốc tế để tạo ra những sản phẩm độc đáo, khác biệt, hiện đại với chất lượng cao, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh quốc tế. Góp phần trực tiếp thúc đẩy nhanh phát triển, tái cơ cấu kinh tế cho tỉnh Quảng Ninh, lan tỏa ra các vùng và cả nước.

Chỉ số	Khả năng tăng trưởng		
	Năm 2017	Mục tiêu 2030	Tăng trưởng bình quân/Tổng giá trị giai đoạn 2018-2030
GDP (giá hiện hành, tỷ VND)	2.442	128.653	
Tăng trưởng GDP			28,8%
GDP bình quân đầu người (USD)	2.650	21.300	
Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng/GDP	34,2%	32%	31,73%
Tỷ trọng dịch vụ/GDP	32,8%	60%	12,76%
Tỷ trọng nông nghiệp/ GDP	34%	8%	20,91%
Tổng dân số (người)	46.560	275.000	
Tăng trưởng Dân số	1.55%		11,58%
Tổng đầu tư (tỷ USD)			12
Tỷ trọng FDI trong Tổng đầu tư		50%	
FDI (tỷ USD)			6
Tỷ trọng Tổng thu ngân sách trong GDP		10,1%	
Tổng thu ngân sách (tỷ VND)	291,3		53.862
Tổng vốn đầu tư từ ngân sách (tăng thêm, tỷ VNĐ)			41.384
Kết dư ngân sách (tỷ VND)			12.478
GDP Vân Đồn/GDP Quảng Ninh	1,87%	22,1%	
GDP Vân Đồn/ GDP Vietnam	0,05%	1,12%	

Tỷ giá đối chiếu USD/VND: 22.000
GRDP: tổng sản phẩm trên địa bàn

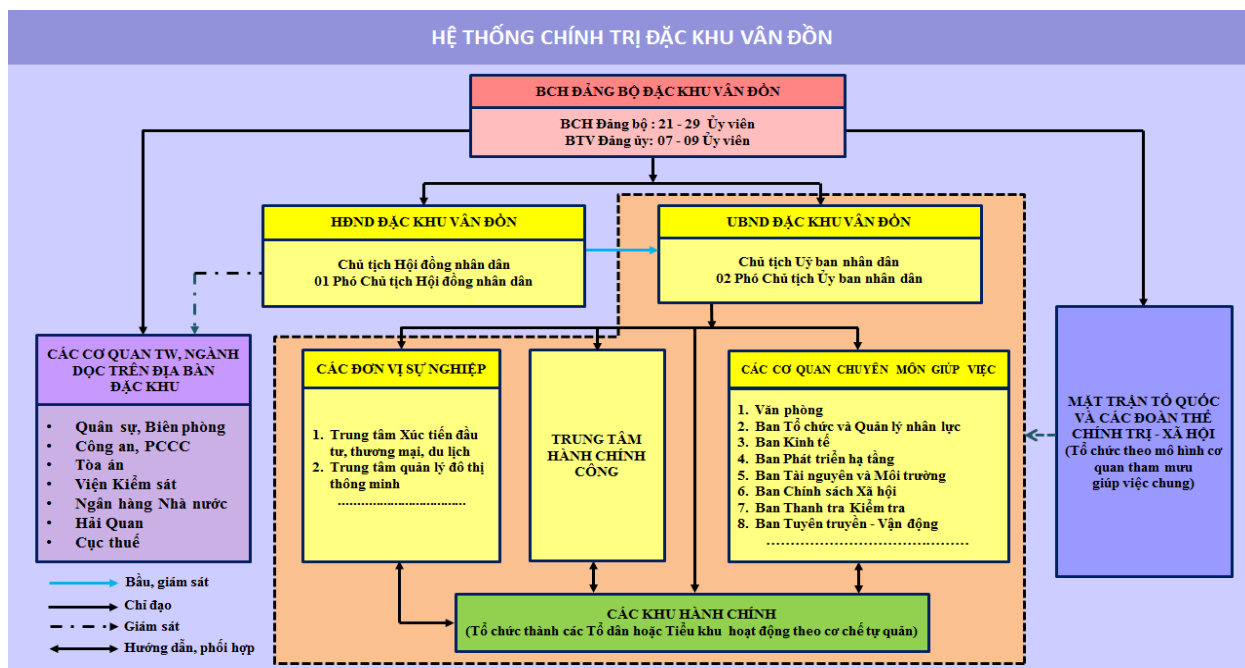
- Về chính trị - xã hội: Ổn định chính trị xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội, tạo môi trường sống văn minh, hiện đại theo chuẩn mực quốc tế; thúc đẩy đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gia tăng cơ hội việc làm; góp phần đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị và phương thức lãnh đạo của Đảng.

- Về quốc phòng - an ninh, đối ngoại: Tạo thế đan xen lợi ích, bảo đảm quốc phòng an ninh, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế, thúc đẩy phát triển quan hệ hợp tác quốc tế.

- Về mô hình quản lý hành chính: Mô hình Đặc khu Vân Đồn với nền hành chính hiện đại, bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, cơ chế, chính sách ưu đãi sẽ bổ sung lý luận, kinh nghiệm thực tiễn về hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế thị trường phù hợp với thông lệ quốc tế; đặc biệt là làm phong phú thêm nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và thử nghiệm các mô hình phát triển mới, bổ sung kinh nghiệm cho quản trị quốc gia.

III. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN

- Hệ thống chính trị và bộ máy chính quyền được xây dựng trên quan điểm và nguyên tắc: Tuân thủ Hiến pháp, đổi mới hệ thống chính trị của Đặc khu, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và quản lý của Nhà nước, phù hợp với các quy định về thể chế, chính sách kinh tế - xã hội có tính chất đặc biệt, vượt trội, cạnh tranh quốc tế. Tổ chức bộ máy nhà nước tại Vân Đồn được xây dựng theo hướng:



(1) Đảm bảo tinh gọn, linh hoạt, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, thể hiện được sự đột phá về thể chế hành chính. HĐND Đặc khu quyết định các vấn đề về hoạch định chính sách cốt lõi, trao quyền mạnh mẽ trong việc quyết định thực thi cho Chủ tịch UBND Đặc khu đảm bảo vượt trội, độc lập trong điều hành, quyết định nhanh; (2) Nhất thể hóa chức danh của Đảng với chính quyền, đổi

mới căn bản cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan tham mưu cấp ủy, cơ quan chuyên môn khối chính quyền và mối quan hệ công tác của chính quyền địa phương; (3) Có sự tham gia của lĩnh vực tư nhân (Nhà đầu tư chiến lược) theo mô hình “lãnh đạo công - quản trị tư” vận dụng theo mô hình hoạt động của doanh nghiệp; (4) Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lao động chuyên nghiệp, kiến thức và kỹ năng chuyên môn ở trình độ cao; (5) Đảm bảo hoạt động giám sát của cơ quan dân cử và sự kiểm soát hữu hiệu của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Hệ thống chính trị tại Đặc khu Vân Đồn có Đảng bộ Đặc khu; Chính quyền Đặc khu được tổ chức theo mô hình chính quyền một cấp có HĐND và UBND, các cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc chung cho cả cấp ủy và chính quyền trên cơ sở hợp nhất, tổ chức lại các cơ quan tham mưu cho cấp ủy với cơ quan chuyên môn khối chính quyền; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được tổ chức theo mô hình cơ quan tham mưu giúp việc chung trong Khối. Nhất thể hóa chức danh Bí thư Đảng bộ đồng thời là Chủ tịch UBND Đặc khu Vân Đồn.

1. Tổ chức đảng:

- Tổ chức Đảng trong Đặc khu Vân Đồn thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng. Đảng bộ Đặc khu Vân Đồn trực thuộc Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh; Dưới Đảng bộ Đặc khu là chi, đảng bộ cơ sở ở các Khu hành chính, các cơ quan, doanh nghiệp trực thuộc Đặc khu gọi là tổ chức cơ sở Đảng; Các đảng bộ cơ sở có các chi bộ trực thuộc.



- Ban Chấp hành đảng bộ Đặc khu gồm từ 21 đến 27 ủy viên (Gồm các đồng chí Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND Đặc khu; Thủ trưởng cơ quan quân sự, công an, tòa án, viện kiểm sát và người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tham mưu, giúp việc của cấp ủy, chính quyền Đặc khu; các đồng chí Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của Đặc khu; một số trưởng các khu hành chính); Ban Thường vụ có từ 07 - 09 ủy viên (Gồm: các đồng chí

thủ trưởng cơ quan chuyên môn, tham mưu, giúp việc của cấp ủy, chính quyền Đặc khu phụ trách lĩnh vực tổ chức, quản lý nhân lực; kiểm tra, thanh tra; tuyên truyền, vận động, thủ trưởng cơ quan quân sự, công an, cơ quan tham mưu giúp việc chung Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của Đặc khu...).

- Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ đồng thời là Chủ tịch UBND Đặc khu là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; 01 đồng chí Phó Bí thư Đặc khu là Chủ tịch HĐND Đặc khu; 01 đồng chí Phó Bí thư đồng thời là Phó Chủ tịch UBND đặc khu trực tiếp theo dõi công tác đảng, theo dõi và chỉ đạo công tác đoàn thể chính trị-xã hội.

- Bí thư Đảng bộ Đặc khu là người đứng đầu Ban chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy là người chịu trách nhiệm lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực của Đặc khu. Bí thư Đặc khu thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo Đảng bộ theo quy định của Điều lệ Đảng đồng thời thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch UBND Đặc khu theo quy định của pháp luật

2. Tổ chức bộ máy chính quyền Đặc khu Vân Đồn

- Đặc khu Vân Đồn được tổ chức một cấp chính quyền, gồm có HĐND Đặc khu và UBND Đặc khu.

- Chính quyền địa phương ở đặc khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở thành phố thuộc tỉnh và ở phường theo quy định của pháp luật có liên quan và một số nhiệm vụ, quyền hạn của cấp tỉnh, của các bộ ngành Trung ương, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân cấp, ủy quyền theo Luật đơn vị HC-KT đặc biệt.

- Nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động của HĐND, UBND ở Đặc khu thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của Đặc khu.

- Đặc khu Vân Đồn được tổ chức các Khu hành chính trên cơ sở sắp xếp lại các xã, thị trấn hiện có thuộc huyện Vân Đồn;

Tổ chức lại các cơ quan tham mưu, giúp việc theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất, thông suốt, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền đặc khu.

2.1. Hội đồng nhân dân Đặc khu Vân Đồn

(1). HĐND đặc khu Vân Đồn gồm các đại biểu HĐND do cử tri ở Đặc khu bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở Đặc khu, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân Đặc khu và cơ quan nhà nước cấp trên.

(2). Tổng số đại biểu của HĐND đặc khu khi thành lập là 09 người, theo thực tế phát triển và quy mô dân số sẽ điều chỉnh cho phù hợp nhưng không quá 15 người, được thực hiện theo quy định của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt, trong đó đa số đại biểu hoạt động chuyên trách.

(3). HĐND Đặc khu bầu Chủ tịch và 01 Phó Chủ tịch HĐND Đặc khu. Chủ tịch HĐND Đặc khu được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn;

(4). HĐND Đặc khu không tổ chức Thường trực HĐND và các ban của HĐND;

(5). Tổ chức và hoạt động của HĐND đặc khu, hoạt động của đại biểu HĐND đặc khu theo hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.2. Ủy ban nhân dân Đặc khu Vân Đồn:

(1) UBND Đặc khu do HĐND Đặc khu bầu là cơ quan chấp hành của HĐND Đặc khu, cơ quan hành chính nhà nước ở Đặc khu, chịu trách nhiệm trước nhân dân Đặc khu, HĐND Đặc khu và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. UBND Đặc khu chịu sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng bộ Đặc khu.

(2) UBND Đặc khu thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương, góp phần bảo đảm sự chỉ đạo, quản lý thống nhất trong bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương tới cơ sở. UBND Đặc khu gồm Chủ tịch, không quá 02 Phó Chủ tịch.

(3) Chủ tịch UBND Đặc khu là người đứng đầu UBND Đặc khu, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động hành chính của UBND Đặc khu; quyết định, tổ chức thực hiện các biện pháp, giải pháp phát triển kinh tế- xã hội, củng cố quốc phòng an ninh trên địa bàn; chịu trách nhiệm trước nhân dân Đặc khu, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, HĐND Đặc khu và cơ quan nhà nước cấp trên.

(4). Chủ tịch UBND Đặc khu Vân Đồn do HĐND đặc khu bầu theo giới thiệu của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh và được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn (Dự kiến do 01 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy là Phó Chủ tịch UBND tỉnh đảm nhận chức danh Bí thư đồng thời là Chủ tịch UBND Đặc khu).

2.3. Bộ máy giúp việc cho chính quyền đặc khu:

- Bộ máy giúp việc cho chính quyền đặc khu là các cơ quan tham mưu giúp việc chung cho cả cấp ủy và chính quyền, được thành lập trên cơ sở hợp nhất, tổ chức lại các cơ quan tham mưu của cấp ủy với cơ quan chuyên môn của chính quyền theo hướng tinh gọn, hiệu quả, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Hệ thống chính trị ở đặc khu.

- Khi Đặc khu thành lập và đi vào hoạt động, trước mắt thành lập 08 cơ quan (Văn phòng và 07 cơ quan chuyên môn) và thành lập Trung tâm hành chính công. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, theo yêu cầu nhiệm vụ, sự phát triển của Đặc khu, UBND Đặc khu quyết định (hoặc trình HĐND) thành lập, giải thể hoặc tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc phù hợp với thực tiễn theo từng thời điểm trên cơ sở số lượng do Quốc hội quy định.

- Lãnh đạo cơ quan chuyên môn, Trung tâm hành chính công có Trưởng và không quá 02 cấp Phó, do Chủ tịch UBND đặc khu quyết định.

2.4. Các đơn vị sự nghiệp công lập:

Trên cơ sở hiện trạng đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay đang trực thuộc UBND huyện Vân Đồn, trực thuộc các Phòng chuyên môn được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/3/2015 của BCH Đảng bộ tỉnh về thực hiện Đề án 25; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/20/2017 Hội nghị BCH Trung ương 6 khóa XII, đồng thời thành lập mới một số đơn vị đặc thù, nhằm đảm bảo thuận lợi trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp (Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch, Trung tâm quản lý đô thị thông minh, ...).

3. Nhiệm vụ quyền hạn của chính quyền tỉnh Quảng Ninh đối với chính quyền Đặc khu.

3.1. Nhiệm vụ quyền hạn của HĐND tỉnh đối với Đặc khu:

(1). Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND cấp tỉnh được quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương trong phạm vi Đặc khu trừ một số nhiệm vụ, thẩm quyền đã được giao cho Hội đồng Đặc khu, Ủy ban Đặc khu.

(2). Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương, quyết định bổ sung ngân sách cho ngân sách đặc khu để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình bảo vệ môi trường quan trọng của đặc khu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và thực hiện chính sách đặc thù quy định tại Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt.

(3). Quyết định việc phân cấp cho chính quyền địa phương ở đặc khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND cấp tỉnh ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt.

(4). Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt và pháp luật có liên quan.

3.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đối với Đặc khu.

(1). UBND cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: (a) Quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương ở đặc khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp tỉnh ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt; (b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt và pháp luật có liên quan.

(2). Chủ tịch UBND cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: (a) Giới thiệu nhân sự Chủ tịch UBND Đặc khu để HĐND đặc khu bầu và trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn; (b) Đề nghị HĐND đặc khu xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch UBND đặc khu; (c) Phê chuẩn việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch UBND đặc khu; quyết định điều động, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Phó Chủ tịch UBND đặc khu; (d) Quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương ở đặc khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp tỉnh ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật này; (đ) Tổ chức việc thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động của các cơ

quan, tổ chức, cá nhân tại đặc khu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; (e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền Đặc khu Vân Đồn

4.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND Đặc khu

Đề tăng tính chủ động, linh hoạt cho Chủ tịch UBND Đặc khu, đáp ứng yêu cầu giải quyết nhanh chóng kiến nghị của nhà đầu tư và người dân do vậy một số nhiệm vụ quyền của HĐND cấp huyện hiện nay sẽ được chuyển cho UBND Đặc khu và Chủ tịch UBND Đặc khu. HĐND Đặc khu chỉ thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu như nhiệm vụ, quyền hạn về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân Đặc khu; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh; giám sát hoạt động của UBND Đặc khu, Chủ tịch UBND Đặc khu, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân Đặc khu và ban hành nghị quyết quyết định một số chính sách cốt lõi cho phát triển đặc khu. HĐND Đặc khu Vân Đồn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau:

(1) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND thị xã, thành phố thuộc tỉnh quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương trừ những thẩm quyền giao cho UBND Đặc khu Vân Đồn.

(2) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, các bộ ngành Trung ương, của tỉnh giao:

(2.1). Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND đặc khu trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật và xây dựng chính quyền: (a) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND đặc khu; (b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND đặc khu; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND đặc khu và đề nghị cấp có thẩm quyền phê chuẩn; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân đặc khu; (c) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND đặc khu bầu; (d) Bãi nhiệm đại biểu HĐND đặc khu và chấp nhận việc đại biểu HĐND đặc khu xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu; (đ) Thông qua số lượng, việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh ranh giới và tên gọi khu hành chính trước khi Chủ tịch UBND đặc khu quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định (theo quy định của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt); (e) Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của UBND đặc khu, Chủ tịch UBND đặc khu.

(2.2). Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND đặc khu trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân sách: (a) Thông qua quy hoạch đặc khu, điều chỉnh quy hoạch đặc khu trước khi Chủ tịch UBND đặc khu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (b) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đặc khu; (c) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B sử dụng vốn ngân sách đặc khu, trừ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia và chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; (d) Chấp thuận việc thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng tại đặc khu quy định tại khoản 6

Điều 32 của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt; (đ) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách đặc khu và phân bổ dự toán ngân sách đặc khu; điều chỉnh dự toán ngân sách đặc khu trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách đặc khu; (e) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên cho các lĩnh vực của đặc khu; (g) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách tại đặc khu theo quy định khung của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (h) Quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở đặc khu ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của đặc khu; (i) Quyết định phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các nguồn vay trong nước khác theo quy định của Chính phủ; (k) Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh áp dụng trên địa bàn đặc khu theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

(2.3). Quyết định biện pháp quản lý dân cư và tổ chức đời sống dân cư trên địa bàn.

(2.4). Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở đặc khu, việc thực hiện nghị quyết của HĐND đặc khu; giám sát hoạt động của UBND đặc khu, Chủ tịch UBND đặc khu, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân đặc khu và Trưởng Khu hành chính; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của UBND đặc khu, Chủ tịch UBND đặc khu.

(2.5). Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp.

4.2. Nhiệm vụ và quyền hạn UBND Đặc khu Vân Đồn:

a) UBND Đặc khu Vân Đồn thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, thẩm quyền của UBND thành phố thuộc tỉnh, nhiệm vụ quyền hạn của UBND phường theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

b) Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương chuyển giao:

- Quyết định biện pháp quản lý và sử dụng đất đai, rừng núi, sông hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi ở vùng biển và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác; biện pháp bảo vệ và cải thiện môi trường, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, bão, lụt ở địa phương theo quy định của pháp luật.

- Quyết định biện pháp phát triển hệ thống giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; biện pháp phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống dịch bệnh, thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; biện pháp phát triển việc làm, thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, chính sách bảo trợ xã hội, xóa đói, giảm nghèo; biện pháp bảo đảm việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo trên địa bàn Đặc khu theo quy định của pháp luật.

- Quyết định các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch xây dựng công trình hạ tầng đô thị, giao thông theo quy định của pháp luật.

- Quyết định biện pháp quản lý dân cư và tổ chức đời sống dân cư, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan đô thị trên địa bàn Đặc khu.

c) Thực hiện các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành Trung ương, HĐND, UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh:

(1) Về xây dựng chính quyền: (i1) Quyết định thành lập, giải thể, tổ chức lại và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan thuộc bộ máy giúp việc của Ủy ban Đặc khu; Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tổ dân phố; (i2) Quyết định vị trí việc làm; biên chế công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc thuộc Đặc khu; (i3) Quyết định về chính sách thu hút nhân tài, chính sách tiền lương linh hoạt, chính sách đặc thù khác đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Đặc khu phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của Đặc khu; (i4) Quy định cơ chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động trong cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc và trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đặc khu; (i5) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ, mẫu văn bản, biện pháp tổ chức thực hiện đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban Đặc khu.

(2) Về lĩnh vực tài chính - ngân sách: (i1) Quy định bổ sung các nội dung chi, mức chi có tính đặc thù ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; (i2) Quy định tiêu chuẩn, mức chi đảm bảo hoạt động của bộ máy cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; (i3) Thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư của Đặc khu, các nguồn chi có mục tiêu từ ngân sách trung ương, ngân sách Tỉnh ủy thác cho Đặc khu; (i4) Định giá các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn Đặc khu thuộc thẩm quyền định giá của UBND tỉnh; (i5) Thành lập Quỹ nghiên cứu và phát triển (R&D) Đặc khu Vân Đồn; (i6) Ban hành danh mục kê khai giá và tiếp nhận hồ sơ kê khai giá trên địa bàn Đặc khu; (i7) Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí đối với tất cả khoản phí, lệ phí trên địa bàn Đặc khu.

(3) Về lĩnh vực đầu tư, kinh doanh: (i1) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm C sử dụng vốn ngân sách đặc khu; (i2) Ban hành quy định tích hợp các trình tự, thủ tục sau đầu tư về đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường, lao động, thương mại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban Đặc khu vào một quy trình và hồ sơ thống nhất; thực hiện một lần và một đầu mối tại Trung tâm hành chính công thuộc Ủy ban Đặc khu; (i3) Xây dựng hệ thống thông tin điện tử để thực hiện đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh và các thủ tục sau đầu tư liên quan khác qua mạng.

(4) Về lĩnh vực khoa học, công nghệ: Ban hành quy chuẩn kỹ thuật để áp dụng trong phạm vi đặc khu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc

thù của đặc khu và yêu cầu cụ thể về môi trường cho phù hợp với đặc điểm của đặc khu với các quy định về kỹ thuật và quản lý nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật của tỉnh.

(5) Về lĩnh vực giáo dục đào tạo: (i1) Quản lý các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học tư thục trên địa bàn theo điều lệ; quyết định công nhận, không công nhận hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường cao đẳng, đại học tư thục thuộc quyền quản lý; (i2) Quyết định biện pháp phát triển hệ thống giáo dục phổ thông trung học và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Đặc khu.

4.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban đặc khu Vân Đồn:

a). Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND phường theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

b). Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, các bộ ngành Trung ương, UBND tỉnh, các Sở, Ban ngành thuộc tỉnh, Ủy ban Đặc khu giao trên địa bàn, cụ thể như sau:

(1) Lĩnh vực xây dựng chính quyền: (i1) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đặc khu; Quyết định vị trí việc làm; số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đặc khu; (i2) Quyết định tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động thuộc Đặc khu; Quyết định thuê, khoán chuyên gia trong hoặc ngoài nước; Quyết định chi trả chính sách tiền lương linh hoạt đối với công chức, viên chức, hợp đồng lao động, chuyên gia... (tuỳ vào khả năng ngân sách của Đặc khu); Thực hiện chính sách thu hút nhân tài, các chính sách đặc thù khác có liên quan đối với cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động; (i3) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, điều động, .. đối với Trưởng, Phó trưởng Khu hành chính; Trưởng, phó các cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đặc khu; (i4) Quyết định việc ủy quyền cho Trưởng Khu hành chính, cơ quan tổ chức trực thuộc thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Đặc khu; Giao quyền người đứng đầu cơ quan chuyên môn, Trưởng Khu hành chính trong trường hợp khuyết.

(2) Về lĩnh vực tài chính - ngân sách: (i1) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (i2) Quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, sửa chữa, bảo dưỡng, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, bán, liên doanh, liên kết, cho thuê, tiêu hủy tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Đặc khu; (i3) Quyết định chủ trương, biện pháp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

(3) Về lĩnh vực đầu tư, kinh doanh: (i1) Quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B đã được HĐND đặc khu quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm C đã được UBND đặc khu quyết định chủ trương đầu tư; (i2) Lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án, ký kết và thực hiện

hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư tại đặc khu đối với dự án mà theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, trừ các dự án quan trọng quốc gia và dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; (i3) Phê duyệt, công bố danh mục dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách tại đặc khu sử dụng các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao cần lựa chọn nhà đầu tư; (i4) Quyết định chỉ định thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư và các công trình khác ngoài hàng rào dự án đầu tư quy định tại Luật đơn vị HC-KT đặc biệt; (i5) Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Quỹ xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch từ nguồn ngân sách đặc khu, nguồn hỗ trợ, đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

(4) Về lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản: (i1) Tổ chức lập quy hoạch tổng thể Đặc khu Vân Đồn, trình HĐND Đặc khu thông qua và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (không bao gồm quy hoạch đặc khu lần đầu tiên); (i2) Tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch đặc khu Vân Đồn, trình HĐND Đặc khu thông qua và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (i3) Công bố quy hoạch đặc khu, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; (i4) Tổ chức triển khai quy hoạch; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch chi tiết, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để thực hiện quy hoạch đặc khu; (i4) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng đối với tất cả các công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính của đặc khu; (i5) Tổ chức thẩm định dự án, thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng nhóm A trở xuống sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch UBND Đặc khu hoặc UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư trên địa bàn; thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình cấp I trở xuống sử dụng vốn khác được đầu tư xây dựng trên địa bàn đặc khu; (i6) Tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2 bước); thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3 bước) của dự án đầu tư xây dựng công trình cấp I trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn đặc khu; (i7) Quyết định lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở để phục vụ tái định cư, dự án nhà ở xã hội, dự án nhà ở thương mại, dự án khu đô thị trên địa bàn đặc khu, trừ trường hợp lựa chọn chủ đầu tư thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá dự án có sử dụng đất; (i8) Quyết định cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản tại đặc khu; (i9) Quản lý các dịch vụ công ích trên địa bàn đặc khu; (i10) Thực hiện quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và các thủ tục hành chính liên quan đến quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng trong quá trình thi công và sử dụng công trình; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.

(5) Về lĩnh vực tài nguyên, môi trường: (i1) Quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê khu vực biển

trong phạm vi địa giới hành chính Đặc khu Vân Đồn, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất những trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh; (i2) Quyết định miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà theo quy định hiện hành thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh; (i3) Quyết định giá đất cụ thể để giao đất, cho thuê đất trong trường hợp không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất trong Đặc khu; (i4) Ban hành giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất để áp dụng trong Đặc khu Vân Đồn. Áp dụng giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất đối với các dự án được nhà nước giao đất, cho thuê đất trong Đặc khu; (i5) Quyết định các hình thức hỗ trợ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mà theo quy định hiện hành thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; quyết định các hình thức huy động nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước và các hình thức thanh toán để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng; (i6) Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi Giấy phép về tài nguyên nước; (i7) Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án; (i8) Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường; (i9) Căn cứ quy hoạch sử dụng đất Đặc khu được Thủ tướng phê duyệt và nhu cầu sử dụng đất của dự án đầu tư, Chủ tịch UBND Đặc khu quyết định thu hồi đất (đối với cả tổ chức và hộ gia đình, cá nhân); tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao đất, cho thuê đất, mặt nước đối với từng dự án; (i10) Quyết định chuyển mục đích sử dụng toàn bộ hoặc một phần đất rừng do Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch UBND tỉnh xác lập phù hợp với quy hoạch Đặc khu được phê duyệt, trừ các trường hợp sau đây: chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 100 héc ta trở lên; rừng sản xuất từ 100 héc ta trở lên; (i11) Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước, trừ trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên.

(6) Về lĩnh vực giao thông vận tải: (i1) Thực hiện công tác quản lý nhà nước, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn Đặc khu (trừ đường cao tốc và cảng hàng không); (i2) Quyết định và công bố hình thức đầu tư đối với tất cả các loại cảng biển trong Đặc khu (thuộc nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản lý nhà nước đối với kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn Đặc khu); (i3) Quyết định giá khởi điểm để đấu giá và phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản công là kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng tại đặc khu.

(7) Về lĩnh vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản; (i1) Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam và giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nuôi trồng thủy sản trong phạm vi vùng biển tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm đến 06 hải lý thuộc phạm vi quản lý; (i2) Cấp,

gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động khai thác thủy sản tại vùng ven bờ, vùng lộng thuộc phạm vi quản lý trong phạm vi hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản và sản lượng cho phép khai thác theo loài đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định;

(8) Về lĩnh vực khoa học và công nghệ: (i1) Quyết định biện pháp khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trên địa bàn Đặc khu; (i2) Quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động của khu công nghệ cao; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đặc khu Vân Đồn phù hợp với Quy hoạch của Đặc khu được phê duyệt; (i3) Chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao; công nhận doanh nghiệp công nghệ cao tại đặc khu; (i4) Thẩm định công nghệ của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định của Chủ tịch UBND Đặc khu; cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyên giao công nghệ tại đặc khu; (i5) Chỉ định tổ chức được quyền chứng nhận sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật do Đặc khu ban hành;

(9) Về lĩnh vực Công Thương: (i1) Cấp giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện trong Đặc khu; (i2) Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu (C/O) đối với các loại mẫu C/O tại Đặc khu; (i3) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Đặc khu; (i4) Cấp giấy phép kinh doanh hoạt động mua, bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua, bán hàng hóa cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh tại Đặc khu; (i5) Đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; (i6) Phê duyệt các chương trình quảng cáo - khuyến mại trên địa bàn đặc khu.

(10) Về lĩnh vực hải quan: (i1) Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ hàng hóa thuộc diện cấm hoặc tạm ngừng xuất nhập khẩu, hàng hóa chuyên ngành quốc phòng, an ninh, tiền tệ, y tế; (i2) Quyết định, công nhận, công bố thành lập; thu hẹp, mở rộng, di chuyển, chuyển quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động của kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế, kho hàng không kéo dài, cảng cạn, địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung.

(11) Về lĩnh vực du lịch: (i1) Cấp, cấp đổi, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa đối với doanh nghiệp có trụ sở chính tại đặc khu; (i2) Thẩm định, công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch tại đặc khu; thẩm định, công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch tại đặc khu;

(12) Về lĩnh vực văn hóa - thể thao: (i1) Thực hiện quản lý nhà nước về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu trong phạm vi Đặc khu; (i2) Cấp Giấy phép phổ biến phim đối với phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc Đặc khu sản xuất hoặc nhập khẩu;

(i3) Tổ chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, liên hoan phim quốc tế tại Đặc khu; (i4) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Đặc khu; (i5) Tổ chức xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện quy hoạch quảng cáo ngoài trời tại Đặc khu; (i6) Quyết định tổ chức giải, phê duyệt điều lệ giải thi đấu vô địch từng môn thể thao trên địa bàn Đặc khu.

(13) Về lĩnh vực lao động: (i1) Quyết định các nội dung liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực lao động tại Đặc khu, bao gồm: (i) Tiếp nhận và xử lý thông báo cho nhiều người lao động nghỉ việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ và lý do kinh tế của doanh nghiệp; (ii) Tiếp nhận và thụ lý hồ sơ thoả ước lao động tập thể của doanh nghiệp; (iii) Giải quyết thủ tục đăng ký nội quy lao động của các tổ chức, doanh nghiệp; Quyết định các nội dung liên quan đến quản lý lao động là người nước ngoài theo quy của pháp luật; Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định số lượng lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội tạm thời nghỉ việc; (i2) Quyết định các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn Đặc khu thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (trừ những thủ tục: điều tra các sự cố, tai nạn lao động; những quy định thuộc lĩnh vực chuyên ngành khác); (i3) Phê duyệt phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm; quyết định hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo quy định; (i4) Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi hoặc nhận lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp; (i5) Thực hiện quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục trên địa bàn; quyết định công nhận, không công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp, hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng tư thục tại đặc khu; (i6) Cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài thuộc diện cấp Giấy phép lao động làm việc tại đặc khu; nhận báo cáo xác định nhu cầu và chấp thuận cho người sử dụng lao động việc sử dụng lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động, trừ trường hợp được miễn cấp giấy phép.

(14) Về lĩnh vực đối ngoại: (i1) Quyết định việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế (trừ các hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ); (i2) Quyết định việc thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác về kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của Đặc khu với các địa phương, tổ chức nước ngoài; (i3) Quyết định đi nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thuộc Đặc khu;

(15) Chính sách an sinh xã hội tại Đặc khu: Căn cứ đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của đặc khu, Chủ tịch UBND đặc khu có thẩm quyền: (i1) Quyết định nâng chuẩn nghèo thu nhập cao hơn chuẩn nghèo được áp dụng tại tỉnh nơi có đặc khu với điều kiện tự cân đối ngân sách đặc khu để hỗ trợ các chính sách cho đối tượng nghèo, cận nghèo trên địa bàn do điều chỉnh, nâng chuẩn; (i2) Quyết định mức trợ cấp xã hội, mức trợ cấp nuôi dưỡng, mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng, các mức trợ giúp xã hội khác và mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho người tham gia cao hơn các mức theo quy định

hiện hành của Chính phủ; (i3) Quy định cụ thể tiêu chí ưu tiên để lựa chọn các đối tượng được mua, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn phù hợp với đặc thù của đặc khu; (i4) Quyết định việc sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ xây dựng nhà ở, công trình phúc lợi cho người lao động có thu nhập thấp.

5. Chức năng của các cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc

Cơ quan chuyên môn giúp việc cho Đặc khu: Khi đặc khu được thành lập trước hết thành lập Văn phòng và 07 Ban chuyên môn, gồm:

5.1. **Văn phòng:** Văn phòng giúp việc chung cho Cấp uỷ, HĐND, UBND đặc khu có chức năng tham mưu, tổng hợp, đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền Đặc khu. Tham mưu, thực hiện về công tác hành chính, tổng hợp, đối ngoại, văn thư lưu trữ và một số nhiệm vụ khác được giao.

5.2. **Ban Tổ chức và quản lý nhân lực:** Có chức năng tham mưu, thực hiện về công tác tổ chức bộ máy, biên chế; vị trí việc làm; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đào tạo, lao động việc làm, phát triển nguồn nhân lực; cải cách hành chính; xây dựng chính quyền, địa giới hành chính; quản lý nhà nước về Hội, tổ chức phi chính phủ; quản lý nhà nước về công tác thanh niên; công tác thi đua khen thưởng; công tác quản lý tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

5.3. **Ban Kinh tế:** Có chức năng tham mưu về các chủ trương, chính sách thuộc lĩnh vực kinh tế; tổ chức thực hiện chính sách và quản lý nhà nước về các ngành công nghiệp; thương mại, xuất nhập khẩu; du lịch - dịch vụ; nông, lâm, ngư nghiệp; khoa học - công nghệ; quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực; kế hoạch - đầu tư; tài chính, ngân hàng; quản lý doanh nghiệp;

5.4. **Ban Phát triển hạ tầng:** Có chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước về các lĩnh vực giao thông vận tải; xây dựng, quản lý đô thị, kiến trúc - quy hoạch, nhà ở và công sở, vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị.

5.5. **Ban Tài nguyên - Môi trường:** Có chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước về lĩnh vực: tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản; giải phóng mặt bằng; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quan trắc, môi trường, khí tượng-thủy văn; đo đạc, bản đồ; biển đảo.

5.6. **Ban Thanh tra - Kiểm tra:** có chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công vụ giám sát và thi hành kỷ luật; tham mưu việc thực hiện công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, công tác tư pháp; tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; kỷ luật; thanh tra chuyên ngành; giúp Chủ tịch UBND Đặc khu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và thẩm định, thẩm tra các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trong Khu.

5.7. **Ban Chính sách xã hội:** Có chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện các chính sách và quản lý nhà nước về các lĩnh vực giáo dục - đào tạo; văn hóa,

gia đình, thể dục - thể thao; trẻ em; y tế; tổ chức thực thi pháp luật và quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ sản xuất đến lưu thông, tiêu dùng; kiểm soát, phòng ngừa dịch bệnh, các yếu tố tác động ảnh hưởng đến sức khỏe người dân....

5.8. **Ban Tuyên truyền - Vận động:** Có chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tuyên truyền, thông tin, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ; vận động, tập hợp đoàn kết các tầng lớp và quần chúng nhân dân; các vấn đề xã hội và an sinh xã hội; công tác tôn giáo, dân tộc.

6. Trung tâm hành chính công đặc khu: thực hiện chức năng làm đầu mối tiếp nhận, trả kết quả thực hiện thủ tục về đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt; tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo thẩm quyền hoặc làm đầu mối phối hợp với các cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính khác và cung cấp dịch vụ công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND đặc khu.

7. Một số đơn vị sự nghiệp của Đặc khu

Trên cơ sở hiện trạng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Vân Đồn, trực thuộc các Phòng chuyên môn được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/3/2015 của BCH Đảng bộ tỉnh về thực hiện Đề án 25; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 BCH Trung ương khóa XII, đồng thời nghiên cứu thành lập mới cần có một số đơn vị đặc thù phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Đặc khu nhằm đảm bảo thuận lợi trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp (như Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch, Trung tâm quản lý đô thị thông minh: ...).

7.1. *Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch:* thực hiện chức năng xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và du lịch; thực hiện các hoạt động tư vấn đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư; quảng bá thương hiệu và mở rộng thị trường.

7.2. *Trung tâm quản lý đô thị thông minh:* có chức năng nhiệm vụ tiếp nhận các thông tin phản ánh của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về hoạt động cung ứng các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực xây dựng, đô thị ... chuyển đến các cơ quan chuyên môn xử lý.

8. Các cơ quan tư pháp, nội chính, ngành dọc khác trên địa bàn Đặc khu Vân Đồn:

8.1. Tòa án nhân dân Đặc khu Vân Đồn

8.1.1. Thẩm quyền thành lập:

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể Tòa án nhân dân Đặc khu Vân Đồn theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Cơ cấu tổ chức: Tòa án nhân dân Đặc khu Vân Đồn có thể có Tòa dân sự, Tòa hình sự, Tòa kinh tế, Tòa lao động, Tòa gia đình và người chưa thành niên, Tòa hành chính, Tòa xử lý hành chính. Trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội

quyết định thành lập Tòa chuyên trách khác theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ quy định trên và yêu cầu, thực tế xét xử ở Tòa án nhân dân Đặc khu Vân Đồn, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định việc tổ chức Tòa chuyên trách.

8.1.2. *Bộ máy giúp việc*: Tòa án nhân dân Đặc khu Vân Đồn có Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa, Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên về thi hành án, công chức khác và người lao động. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc Tòa án nhân dân Đặc khu Vân Đồn.

8.1.3. Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Tòa án nhân dân Đặc khu Vân Đồn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 73 Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt và Điều 44 của Luật tổ chức Tòa án nhân dân về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân cấp huyện.

- Thẩm quyền của Tòa án nhân dân đặc khu và thẩm quyền giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đặc khu

(1) Tòa án nhân dân đặc khu có thẩm quyền: (i1) Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động quy định từ Điều 26 đến Điều 33, Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự; (i2) Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm khiếu kiện hành chính quy định tại Điều 30, Điều 31 và khoản 7 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính; (i3) Giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở chính tại đặc khu; (i4) Xét xử các vụ án hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269 và Điều 270 của Bộ luật Tố tụng hình sự; (i5) Xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; (i6) Thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp và các quy định khác của pháp luật tố tụng khi giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân đặc khu; (i7) Giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật.

(2) Việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đặc khu chưa có hiệu lực pháp luật, giải quyết khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án nhân dân đặc khu do Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi có đặc khu thực hiện.

(3) Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền: (i1) Tranh chấp về thẩm quyền giữa Tòa án nhân dân đặc khu và Tòa án nhân dân cấp huyện khác trong cùng một tỉnh do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết; (i2) Tranh chấp về thẩm quyền giữa Tòa án nhân dân đặc khu với Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác hoặc với Tòa án nhân dân tỉnh, thành

phổ trực thuộc trung ương khác thuộc thẩm quyền giải quyết theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp cao thì do Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao giải quyết; (i3) Tranh chấp về thẩm quyền giữa Tòa án nhân dân đặc khu với Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác, với Tòa án nhân dân đặc khu khác hoặc với Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thuộc thẩm quyền giải quyết theo lãnh thổ của các Tòa án nhân dân cấp cao khác nhau thì do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao giải quyết.

8.2. Viện kiểm sát nhân dân Đặc khu Vân Đồn

- Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể Viện kiểm sát nhân dân đặc khu Vân Đồn theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân đặc khu Vân Đồn thực hiện theo quy định của Luật đơn vị HC-KT đặc biệt, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan về Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

- Viện kiểm sát nhân dân đặc khu Vân Đồn thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong phạm vi đặc khu.

- Viện kiểm sát nhân dân đặc khu Vân Đồn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động tương trợ tư pháp được quy định tại Luật Tương trợ tư pháp và các quy định khác của pháp luật có liên quan khi thực hiện thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân đặc khu.

8.3. Chi cục Thi hành án dân sự Đặc khu Vân Đồn

- Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập, giải thể Chi cục thi hành án dân sự Đặc khu Vân Đồn theo đề nghị của Tổng cục thi hành án dân sự.

Tổ chức bộ máy của Cơ quan thi hành án dân sự đặc khu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

- Cơ quan thi hành án dân sự đặc khu có thẩm quyền thi hành bản án, quyết định sau: (i1) Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân đặc khu nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở; (i2) Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân đặc khu nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở; (i3) Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân đặc khu nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở; (i4) Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện nơi khác, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác. (i5) Quyết định của Tòa án nhân dân tối cao chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự đặc khu; (i6) Bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam; (i7) Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại đối với vụ việc phát sinh trên địa bàn đặc khu; (i8) Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh đối với vụ việc phát sinh trên địa bàn đặc khu. (i9) Các bản án, quyết định nêu trên bao gồm cả các trường hợp có

đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp về thi hành án dân sự tại đặc khu.

8.4. Ban chỉ huy quân sự, bộ đội biên phòng Đặc khu Vân Đồn

Thành lập Ban Chỉ huy quân sự và Đoàn Biên phòng Đặc khu Vân Đồn.

Các đơn vị quân đội thuộc Bộ Quốc phòng đóng quân trên từng địa bàn Đặc khu Vân Đồn được tổ chức theo yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ và thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động của cơ quan quân sự, đơn vị biên phòng và các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn đặc khu để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với tổ chức, đặc điểm của đặc khu Vân Đồn.

8.5. Công an Đặc khu Vân Đồn

- Tổ chức cơ quan Công an tại đặc khu để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công an thành phố thuộc tỉnh và của Công an xã, phường, thị trấn trên địa bàn đặc khu Vân Đồn.

- Công an đặc khu bao gồm các cơ quan thực hiện nhiệm vụ điều tra, thi hành án hình sự, quản lý tạm giữ, tạm giam và các đơn vị khác.

- Cơ quan điều tra đặc khu Vân Đồn có thẩm quyền tương đương cơ quan điều tra cấp huyện. Tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan điều tra đặc khu Vân Đồn theo quy định về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan điều tra cấp huyện quy định tại Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự và Luật đơn vị HC-KT đặc biệt.

- Cơ quan thi hành án hình sự đặc khu Vân Đồn có thẩm quyền tương đương cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện. Tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án hình sự đặc khu Vân Đồn theo quy định về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện quy định tại Luật Thi hành án hình sự, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và Luật đơn vị HC-KT đặc biệt.

- Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể tổ chức bộ máy của Công an đặc khu Vân Đồn để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Luật đơn vị HC-KT đặc biệt và pháp luật có liên quan, phù hợp với tổ chức, đặc điểm của đặc khu Vân Đồn.

8.6. Các cơ quan tài chính, ngân hàng và bảo hiểm trên địa bàn Đặc khu Vân Đồn

- Tổ chức một cơ quan tài chính trên địa bàn đặc khu để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục thuế, kho bạc nhà nước cấp huyện và Chi cục hải quan theo quy định của pháp luật có liên quan và Luật này. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thành lập và quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan tài chính đặc khu Vân Đồn.

- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tại đặc khu đặc khu Vân Đồn.

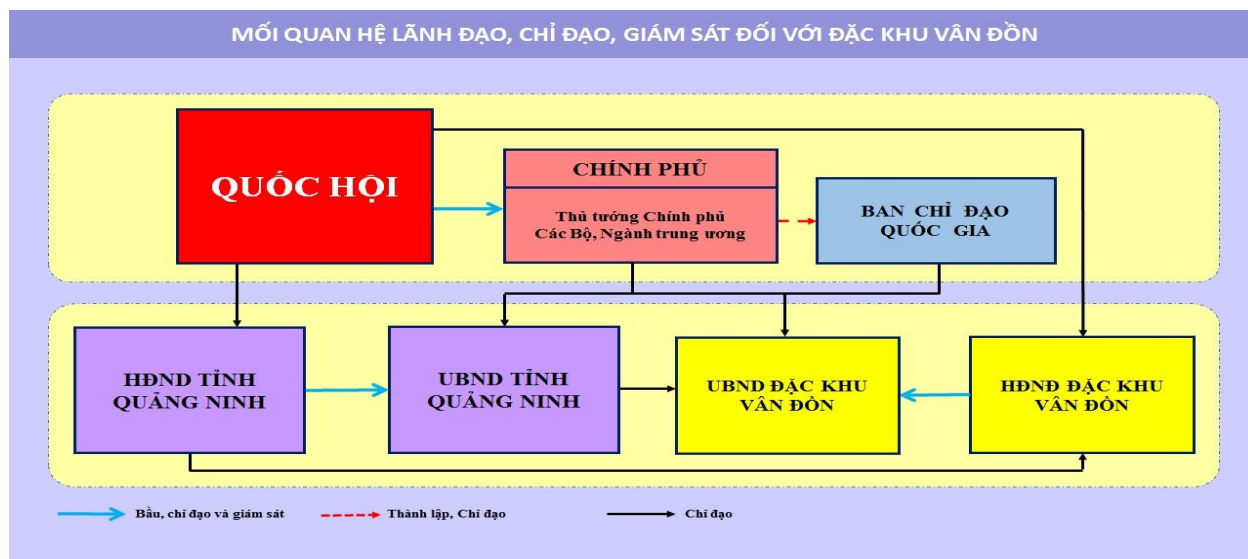
- Bảo hiểm xã hội Đặc khu Vân Đồn là cơ quan trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh đặt tại Đặc khu Vân Đồn có chức năng giúp Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; quản lý thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trên địa bàn theo quy định. Bảo hiểm xã hội Đặc khu chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và chịu sự quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn của Trưởng Đặc khu Vân Đồn.

9. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Hệ thống tổ chức và hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội Đặc khu thực hiện theo quy định của Luật, Điều lệ của từng tổ chức, theo quy định của tỉnh và được xây dựng theo mô hình "Cơ quan tham mưu, giúp việc chung trong Khôi Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội" gọi tắt là cơ quan Khôi; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc là Trưởng cơ quan Khôi; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội là Phó trưởng cơ quan Khôi. Tại các Khu hành chính có Ban công tác mặt trận và các đoàn thể.

10. Mối quan hệ và công tác kiểm tra, giám sát đối với chính quyền Đặc khu:

10.1. Mối quan hệ giữa Đặc khu Vân Đồn với Trung ương, Tỉnh và các địa phương trong tỉnh

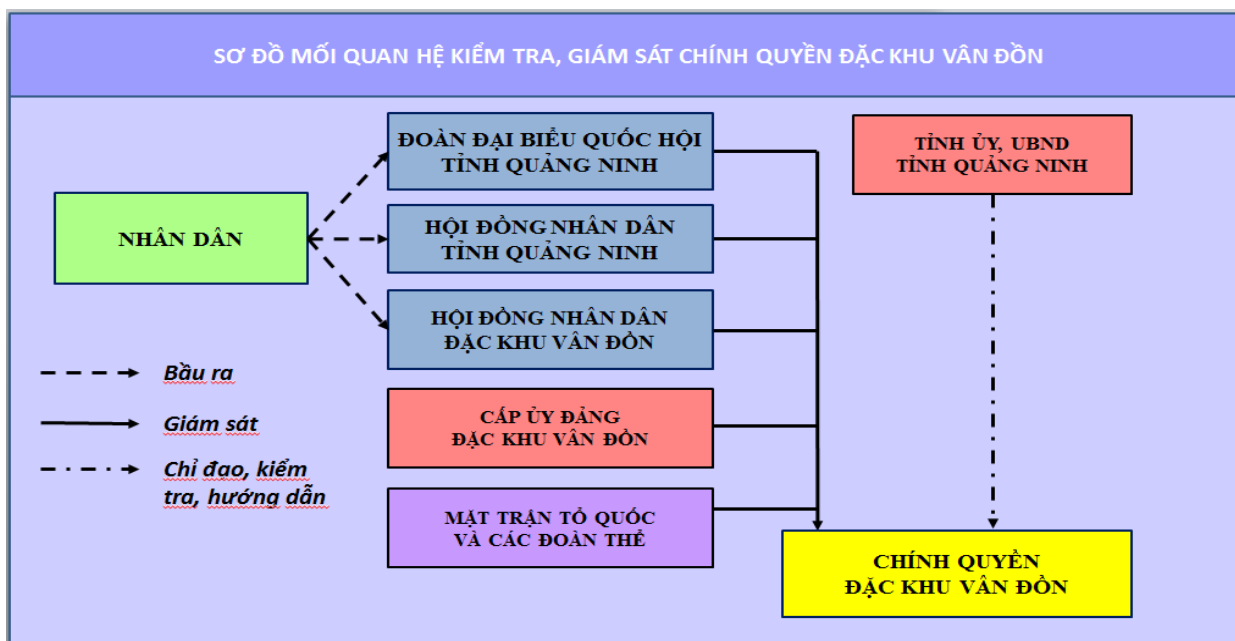


- Đối với cơ quan cấp trên: Ngoài những nội dung công việc được phân cấp, ủy quyền thì UBND Đặc khu Vân Đồn là đơn vị chấp hành của Chính phủ, Bộ, ngành, Trung ương và UBND tỉnh.

- Đối với cơ quan đồng cấp: Mối quan hệ giữa cơ quan hành chính cấp tỉnh (sở, ban, ngành, thành phố, huyện, thị xã) với chính quyền Đặc khu Vân Đồn là quan hệ phối hợp theo lĩnh vực địa bàn, lãnh thổ.

- Đối với các cơ quan trực thuộc: Các cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Đặc khu Vân Đồn, chịu sự kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan cấp trên (sở, ban, ngành cấp tỉnh) và chịu sự quản lý điều hành toàn diện của UBND Đặc khu Vân Đồn.

10.2. Giám sát, kiểm tra đối với chính quyền Đặc khu Vân Đồn



Chính quyền và các cơ quan khác của nhà nước ở Đặc khu Vân Đồn chịu sự giám sát của Nhân dân, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, HĐND tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của Đặc khu Vân Đồn theo quy định của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt và pháp luật có liên quan. Cụ thể như sau:

(1) Giám sát của Nhân dân đối với chính quyền Đặc khu Vân Đồn; (i1) Hàng tháng, Chủ tịch UBND Đặc khu Vân Đồn tổ chức tiếp công dân; tiếp nhận, xử lý đơn thư, kiến nghị của công dân; (i2) Hàng năm, Chủ tịch UBND Đặc khu Vân Đồn có trách nhiệm thông báo với Nhân dân về kết quả hoạt động của Đặc khu Vân Đồn trên phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân giám sát, kiểm tra; (i3) Hàng năm, Chủ tịch UBND Đặc khu Vân Đồn có trách nhiệm tổ chức ít nhất một lần hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân ở Đặc khu Vân Đồn về tình hình và kết quả hoạt động của mình và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở Đặc khu Vân Đồn.

(2) Giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và đại biểu Quốc hội đối với chính quyền và các cơ quan khác: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Đại biểu Quốc hội thực hiện quyền giám sát chính quyền Đặc khu Vân Đồn theo quy định của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân (Luật số 87/2015/QH13).

(3) Giám sát của HĐND Đặc khu, HĐND tỉnh đối với chính quyền địa phương và các cơ quan khác ở Đặc khu Vân Đồn: (i1) HĐND Đặc khu Vân Đồn, HĐND tỉnh thực hiện giám sát đối với chính quyền địa phương và các cơ quan khác của Nhà nước ở Đặc khu theo quy định của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và pháp luật

có liên quan. (i2) Chủ tịch UBND Đặc khu Vân Đồn có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình tại các kỳ họp thường kỳ của HĐND Đặc khu và báo cáo tại kỳ họp chuyên đề của HĐND Đặc khu có vấn đề liên quan đến Đặc khu Vân Đồn.

(4) Giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Đặc khu Vân Đồn đối với chính quyền địa phương và các cơ quan khác của nhà nước ở Đặc khu Vân Đồn: Mặt trận Tổ quốc và Các đoàn thể ở Đặc khu Vân Đồn thực hiện quyền giám sát đối với chính quyền địa phương và các cơ quan khác của nhà nước ở Đặc khu kinh tế Vân Đồn theo quy định của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và pháp luật có liên quan.

(5) Kiểm tra, giám sát của cấp ủy Đảng

Tỉnh ủy và Cấp ủy Đặc khu Vân Đồn tăng cường kiểm tra, giám sát đối với Bí thư, Chủ tịch UBND Đặc khu Vân Đồn theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật có liên quan.

Ngoài các nội dung trên, chính quyền địa phương ở đặc khu Vân Đồn thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động theo quy định tại Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt, gồm:

(1). Chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật tại đặc khu phải được công khai, minh bạch, bảo đảm công bằng, dân chủ. HĐND, UBND đặc khu, Chủ tịch UBND đặc khu, cơ quan khác của chính quyền địa phương ở đặc khu phải công khai hoạt động của mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của Chính phủ.

(2). Hằng năm, Chủ tịch UBND đặc khu có trách nhiệm thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về kết quả thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đặc khu để Nhân dân giám sát, kiểm tra.

(3). Ngoài những thông tin, nội dung phải công khai theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin, pháp luật về phòng, chống tham nhũng và pháp luật có liên quan, chính quyền địa phương ở đặc khu có trách nhiệm công khai thông tin về các nội dung sau đây: (i1) Quy trình, thủ tục giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân trong từng lĩnh vực; (i2) Quy hoạch đặc khu, các quy hoạch chi tiết để thực hiện quy hoạch đặc khu, việc điều chỉnh quy hoạch và kết quả thực hiện quy hoạch; (i3) Các danh mục dự án đầu tư công, dự án thu hút đầu tư của đặc khu, dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách sử dụng các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao cần lựa chọn nhà đầu tư; thủ tục đầu tư kinh doanh; thông tin cơ bản về các dự án đầu tư đã được phê duyệt hoặc đăng ký và ưu đãi đầu tư được áp dụng đối với từng dự án; tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn đặc khu; (i4) Chi tiết số liệu dự toán và quyết toán ngân sách đặc khu đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê chuẩn, kể cả khoản ngân sách bổ sung; chi tiết số liệu phân bổ dự toán ngân sách đặc khu; nguyên tắc, tiêu chuẩn, định mức phân bổ chi thường xuyên; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; báo cáo kiểm toán ngân sách đặc khu.

(4). Thông tin về các nội dung phải công khai phải được đăng trên cổng thông tin điện tử đặc khu, đồng thời có thể được công khai thông qua các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

(5). Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND đặc khu, UBND đặc khu, Chủ tịch UBND đặc khu phải được đăng Công báo cấp tỉnh và công bố trên cổng thông tin điện tử đặc khu.

(6). Các cơ quan chính quyền địa phương ở đặc khu có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin; cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo yêu cầu của công dân phù hợp với quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

11. Cán bộ, công chức và chế độ công vụ tại đặc khu Vân Đồn

(1) Những người sau đây là cán bộ, công chức theo quy định pháp luật về cán bộ, công chức: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND đặc khu, đại biểu chuyên trách HĐND đặc khu, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND đặc khu; Trưởng, phó Khu hành chính; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ quan thuộc bộ máy giúp việc của UBND đặc khu; Người đang là cán bộ, công chức được bổ nhiệm, điều động, sắp xếp giữ chức vụ, chức danh hoặc đảm nhiệm vị trí việc làm trong các cơ quan thuộc bộ máy giúp việc của HĐND, UBND đặc khu.

(2) Trừ trường hợp quy định tại điểm 1 nêu trên, công chức làm việc tại các cơ quan thuộc bộ máy giúp việc của Đặc khu được tuyển dụng có thời hạn và theo yêu cầu của vị trí việc làm. Chủ tịch UBND đặc khu quyết định hoặc ủy quyền cho người trực tiếp sử dụng công chức quyết định việc tuyển dụng có thời hạn, cho thôi đối với công chức quy định tại điểm này.

(3) Chính sách đối với cán bộ, công chức và những người làm việc trong bộ máy của đặc khu được thực hiện theo các nguyên tắc: Tiền lương trả theo vị trí việc làm gắn với chức vụ, chức danh; được điều chỉnh theo mức độ phát triển kinh tế và khả năng cân đối ngân sách của đặc khu; bảo đảm tính cạnh tranh, phù hợp với thị trường và khu vực doanh nghiệp; Các khoản phụ cấp ngoài lương được xác định theo tính chất, đặc điểm công việc; Tiền thưởng được hưởng trên cơ sở kết quả và mức độ hoàn thành công việc.

- Căn cứ quy định của Chính phủ, mức độ phát triển kinh tế và khả năng cân đối ngân sách của đặc khu, Chủ tịch UBND đặc khu quyết định hệ số tiền lương tăng thêm; ban hành quy chế tiền thưởng thực hiện tại Đặc khu và một số chính sách đặc thù khác đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong bộ máy của Đặc khu.

- Cán bộ, công chức (được tuyển dụng, tiếp nhận theo chính sách thu hút nhân tài) trong các cơ quan của chính quyền địa phương ở đặc khu có cam kết làm việc lâu dài (từ 10 năm trở lên) tại đặc khu được hỗ trợ về nhà ở theo quy định của Chủ tịch UBND đặc khu.

- Công chức được tuyển dụng có thời hạn làm việc 05 năm liên tục trở lên trong cơ quan của Hệ thống chính trị của Đặc khu, khi chuyển công tác sang các

cơ quan, tổ chức khác của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được xem xét tiếp nhận không qua thi tuyển.

(4) Chủ tịch UBND đặc khu quyết định ký hợp đồng lao động hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan của chính quyền địa phương ở đặc khu ký hợp đồng lao động với nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia trong nước và ngoài nước có trình độ chuyên môn cao trên cơ sở thỏa thuận mức thù lao phù hợp với công việc được giao.

(5) Chủ tịch UBND đặc khu quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức, khen thưởng, kỷ luật người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan thuộc bộ máy giúp việc của UBND đặc khu.

12. Về cơ chế tự quản của cộng đồng dân cư tại các tổ dân phố

Do đặc điểm hiện trạng của Vân Đồn có địa bàn rộng, dân cư phân tán, nếu trong giai đoạn mới thành lập đặc khu mà giải thể thôn, khu thì việc quản lý địa bàn dân cư sẽ gặp khó khăn. Trước mắt cần giữ ổn định hoạt động đối với dân cư, để trực tiếp quản lý địa bàn, dân cư, đề nghị chuyển tiếp 79 thôn, khu phố của 12 xã, thị trấn huyện Vân Đồn hiện nay thành 79 tổ dân trực thuộc các Khu hành chính. Việc duy trì Tổ dân phố thuộc các Khu hành chính là rất cần thiết vì đây là nơi trực tiếp thực hiện dân chủ, hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, công việc do cấp uỷ đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên triển khai đối với nhân dân; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội...;

Tổ dân phố là tổ chức tự quản thuộc Khu hành chính, lấy MTTQ làm nòng cốt, xây dựng cơ chế thông tin, liên lạc, phản hồi giữa chính quyền và người dân. Trước mắt đội ngũ này vẫn thực hiện tổ chức hoạt động theo Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố, Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV; Nghị quyết số 55/2016/NĐ-HĐND ngày 07/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Ninh và các quy định có liên quan. Nhà nước thực hiện khoán kinh phí hoạt động đối với tổ chức tự quản.

Khi đặc khu đi vào hoạt động ổn định, căn cứ vào tình hình phát triển của đặc khu sẽ xem xét tổ chức lại các Tổ dân phố bảo đảm tinh gọn theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 BCH Trung ương khóa XII, Chương trình hành động số 21 của Tỉnh ủy Quảng Ninh, phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đảo (có địa hình tách biệt, chia cắt, dân cư sinh sống độc lập trên một đảo) và tình hình phát triển của Đặc khu.

13. Nội dung xử lý chuyển tiếp khi bộ máy đặc khu đi vào hoạt động

13.1. Việc chuyển tiếp về tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương tại huyện Vân Đồn.

- HĐND, UBND huyện Vân Đồn tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐND đặc khu, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND đặc khu ở Vân Đồn được bầu ra theo quy định của pháp luật về bầu cử và quy định của Luật đơn vị HC-KT đặc biệt. Việc bầu cử đại biểu HĐND đặc khu được thực hiện theo quy định tương tự tại Chương IX của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND (Do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định). UBND tỉnh Quảng Ninh sau khi thống nhất với Thường trực HĐND và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh thành lập Ủy ban bầu cử để tổ chức bầu cử đại biểu HĐND đặc khu;

- HĐND đặc khu Vân Đồn bầu các chức danh của HĐND, UBND đặc khu theo quy định của Luật đơn vị HC-KT đặc biệt và hoạt động đến khi HĐND đặc khu, UBND đặc khu nhiệm kỳ 2021- 2026 được bầu ra;

- HĐND, UBND cấp xã (12 xã, thị trấn hiện nay) thuộc huyện Vân Đồn tiếp tục hoạt động cho đến khi Trưởng khu hành chính thuộc đặc khu được bổ nhiệm theo quy định của Luật đơn vị HC-KT đặc biệt.

13.2. Về tổ chức Đảng, Mặt trận tổ quốc và đoàn thể chính trị:

- Kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội về thành lập Đặc khu có hiệu lực thi hành: Huyện ủy Vân Đồn, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị (đã được tổ chức theo mô hình cơ quan Khối) tiếp tục hoạt động cho đến khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về thành lập Đảng bộ Đặc khu; chỉ định Ban chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó bí thư đảng ủy Đặc khu nhiệm kỳ 2018- 2020; cơ quan Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể - chính trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng, luật, Điều lệ của các tổ chức và của tỉnh đối với cơ quan Khối. Hết nhiệm kỳ tiến hành đại hội đảng bộ theo quy định của Điều lệ Đảng và Điều lệ của các tổ chức.

- Đảng ủy và HĐND Đặc khu quyết định số lượng cơ quan chuyên môn, tham mưu, giúp việc chung cho cấp ủy và chính quyền Đặc khu trên cơ sở hợp nhất các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy và cơ quan chuyên môn của UBND Đặc khu.

- Đảng ủy, chi bộ cơ sở thuộc Huyện ủy Vân Đồn tiếp tục hoạt động cho đến khi Đảng ủy Đặc khu quyết định thành lập các đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy đặc khu; chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, các phó bí thư đảng ủy, chi bộ cơ sở nhiệm kỳ 2018 – 2020 theo quy định của Điều lệ Đảng.

13.3. Việc chuyển tiếp về hoạt động của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cũng như các cơ quan chuyên môn khối chính quyền được thực hiện như sau:

- Đối với những vụ, việc thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy, cho chính quyền ở Đặc khu mà các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện đang giải quyết, nhưng chưa kết thúc trước ngày Nghị quyết thành lập đặc khu có hiệu lực thì các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy, chính quyền ở đặc khu tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung;

- Đối với những vụ, việc thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy, chính quyền ở đặc khu mà các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp tỉnh đang giải quyết, nhưng chưa kết thúc trước ngày Nghị quyết thành lập đặc khu có hiệu lực thì các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp tỉnh tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. (Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Trung ương hướng dẫn thi hành khoản này).

13.4. Về chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và lao động tại đặc khu

(1). Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hiện nay thuộc huyện Vân Đồn và các xã, thị trấn của huyện hiện nay tiếp tục công tác, làm việc và hưởng các chế độ chính sách theo quy định hiện hành đến khi bộ máy mới của Đặc khu chính thức đi vào hoạt động.

Sau khi bộ máy mới đi vào hoạt động, Ban Thường vụ, Chủ tịch UBND Đặc khu với chức trách, thẩm quyền tiến hành sắp xếp, bố trí đội ngũ nhân lực cho phù hợp. Những trường hợp không được tiếp tục bố trí công việc trong bộ máy mới của Đặc khu được thực hiện chế độ chính sách theo quy định hiện hành và chính sách đặc thù của Đặc khu do Chủ tịch UBND đặc khu quyết định.

(2). Đối với đội ngũ hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, khu hiện nay được thực hiện chế độ chính sách theo quy định hiện hành đến khi bầu được bộ máy mới của Đặc khu đi vào hoạt động.

Sau khi sắp xếp, đối với trường hợp không tiếp tục tham gia hoạt động tại các tổ dân phố thì ngoài việc hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành sẽ được hưởng một khoản hỗ trợ, mức hỗ trợ do Chủ tịch UBND Đặc khu quyết định theo thẩm quyền và phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách của đặc khu.

13.5. Việc chuyển tiếp một số nội dung khác

- Văn bản, giấy tờ do cấp ủy, cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy, chính quyền ban hành liên quan đến công tác đảng, chính quyền của các tổ chức, cá nhân tại đặc khu trước ngày Nghị quyết thành lập đặc khu có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị sử dụng và không phải thực hiện thủ tục ban hành mới. Trường hợp có yêu cầu, trong phạm vi trách nhiệm của mình, Bí thư Đảng ủy đặc khu, Chủ tịch UBND Đặc khu, thủ trưởng cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy, chính quyền Đặc khu xem xét ban hành, điều chỉnh, thay đổi, cải chính, bổ sung, thu hồi văn bản, giấy tờ đã cấp cho tổ chức, cá nhân quy định tại khoản này.

- Hồ sơ thủ tục hành chính đảng được thụ lý trước ngày Nghị quyết thành lập đặc khu có hiệu lực thi hành mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được các cơ quan môn, tham mưu, giúp việc cấp ủy, chính quyền giải quyết theo quy định của Đảng, pháp luật có liên quan tại thời điểm thụ lý.

IV. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ VÀ NGÀNH NGHỀ ƯU TIÊN

1. Cơ chế chính sách đặc thù

1.1. Ưu đãi thuế

a) Thuế xuất nhập khẩu:

(1) Bán hàng miễn thuế cho khách tham quan du lịch tại khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, cửa hàng miễn thuế thuộc đặc khu:

- Khách du lịch là người nước ngoài được mua hàng miễn thuế tại khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, cửa hàng miễn thuế tại đặc khu Vân Đồn bằng định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Một người được mua một lần trong 01 ngày và không quá 04 lần trong 30 ngày liên tục.

- Khách du lịch là người Việt Nam có thời gian lưu trú từ 01 ngày trở lên (trên 24 giờ) tại cơ sở lưu trú trên địa bàn đặc khu Vân Đồn được mua hàng miễn thuế tại khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, cửa hàng miễn thuế tại đặc khu tương ứng bằng định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Một người được mua một lần trong 01 ngày và không quá 02 lần trong 30 ngày liên tục. (Quy định này không áp dụng đối với người làm việc thường xuyên tại Đặc khu Vân Đồn).

(2) Người nhập cảnh tại sân bay, bến cảng thuộc Đặc khu Vân Đồn bằng hộ chiếu, giấy thông hành hoặc bằng các loại giấy tờ khác có giá trị thay cho hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp, có hành lý mang theo người, hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi được miễn thuế nhập khẩu cho từng lần nhập cảnh không 02 lần quá định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh của theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

(3) Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại Đặc khu Vân Đồn được miễn thuế nhập khẩu đối với:

- Máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị;

- Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án;

- Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

(4) Miễn thuế nhập khẩu lần đầu đối với hàng hóa là trang thiết bị nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được hoặc trong nước đã sản xuất được nhưng

chưa đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc chưa phù hợp cho dự án để thực hiện dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 5 Điều 3; Dự án đầu tư tại đặc khu Vân Đồn thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt.

(5) Miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 07 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án hoặc để thực hiện dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 5 Điều 3; Dự án đầu tư tại đặc khu Vân Đồn thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt.

(6) Hàng hóa là vật liệu xây dựng từ thị trường trong nước xuất khẩu vào khu phi thuế quan thuộc Đặc khu Vân Đồn để xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong khu phi thuế quan được miễn thuế xuất khẩu.

b) Thuế giá trị gia tăng: Hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng gồm:

(1) Hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu đối với khách tham quan du lịch tại khu phi thuế quan và cửa hàng miễn thuế thuộc Đặc khu;

(2) Hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu là hành lý mang theo người, hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi của người nhập cảnh tại sân bay, bến cảng thuộc Đặc khu Vân Đồn bằng hộ chiếu, giấy thông hành hoặc bằng các loại giấy tờ khác có giá trị thay cho hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp.

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt

(1) Hàng hoá miễn thuế nhập khẩu (Bán hàng miễn thuế cho khách du lịch tại khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, cửa hàng miễn thuế thuộc đặc khu) theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

(2) Hàng hoá nhập khẩu chưa qua quá trình sản xuất, gia công, sửa chữa hoặc sử dụng đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khi xuất khẩu trở lại nước ngoài hoặc xuất khẩu để sử dụng trong khu phi thuế quan, khu thương mại tự do thuộc đặc khu được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp. Việc xuất khẩu hàng hóa phải được thực hiện bởi người nhập khẩu ban đầu hoặc được người nhập khẩu ban đầu ủy quyền, ủy thác xuất khẩu.

(3) Dịch vụ kinh doanh casino, dịch vụ kinh doanh đặt cược, dịch vụ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy jackpot, máy slot và các loại máy tương tự trong dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển tại đặc khu Vân Đồn quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt được áp dụng mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 10% trong thời hạn 10 năm kể từ khi có doanh thu từ dịch vụ. Hết thời hạn 10 năm, các dịch vụ này được áp dụng mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

d) Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại đặc khu, (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt), được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm kể từ khi có doanh thu, được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số trường hợp cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt như sau:

(1) Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân tại đặc khu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp;

(2) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, từ dự án đầu tư kinh doanh nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở được áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động.

(3) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới xã hội hóa tại đặc khu trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường được áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế;

(4) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại đặc khu quy định tại khoản 5 Điều 3 và dự án đầu tư thuộc ngành, nghề công nghệ cao, dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa tại đặc khu Vân Đồn quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 30 năm kể từ khi có doanh thu, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế;

(5) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại đặc khu thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt, trừ trường hợp quy định tại điểm (d.4), được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 20 năm kể từ khi có doanh thu, được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế;

(6) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại đặc khu sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt được áp dụng thuế suất 10% trong 10 năm kể từ khi có doanh thu, được miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế;

(7) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư kinh doanh bất động sản tại đặc khu (trừ thu nhập từ dự án đầu tư kinh doanh nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở) và thu nhập từ hoạt động kinh doanh dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của dự án quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 của Luật Đơn vị

HC-KT đặc biệt được áp dụng thuế suất 17% trong thời gian 05 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế nhưng không quá năm 2030.

Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển tại Đặc khu Vân Đồn mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất nếu đáp ứng một trong các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 43 Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt thì được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có) hoặc được miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng quy định tại khoản này bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại nội dung này không áp dụng đối với thu nhập quy định tại khoản 5 và 6 Điều 43 Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt.

đ) Thuế thu nhập cá nhân:

(1) Giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh phát sinh từ đặc khu của cá nhân làm việc tại đặc khu.

(2) Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời gian 05 năm, kể từ khi bắt đầu làm việc tại đặc khu nhưng không quá năm 2030 và giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong các năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh phát sinh từ đặc khu của nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao làm việc tại đặc khu.

1.2. Về đất đai và bất động sản

(1) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa cho cả thời hạn thuê đối với các dự án đầu tư tại đặc khu mà theo quy định của pháp luật về đất đai hiện hành đang được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê và các dự án đầu tư khu hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển tại đặc khu Vân Đồn;

(2) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa không quá 30 năm đối với dự án đầu tư tại đặc khu Vân Đồn thuộc Danh mục dự án cần thu hút đầu tư theo hình thức xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa, thể thao và môi trường (trừ dự án đầu tư quy định tại điểm a);

(3) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 30 năm nhưng không quá một nửa thời hạn sử dụng đất đối với dự án đầu tư của nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại đặc khu Vân Đồn quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 5 Điều 3 của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt.

(4) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 20 năm nhưng không quá một nửa thời hạn sử dụng đất đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục 1, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 5 Điều 3 của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt;

(5) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước.

Không miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án đầu tư khác tại đặc khu không thuộc trường hợp quy định tại các nội dung trên.

(6) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê đất, thuê lại đất, được Nhà nước Việt Nam giao đất có thu tiền sử dụng đất để thực hiện dự án trong Đặc khu Vân Đồn có quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 174 và Điều 175 của Luật đất đai tương ứng với hình thức sử dụng đất, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật đơn vị HC-KT đặc biệt.

(7) Thời hạn sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh trong Đặc khu Vân Đồn không quá 70 (bảy mươi) năm. Trong trường hợp đặc biệt, thời hạn sử dụng đất có thể dài hơn nhưng không quá 99 năm do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

(8) Tổ chức kinh tế, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Đặc khu Vân Đồn để vay vốn đầu tư tại các tổ chức tín dụng trong nước và các tổ chức tín dụng ở nước ngoài mà không phụ thuộc vào hình thức trả tiền cho nhà nước (đất trả tiền 1 lần, hàng năm hoặc được miễn, giảm).

(9) Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua, bán nhà ở tại các dự án phát triển nhà ở trong Đặc khu (bao gồm nhà chung cư, nhà ở riêng lẻ có sân vườn hoặc nhà liền kề) với thời hạn vĩnh viễn đối với nhà ở riêng lẻ, biệt thự; thời hạn 99 năm đối với nhà chung cư.

(10) Các doanh nghiệp, tập đoàn lớn (thuộc nhóm 200 tập đoàn hàng đầu thế giới) đặt trụ sở, chi nhánh tại Đặc khu được miễn tiền thuê mặt bằng hoặc tiền thuê đất xây dựng trụ sở.

(11) Các dự án đầu tư tại Đặc khu, Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng trước khi giao đất hoặc cho tổ chức kinh tế thuê đất để thực hiện dự án đầu tư. (Kinh phí thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng do Nhà nước và chủ đầu tư thống nhất).

(12) Tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc đối tượng và đủ điều kiện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam theo pháp luật về nhà ở thì có quyền sở hữu căn hộ khách sạn (condotel), biệt thự nghỉ dưỡng (resort villa), văn phòng làm việc kết hợp lưu trú (officetel) và các loại hình tương tự khác thông qua các hình thức mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế từ chủ đầu tư dự án hoặc tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sở hữu bất động sản trong dự án đầu tư xây dựng bất động sản tại đặc khu, trừ khu vực bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy hoạch đặc khu.

1.3. Về tài chính, ngân sách

(1) Ngân sách nhà nước để lại toàn bộ số tăng thu nội địa tại địa bàn đặc khu trong thời gian 10 năm kể từ năm đặc khu được thành lập để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình bảo vệ môi trường

quan trọng của đặc khu và thực hiện chính sách đặc thù theo quy định của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt.

Số tăng thu nội địa được xác định trên cơ sở số thu nội địa hằng năm so với số thu nội địa của năm liền kề trước năm đặc khu được thành lập. Số thu nội địa quy định tại khoản này không bao gồm số thu từ tiền sử dụng đất.

(2) Hỗ trợ đầu tư từ ngân sách:

- Ngân sách Trung ương có cơ chế bổ sung có mục tiêu hàng năm cho Đặc khu Vân Đồn tương ứng 25% số thu nội địa của tỉnh Quảng Ninh nộp về ngân sách Trung ương⁵ trong thời gian 05 năm kể từ ngày thành lập để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao...

- Ngân sách tỉnh Quảng Ninh bổ sung cho Đặc khu Vân Đồn tối thiểu 1.500 tỷ đồng/năm trong 05 năm kể từ ngày thành lập, để đầu tư phát triển và hoàn thiện hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào công trình, hạ tầng xã hội, bảo vệ môi trường, cải cách hành chính...

(3) Được bội chi ngân sách địa phương để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Chính quyền Đặc khu phê duyệt bằng các nguồn vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật. Mức dư nợ vay không quá 70% số thu ngân sách địa phương được hưởng. Thu ngân sách địa phương được xác định trên cơ sở dự toán ngân sách Đặc khu được HĐND tỉnh quyết định của năm dự toán;

(4) Được thành lập Quỹ Nghiên cứu phát triển Đặc khu Vân Đồn để nghiên cứu phát triển, hỗ trợ quảng bá, xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường, đầu tư phát triển các ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên... Nguồn hình thành quỹ từ ngân sách nhà nước, hỗ trợ, đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn huy động hợp pháp khác. Việc quản lý và sử dụng quỹ do chính quyền Đặc khu Vân Đồn quyết định.

(5) Được áp dụng định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên bằng 2 lần so với định mức phân bổ chung như hiện nay. Việc quy định chi tiết định mức phân bổ cho từng lĩnh vực do chính quyền Đặc khu quyết định.

(6) Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng tại Đặc khu được vay ưu đãi từ nguồn vốn Ngân hàng Phát triển Việt Nam và tiền tạm thời nhàn rỗi của các quỹ bảo hiểm.

1.4. Về tiền tệ, ngân hàng

(1) Căn cứ mức độ phát triển của thị trường tài chính, tiền tệ, ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định thành lập chi nhánh Ngân hàng Nhà

⁵ Số thu nội địa điều tiết về NSTW giai đoạn 2014-2017 bình quân 5.000 tỷ đồng/năm, dự kiến giai đoạn 2018-2022 khoảng 8.400 tỷ đồng/năm. Số đề nghị NSTW bổ sung có mục tiêu cho Đặc khu Vân Đồn giai đoạn 2018-2022 là 10.500 tỷ đồng, bình quân 2.100 tỷ đồng/năm, tương đương 25% số thu nội địa ngân sách tỉnh Quảng Ninh điều tiết về NSTW.

nước tại Đặc khu Vân Đồn để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và quản lý ngoại hối trên địa bàn.

(2) Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và các sàn giao dịch chứng khoán, vàng, ngoại tệ, các quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm được phép thành lập và hoạt động tại Đặc khu Vân Đồn theo quy định của pháp luật.

(3) Đặc khu Vân Đồn Được thực hiện cơ chế tự do hóa tài chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng phù hợp với thông lệ quốc tế, bao gồm: Tự do hóa về lãi suất, tự do hóa hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại, tự do hóa hoạt động ngoại hối, tự do hóa hoạt động của các tổ chức tín dụng trên thị trường tài chính theo quy định của pháp luật.

(4) Trong phạm vi khu thương mại tự do, khu chế xuất và các khu chức năng khác được áp dụng cơ chế, chính sách của khu phi thuế quan tại đặc khu, các giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú được thực hiện bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.

(5) Cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh tại Đặc khu Vân Đồn qua đường bộ, hàng không và đường biển bằng hộ chiếu, giấy thông hành hoặc bằng các loại giấy tờ khác có giá trị thay cho hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt trên mức quy định bằng 03 lần hạn mức tiền phải khai báo Hải quan cửa khẩu khi xuất, nhập cảnh tương ứng từng thời kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

1.5. Về đầu tư, kinh doanh:

(1) Nhà đầu tư được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong tất cả các ngành, nghề mà Luật đầu tư không cấm.

(2) Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thành lập và hoạt động đầu tư kinh doanh tại Đặc khu Vân Đồn trong những ngành, nghề ưu tiên phát triển không phải đáp ứng điều kiện gia nhập thị trường áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và Điều ước quốc tế có liên quan.

(3) Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước tại đặc khu, Chủ tịch UBND đặc khu rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định: (i) không áp dụng một hoặc một số ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại đặc khu quy định tại Phụ lục 4 của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt tại khu chức năng thuộc đặc khu; (ii) Sửa đổi, bãi bỏ một hoặc một số điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng tại đặc khu hoặc khu chức năng thuộc đặc khu..

(4) Nhà đầu tư có quyền quyết định hình thức đầu tư, gồm: Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế tại Đặc khu; Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế có trụ sở chính tại Đặc khu; Đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức, cá nhân có trụ sở chính hoặc nơi

cur trú tại Đặc khu; Đầu tư theo hình thức hợp đồng đối tác công tư giữa nhà đầu tư và Chủ tịch UBND Đặc khu; Thực hiện dự án đầu tư tại Đặc khu; Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế có liên quan.

(5) Ngoài các hình thức đầu tư quy định nêu trên, nhà đầu tư được đề xuất thực hiện các hình thức đầu tư khác phù hợp với thông lệ quốc tế khi được Chủ tịch UBND Đặc khu chấp thuận.

(6) Khi đầu tư theo các hình thức đầu tư nêu trên, nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện gia nhập thị trường áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và Điều ước quốc tế có liên quan, trừ trường hợp thành lập và hoạt động đầu tư kinh doanh tại Đặc khu Vân Đồn trong những ngành, nghề ưu tiên của Đặc khu.

(7) Trung tâm hành chính công trực thuộc Đặc khu thực hiện chức năng làm đầu mối tiếp nhận, trả kết quả thực hiện thủ tục về đầu tư kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt; tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo thẩm quyền hoặc làm đầu mối phối hợp với các cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính khác và cung cấp dịch vụ công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND đặc khu.

(8) Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư tại Đặc khu thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng đối với từng loại hình tổ chức kinh tế. Nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có dự án đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế.

(9) Trường hợp có dự án đầu tư, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập thực hiện đăng ký đầu tư tại Trung tâm hành chính công theo thủ tục sau:

- Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế nộp văn bản đăng ký đầu tư, gồm những nội dung: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, diện tích đất sử dụng, thời hạn, tiến độ đầu tư, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có) và các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Trung tâm hành chính công trình Chủ tịch UBND Đặc khu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

- Trường hợp thực hiện đăng ký dự án đầu tư đồng thời với thành lập tổ chức kinh tế, nhà đầu tư nộp văn bản đăng ký đầu tư gồm các nội dung theo quy định tại điểm a khoản này đồng thời với hồ sơ đăng ký thành lập tổ chức kinh tế theo quy định tại nêu trên. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ, Trung tâm hành chính công trình Chủ tịch UBND Đặc khu cấp đồng thời Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(10) Nhà đầu tư ký kết hợp đồng đối tác công tư với Chủ tịch UBND Đặc khu để thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, quản lý và vận hành công trình kết cấu hạ tầng hoặc cung cấp dịch vụ công tại Đặc khu và không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư quy định tại khoản này. Chủ tịch UBND Đặc khu công bố Danh mục dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng đối tác công tư tại Đặc khu. Việc lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư thực hiện theo quy định nêu trên.

(11) Hồ sơ, trình tự, thủ tục đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài vào tổ chức kinh tế có trụ sở chính tại Đặc khu thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng đối với từng loại hình tổ chức kinh tế. Nhà đầu tư không phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp theo quy định tại Luật đầu tư.

(12) Hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập tổ chức kinh tế và thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, dầu khí, vận tải hàng không thực hiện theo quy định tương ứng của Luật chứng khoán, Luật các tổ chức tín dụng, Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật dầu khí, Luật hàng không dân dụng.

(13) Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thành lập và hoạt động đầu tư kinh doanh tại Đặc khu khi đầu tư ra nước ngoài không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

(14) Khuyến khích các tổ chức và cá nhân đầu tư xây dựng khu hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển và thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tại Đặc khu.

(15) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Chủ tịch Ủy ban Đặc khu quyết định các hình thức hỗ trợ đầu tư xây dựng, vận hành khu hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Đặc khu.

(16) Nhà nước dành một phần vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình bảo vệ môi trường quan trọng tại Đặc khu Vân Đồn. Đối với các nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước có liên quan trực tiếp đến dự án đầu tư của nhà đầu tư mà chưa bố trí được vốn thì nhà đầu tư đã được lựa chọn theo quy định của pháp luật được phép ứng trước vốn để thực hiện, bao gồm: (i1) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư và các công trình khác ngoài hàng rào dự án đầu tư của nhà đầu tư; (i2) Bồi thường, giải phóng mặt bằng; (i3) Hỗ trợ đào tạo nghề.

Nhà đầu tư được lựa chọn các phương thức hoàn trả vốn ứng trước như sau: (1) Trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp của dự án; (2) Được nhà nước thanh toán bằng tiền hoặc quỹ đất để thực hiện dự án đầu tư khác theo thỏa thuận; (3) Được tính vào vốn đầu tư của dự án đầu tư; (4) Trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp của dự án đầu tư khác do nhà đầu tư thực hiện trên địa bàn Đặc khu Vân Đồn (Thực hiện theo quy định của Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt). Nhà đầu tư được đề xuất hình thức đầu tư dự án đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo thông lệ quốc tế. Căn cứ thỏa thuận về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên trong đề xuất dự án đầu tư, Chủ tịch UBND Đặc khu quyết định hình thức đầu tư dự án đầu tư tại nội dung nêu trên.

(17) Chủ tịch UBND Đặc khu là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước thực hiện tại Đặc khu, trừ các dự án quan trọng quốc gia; được uỷ quyền cho cơ quan trực thuộc thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền đối với dự án nhóm B, nhóm C và dự toán mua sắm thường xuyên.

(18) Chủ tịch UBND Đặc khu là cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và dự án có sử dụng đất thực hiện tại Đặc khu, trừ các dự án quan trọng quốc gia; được uỷ quyền cho cơ quan trực thuộc thực hiện trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với dự án nhóm B và nhóm C.

(19) Gói thầu tư vấn lập quy hoạch Đặc khu được chỉ định cho đơn vị có ý tưởng quy hoạch kiến trúc và giải pháp thực hiện được tuyển chọn khi đơn vị có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp không đủ năng lực thì được phép liên danh với nhà thầu tư vấn khác có đủ năng lực để được chỉ định thầu.

(20) Trình tự, thủ tục, nội dung trong lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

1.6. Về quản lý và phát triển nguồn nhân lực

(1) Chính sách tiền lương: Xây dựng chính sách tiền lương tự chủ, linh hoạt; Mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở Đặc khu Vân Đồn được thực hiện không quá 2 (hai) lần so với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành tại thời điểm hưởng;

(2) Chính quyền Đặc khu được ký kết hợp đồng lao động, thuê khoán các chuyên gia trong và ngoài nước trên cơ sở mức lương thỏa thuận phù hợp công việc được giao và khả năng ngân sách của Đặc khu.

(3) Người sử dụng lao động tại Đặc khu Vân Đồn có quyền tuyển dụng người lao động nước ngoài theo nhu cầu. Người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ. Người lao động nước ngoài làm việc tại các đơn vị, doanh nghiệp trong Đặc khu Vân Đồn được miễn cấp giấy phép lao động.

(4) Các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện khoán biên chế và kinh phí hoạt động.

(5) Chính quyền Đặc khu quyết định tiêu chí và chính sách hỗ trợ thu hút đối với cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao về làm việc tại Đặc khu. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 (mười) lần mức thu nhập bình quân của cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao đang làm việc trên địa bàn tỉnh tại thời điểm hỗ trợ. Cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao được hỗ trợ nhà ở.

(6) Chính quyền Đặc khu sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động. Chính quyền Đặc khu được sử dụng nguồn thu để lại, nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí và các nguồn thu hợp pháp khác để thực hiện các chính sách quy định tại mục (1), (2), (3), (4) và (5) nêu trên.

(7) Dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng trong Đặc khu Vân Đồn được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho người lao động Việt Nam làm việc cho dự án đầu tư trong thời gian hai (02) năm đầu kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Việc hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề thực hiện thông qua các cơ sở dạy nghề do nhà đầu tư lựa chọn và thực hiện theo phương thức cùng chia sẻ chi phí đào tạo nghề giữa Nhà nước và nhà đầu tư. Chính quyền Đặc khu xác định nhu cầu, đối tượng người lao động cần thu hút, chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực và quyết định mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cụ thể theo từng giai đoạn.

(8) Công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động thuộc diện tinh giản biên chế, dôi dư do sắp xếp tổ chức lại bộ máy khi thành lập Đặc khu, ngoài việc được hưởng chế độ theo quy định hiện hành còn được hưởng chính sách hỗ trợ riêng của Đặc khu do Chủ tịch Ủy ban Đặc khu quyết định và được thực hiện đến hết năm 2020.

(9) Doanh nghiệp đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Đặc khu có quyền chủ động tuyển dụng lao động theo tiêu chuẩn của mình, (Chủ doanh nghiệp, người sử dụng lao động) và người lao động được tự thỏa thuận về tiền lương và trợ cấp nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại từng thời điểm do Chính phủ quy định.

1.7. Về xuất nhập cảnh và quản lý cư trú

(1) Người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài làm việc, hoạt động đầu tư kinh doanh tại Đặc khu Vân Đồn và các thành viên gia đình của họ được cấp thị thực xuất cảnh, nhập cảnh có giá trị nhiều lần và có thời hạn phù hợp với thời hạn làm việc tại Đặc khu Vân Đồn; được tạm trú có thời hạn trong Đặc khu Vân Đồn và ở Việt Nam.

(2) Người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu đường không và đường biển tại Đặc khu Vân Đồn được miễn thị thực xuất cảnh, nhập cảnh với thời gian tạm trú không quá 60 ngày.

(3) Người nước ngoài sau khi nhập cảnh theo diện miễn thị thực qua các cửa khẩu thuộc Đặc khu Vân Đồn, nếu có nhu cầu đến địa phương khác của Việt Nam, hoặc có nhu cầu ở lại học tập, làm việc, lao động... được xét cấp thị thực nhập cảnh theo bảo lãnh của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật số 47/2014/QH13 về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

(4) Người nước ngoài sau khi nhập cảnh theo diện miễn thị thực qua các cửa khẩu thuộc Đặc khu Vân Đồn, nếu có nhu cầu đến địa phương khác để du lịch thì sẽ căn cứ theo quy định của Luật số 47/2014/QH13 và các Hiệp định

song phương, đơn phương miễn thị thực của Việt Nam với các nước trên thế giới để xét miễn thị thực hoặc cấp thị thực du lịch phù hợp, cụ thể:

- Đối với công dân các nước Asean, Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước Bắc Âu (Thụy Điển, Na Uy,...): Được xét miễn thị thực theo thời hạn quy định tại các Hiệp định song phương của Việt Nam ký kết với nước ngoài và Quy chế miễn thị thực đơn phương của Việt Nam đối với người nước ngoài (kể từ ngày rời khỏi Đặc khu Vân Đồn).

- Đối với người nước ngoài không thuộc diện đối tượng được miễn thị thực khi nhập cảnh vào Việt Nam: Được xét cấp thị thực ký hiệu DL theo bảo lãnh của doanh nghiệp lữ hành quốc tế có trụ sở hoặc chi nhánh tại tỉnh Quảng Ninh theo quy định của Luật số 47/2014/QH13. Thời hạn xét duyệt nhân sự, giải quyết hồ sơ đề nghị cấp thị thực cho người nước ngoài tại Đặc khu Vân Đồn do các cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh được Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại Vân Đồn giải quyết trong 01 ngày làm việc.

(5) Cho phép khách du lịch sử dụng Giấy thông hành do nước láng giềng có chung đường biên giới cấp được nhập cảnh qua cửa khẩu đường biển và đường không tại Đặc khu với thời hạn tạm trú không quá 30 ngày

(6) Trường hợp khách du lịch sử dụng Giấy thông hành do nước láng giềng có chung đường biên giới cấp nhập cảnh qua cửa khẩu đường bộ Móng Cái có nhu cầu vào Đặc khu Vân Đồn, Phòng quản lý xuất, nhập cảnh Công an tỉnh (Trạm quản lý xuất nhập cảnh Móng Cái) được cấp Giấy phép tham quan theo đề nghị của doanh nghiệp lữ hành với thời hạn không quá 30 ngày.

(7) Sau 03 năm kể từ khi thành lập Đặc khu thực hiện thí điểm phương án bỏ cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú. Công dân đến thường trú, tạm trú tại Đặc khu Vân Đồn chỉ hoàn thiện hồ sơ đăng ký thường trú, tạm trú theo quy định của Luật Cư trú và các quy định riêng của Khu. Công dân có đăng ký tạm trú tại Đặc khu Vân Đồn vẫn được cấp thẻ Căn cước công dân.

1.8. Về xuất nhập khẩu hàng hoá

(1) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ra, vào Đặc khu Vân Đồn được áp dụng thủ tục hành chính như đối với hàng hóa của doanh nghiệp ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan.

(2) Các doanh nghiệp có trụ sở chính tại Đặc khu Vân Đồn được phép đăng ký tờ khai, làm thủ tục hải quan tại cơ quan Hải quan trực tiếp quản lý Đặc khu (kể cả chuyển cửa khẩu từ cửa khẩu nhập về làm thủ tục hải quan tại Đặc khu) đối với tất cả các loại hàng hóa xuất, nhập khẩu phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong Đặc khu. Thủ tục này áp dụng cả đối với hàng hóa kể cả chuyển cửa khẩu từ cửa khẩu nhập về làm thủ tục hải quan tại Đặc khu Vân Đồn.

(3) Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện điều kiện và thủ tục đầu tư kinh doanh theo quy định đối với nhà đầu tư trong nước để thực hiện hoạt động thương mại trong phạm vi địa giới hành chính Đặc khu Vân Đồn.

(4) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trụ sở chính tại Đặc khu Vân Đồn được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối trong phạm vi địa giới hành chính Đặc khu Vân Đồn như nhà đầu tư trong nước kể cả trong ngành, phân ngành dịch vụ chưa cam kết trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

1.9. Về nhà đầu tư chiến lược

(1) Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có năng lực tài chính, quản trị, có cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch hoặc công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với đặc khu và có dự án đầu tư tại đặc khu Vân Đồn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Dự án đầu tư khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 45.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân theo đúng tiến độ cam kết, nhưng không quá 08 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phù hợp với quy hoạch đặc khu, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân trong thời hạn không quá 05 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của đặc khu, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân trong thời hạn không quá 03 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản này phù hợp với quy hoạch đặc khu, có ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội hoặc tạo ra giá trị gia tăng đột biến tại đặc khu, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân trong thời hạn không quá 03 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

(2) Nhà đầu tư chiến lược có quyền sau: (i1) Được ưu tiên khi lựa chọn thực hiện dự án đầu tư trên cùng địa bàn đặc khu trong trường hợp dự án đầu tư có từ hai nhà đầu tư trở lên quan tâm đề xuất thực hiện; trường hợp có hai nhà đầu tư chiến lược trở lên quan tâm đề xuất thực hiện thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; (i2) Được tham gia đầu tư kinh doanh, phát triển, quản lý và vận hành các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và khu chức năng trong Đặc khu Vân Đồn theo hình thức đầu tư phù hợp với quy định tại Luật đơn vị HC-KT đặc biệt; (i3) Được ưu tiên hỗ trợ thủ tục đầu tư kinh doanh và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; (i4) Được tham gia trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại Đặc khu Vân Đồn; (i5) Được tổ chức, tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch vào Đặc khu Vân Đồn. (i6) Trường hợp nhà đầu tư chiến lược thực hiện đầu tư dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino thì được tính tổng vốn đầu tư các dự án khác trên địa bàn Đặc khu Vân Đồn và các dự án kết cấu hạ tầng kết nối tới Đặc khu Vân Đồn do nhà đầu tư chiến lược thực hiện để làm căn cứ xác định khả năng đáp

ứng điều kiện về quy mô vốn, việc giải ngân vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về casino.

(3) Nhà đầu tư chiến lược có nghĩa vụ: (i1) Tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo cam kết và tiến độ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; (i2) Thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch hoặc công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với đặc khu; (i3) Hỗ trợ huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào Đặc khu Vân Đồn; (i4) Cung cấp các dịch vụ theo cam kết.

Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng các điều kiện về tiến độ giải ngân trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các điều kiện khác về nhà đầu tư chiến lược thì Chủ tịch UBND đặc khu điều chỉnh ưu đãi đầu tư, các chính sách khác đối với nhà đầu tư. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình.

1.10. Về hoạt động công nghệ cao:

(1) Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao: (i1) Tài trợ toàn bộ chi phí cho các dự án nghiên cứu công nghệ cao sau: đạt trình độ công nghệ tiên tiến trong nước, khu vực; có ý nghĩa quyết định đến việc tạo ra các sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế; tạo ra các dịch vụ công nghệ cao công ích, hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ cao trên cơ sở các kết quả nghiên cứu khoa học; hình thành tập thể nghiên cứu khoa học mạnh; hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài để nghiên cứu giải quyết các vấn đề thực tiễn có tác động quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của Đặc khu; (i2) Hỗ trợ chi phí mua thông tin, công nghệ, máy móc thiết bị, sản phẩm mẫu, phần mềm, thuê chuyên gia tư vấn, sáng chế, chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với các dự án hợp tác nghiên cứu công nghệ cao giữa các doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ; (i3) Hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và chi phí vận hành của cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao trong 5 năm đầu hoạt động.

(2) Hỗ trợ và tạo điều kiện cho ứng dụng, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao: (i1) Đầu tư, hỗ trợ đầu tư các dự án ứng dụng, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao được ưu tiên đầu tư và khuyến khích phát triển; xây dựng trung tâm tư vấn, đào tạo cho ứng dụng và phát triển công nghệ cao; (i2) Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao có nhu cầu vay vốn nước ngoài được Chính quyền Khu xem xét bảo lãnh vốn vay cho từng trường hợp cụ thể; (i3) Hỗ trợ một phần kinh phí, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong nước tham gia chợ, hội chợ, triển lãm, quảng bá sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao ở trong nước và nước ngoài; (i4) Hỗ trợ thử nghiệm kinh doanh đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao mới.

(3) Hỗ trợ và tạo điều kiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, đào tạo và sử dụng hiệu quả đội ngũ nhân lực công nghệ cao: (i1) Đầu tư, hỗ trợ đầu tư cơ sở nghiên cứu, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ

cao, hỗ trợ phát triển công nghệ cao tại khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Khu; (i2) Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới một số phòng thí nghiệm công nghệ cao đạt tiêu chuẩn quốc tế. Xem xét hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm công nghệ cao do các doanh nghiệp tự đầu tư, đặc biệt là các phòng thí nghiệm liên kết giữa doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo. Tạo điều kiện thành lập các cơ sở nghiên cứu của các công ty công nghệ cao hàng đầu thế giới; (i3) Đầu tư xây dựng một số cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Hỗ trợ tổ chức đào tạo ngắn hạn cho các lãnh đạo doanh nghiệp thuộc các ngành công nghệ cao về quản trị công nghệ, quản lý đổi mới công nghệ; đào tạo nhân lực công nghệ cao theo từng nhiệm vụ của Chương trình; tổ chức cho sinh viên nghiên cứu, thực tập tại các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ.

(4) Các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, đào tạo, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ, xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao tại Khu được: (i1) Hưởng ưu đãi cao nhất về đất đai, thuê thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật; (i2) Vay tối đa 85% vốn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và được Chương trình hỗ trợ toàn bộ lãi suất vay trong thời hạn 5 năm; (i3) Hỗ trợ chi phí nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, chuyển giao công nghệ, thử nghiệm, xây dựng phòng thí nghiệm, xây dựng trung tâm thiết kế, sản xuất thử nghiệm, mua sản phẩm mẫu, thiết bị và dây chuyền mẫu, thiết bị đo kiểm.

(5) Thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm và tạo cơ chế thu hút đầu tư mạo hiểm vào Đặc khu.

1.11. Về phát triển du lịch

(1) Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có công trực tiếp trong việc quảng bá, thu hút khách du lịch... từ nguồn Quỹ Nghiên cứu phát triển Đặc Khu do Chính quyền Đặc khu quản lý. Trong đó có quy định cho phép các cơ sở lưu trú được thu thêm 3% - 5% giá phòng; đối với dịch vụ casino đóng góp 1% doanh thu để hình thành quỹ phát triển du lịch: (i1) Từ Ngân sách Nhà nước: Trong 5 năm đầu, từ khi Đặc khu Vân Đồn đi vào hoạt động, giai đoạn này chủ yếu là xây dựng các sản phẩm, lượng khách chưa đến nhiều, vì vậy ngân sách nhà nước hỗ trợ 100%, mỗi năm từ 50 - 100 tỷ đồng. Từ năm thứ 6, ngân sách tiếp tục hỗ trợ từ 30 - 50 % tổng nhu cầu. Tỷ lệ này sẽ giảm dần vào các năm sau; (i2) Đóng góp từ tổ chức, cá nhân: Cho phép các cơ sở lưu trú được thu thêm 3% - 5% giá phòng; đối với dịch vụ casino đóng góp 1% doanh thu để hình thành quỹ phát triển du lịch.

(2) Giảm 50% phí đảm bảo hàng hải, phí trọng tải, phí neo đậu đối với phương tiện là tàu biển vận chuyển khách du lịch đến Vân Đồn hoạt động định tuyến với tần suất đảm bảo tối thiểu 04 chuyến/tháng và thời gian hoạt động liên tục trong 6 tháng.

(3) Hỗ trợ mở các tuyến bay đến - đi tại Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn: Miễn, giảm phí cất hạ cánh, chi phí sân đỗ máy bay, hỗ trợ tài chính (từ

nguồn Quỹ Nghiên cứu phát triển Đặc khu Vân Đồn) tối đa bằng 30% tổng giá vé của chuyến bay trong 06 tháng đầu tiên cho các hãng hàng không mở các đường bay mới đến Vân Đồn, nhưng tối đa không quá 03 tỷ đồng/tuyến mới mở. Mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ do Chính quyền Đặc khu quyết định.

1.12. Chính sách khác

Về công tác lập quy hoạch: Được thuê tư vấn nước ngoài lập các quy hoạch của Khu; thực hiện cơ chế tự thỏa thuận khi xem xét giá trị hợp đồng và thực hiện thanh toán với đơn vị tư vấn nước ngoài về lập các quy hoạch của Đặc khu Vân Đồn.

2. Xác định lĩnh vực ngành nghề ưu tiên phát triển

Tầm nhìn và định hướng phát triển của Vân Đồn đảm bảo yêu cầu phát triển xanh, tri thức, bền vững. Như vậy, các ngành nghề kinh tế được lựa chọn ưu tiên phát triển không chỉ mang lại lợi ích kinh tế và tăng trưởng kinh tế mà còn phải đảm bảo thân thiện với môi trường, có quy hoạch đồng bộ, có yếu tố xã hội hòa quyện, có đóng góp cụ thể của Đặc khu Vân Đồn đối với tỉnh Quảng Ninh, quốc gia và kết nối kinh tế với các vùng, miền khác.

Nghiên cứu về các đặc khu khác có tính cạnh tranh trong bán kính 5h bay, bao gồm cả 02 đơn vị HC-KT đặc biệt của Việt Nam là Bắc Vân Phong và Phú Quốc, cho thấy nếu chỉ phát triển du lịch, kể cả du lịch sinh thái, sẽ không có điểm nổi trội cạnh tranh với các đặc khu đã hình thành và phát triển rất tốt như Jeju (Hàn Quốc), Hải Nam (Trung Quốc), Mandalika (Indonesia)...

		Các lĩnh vực phát triển						Quốc gia
Các Đặc khu trên thế giới								
Jeju	Du lịch	R&D						Hàn Quốc
Tanjung Lesung	Du lịch							Indonesia
Mandalika	Du lịch							Indonesia
Hải Nam	Du lịch	Nông nghiệp						Trung Quốc
YESFEZ	Vận tải biển	R&D	Công nghệ sinh học	CNTT	Tài chính			Hàn Quốc
Thâm Quyển	Vận tải biển	Tài chính	Công nghệ sinh học	CNTT				Trung Quốc
Tokyo	Vận tải biển	Tài chính	Chăm sóc sức khỏe	CNTT				Nhật Bản
Incheon	Vận tải biển	Du lịch	Tài chính	Chăm sóc sức khỏe	CNTT	Công nghệ sinh học	R&D	Hàn Quốc
Iskandar	Vận tải biển	Du lịch	Chăm sóc sức khỏe	CNTT	Công nghệ sinh học	R&D		Malaysia
Chu Hải	Vận tải biển	Du lịch	R&D	CNTT				Trung Quốc
Các Đặc khu tại Việt Nam								
Bắc Vân Phong	Dịch vụ cảng biển	Du lịch	Thương mại - Tài chính	CNTT, Điện tử, Cơ khí chính xác				Việt Nam
Phú Quốc	Du lịch	Dịch vụ (hội nghị triển lãm, thương mại mua sắm, quản lý tài sản)	Y tế					Việt Nam

Ngược lại, cũng không thể cạnh tranh được với các đặc khu có tên tuổi, đi đầu về phát triển về dịch vụ, công nghệ cao như Singapore, Incheon (Hàn Quốc), Chu Hải và Thâm Quyển (Trung Quốc)... Việc xây dựng nền kinh tế kết

hợp 3 mũi nhọn du lịch, văn hóa, dịch vụ và công nghệ cao là tất yếu để có thể thành công, dành được lợi thế cạnh tranh và phát triển kinh tế tri thức.

Trên cơ sở phân tích tiềm năng, thế mạnh, cơ hội nổi trội của Vân Đồn nói riêng, tỉnh Quảng Ninh nói chung và so sánh với một số Đặc khu, tỉnh Quảng Ninh xác định ngành nghề trọng tâm ưu tiên phát triển ba mũi nhọn kinh tế là **Du lịch, văn hoá cao cấp; Dịch vụ hiện đại, trung tâm tài chính quốc tế và Công nghiệp công nghệ cao**. Cụ thể:

- **Du lịch, văn hóa cao cấp:** Dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino; Trung tâm giải trí có thưởng quốc tế; Du lịch sinh thái, văn hoá; khu nghỉ dưỡng cao cấp; công nghiệp văn hóa.

- **Dịch vụ hiện đại, trung tâm tài chính quốc tế:** Kinh doanh cảng hàng không và vận tải hàng không; Logistics; Dịch vụ cảng biển và trung tâm du thuyền; Dịch vụ tài chính, trung tâm tài chính quốc tế, dịch vụ thương mại.

- **Công nghiệp công nghệ cao:** Ứng dụng, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao; Sản xuất sản phẩm công nghệ cao; Sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; Chế biến dược phẩm, chế phẩm sinh học, dược liệu; Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, vật liệu quý hiếm; Công nghiệp sáng tạo.

Bên cạnh các ngành nghề trọng tâm, ưu tiên phát triển, còn có các ngành hỗ trợ bao gồm: Xây dựng đô thị thông minh Vân Đồn; Khu vực phát triển bền vững và chống biến đổi khí hậu; Dịch vụ tài chính tư vấn; Đào tạo, nghiên cứu và phát triển vườn ươm; Hệ thống y tế, giáo dục đạt chuẩn quốc tế; Mô hình thử nghiệm 4 yếu tố và doanh nghiệp đô thị. Phát triển các ngành nghề truyền thống theo hướng công nghệ cao, trang thiết bị và dịch vụ hiện đại tạo ra sản phẩm kết nối dịch vụ, du lịch.

Lộ trình phát triển các ngành nghề trọng tâm, ưu tiên phát triển được đề xuất theo 03 giai đoạn, như sau:

	Giai đoạn 2018-2022	Giai đoạn 2023-2030	Giai đoạn 2031-2050
Du lịch – Văn hóa	Du lịch, dịch vụ giải trí tổng hợp cao cấp có casino; Trung tâm giải trí có thưởng quốc tế; Triển lãm, hội thảo, hội nghị Du lịch, dịch vụ giải trí tổng hợp cao cấp có casino; Công viên văn hóa theo chủ đề Công nghiệp văn hoá	Du lịch, dịch vụ giải trí tổng hợp cao cấp có casino; Chữa bệnh, nghỉ dưỡng, thiên nhiên Bảo tồn mô phỏng thiên nhiên	Phát triển và tối ưu hóa các ngành nghề du lịch
Dịch vụ	Kinh doanh cảng hàng không và vận tải hàng không; Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; Logistics; Trung tâm mua sắm quốc tế	Phát triển cảng biển hàng hoá và hành khách quốc tế Dịch vụ cảng biển và trung tâm du thuyền;	Phát triển và tối ưu hóa các ngành nghề du lịch
Công nghệ sạch, hiện đại	Ứng dụng, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao Chế biến dược phẩm, chế phẩm sinh học, dược liệu; Công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao; Công nghệ sinh học cho sản phẩm hữu cơ, ngư nghiệp	Sản xuất sản phẩm công nghệ cao; Sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, vật liệu quý hiếm;	Phát triển cụm năng lực cạnh tranh về công nghệ cao; Công nghiệp sáng tạo. Công nghiệp xanh, năng lượng mới
Các ngành hỗ trợ	Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Đào tạo, nghiên cứu và phát triển vườn ươm Mô hình thử nghiệm 4 yếu tố	Xây dựng đô thị thông minh Vân Đồn Hệ thống y tế, giáo dục đạt chuẩn quốc tế. Dịch vụ tài chính tư vấn Vườn ươm	Khu vực phát triển bền vững và chống biến đổi khí hậu

Việc lựa chọn lĩnh vực ngành nghề trọng tâm ưu tiên phát triển trên được xác định dựa trên thực trạng, khả năng và cơ hội của Vân Đồn. Phân tích các điểm mạnh yếu cũng như cơ hội, thách thức của Vân Đồn được tổng kết tại bảng phân tích SWOT tổng quan:

<p>Điểm mạnh</p> <p>Vị trí địa kinh tế chiến lược; Điều kiện tự nhiên, tài nguyên du lịch đặc biệt; Cơ sở hạ tầng hiện đại đang đầu tư hoàn thiện (đường cao tốc, sân bay quốc tế, cảng biển); Nhiều đảo với bãi biển và thắng cảnh đẹp (núi, biển, hang động, rừng); Hệ sinh thái đa dạng: Có khu vực rừng sinh quyển khá rộng; Có truyền thống lịch sử, văn hóa đặc sắc; Vị trí trọng yếu về an ninh quốc phòng; Thương cảng quốc tế đầu tiên của Việt Nam từ thế kỷ 11; Liên kết với thị trường đông dân cư nên có khả năng cung ứng nguồn nhân lực; Cam kết đổi mới của lãnh đạo</p>	<p>S</p>	<p>W</p>	<p>Điểm yếu</p> <ul style="list-style-type: none"> Tốc độ đô thị hoá thấp Hạ tầng thiết yếu: điện và nước ngọt và kết nối giao thông yếu. Dịch vụ chất lượng thấp, chưa đa dạng và sản phẩm chưa đặc sắc Kết nối hoạt động kinh tế rời rạc Thiếu cơ sở đào tạo, trường đại học, cơ sở nghiên cứu Nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhưng giá trị gia tăng thấp Bộ máy hành chính chưa hiệu quả
<p>Cơ hội</p> <ul style="list-style-type: none"> Nằm trong chuỗi điểm du lịch thu hút khách cao (Vịnh Hạ Long, Yên Tử, Tuần Châu) Đa dạng hoá các gói dịch vụ du lịch kết hợp thể thao, ẩm thực, giải trí Phát triển năng lượng tái tạo đáp ứng nhu cầu điện có hiệu suất đầu tư cao Là một trong ba Khu HC-KT đặc biệt; Lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược Cam kết chính trị cao 	<p>O</p>	<p>T</p>	<p>Thách thức</p> <ul style="list-style-type: none"> Dân số thấp và kết nối hạ tầng chưa hoàn thiện Hạ tầng cơ sở du lịch còn thiếu Phương tiện vận chuyển chưa đáp ứng Áp dụng công nghệ chưa được phổ biến rộng rãi. Nhận thức của người dân về phát triển du lịch còn thấp Chưa có lối phát triển trung tâm đô thị Doanh nghiệp nhỏ và ít

Xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT) đối với lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên phát triển

(1) Du lịch, văn hóa cao cấp

<p>ĐIỂM MẠNH</p> <p>Nhiều cảnh quan đẹp, di tích lịch sử văn hoá đặc sắc; Nhiều đảo với bãi biển và thắng cảnh đẹp (núi, biển, hang động, rừng) Hệ sinh thái đa dạng: Có khu vực rừng sinh quyển khá rộng (rừng tự nhiên + rừng ngập mặn) Thương cảng quốc tế đầu tiên của VN từ thế kỷ 11; Thực phẩm, hải sản tươi ngon, giá trị dinh dưỡng cao Cam kết đổi mới của lãnh đạo</p>	<p>ĐIỂM YẾU</p> <p>Thiếu hạ tầng cơ sở cho các loại hình du lịch: lưu trú nhà dân, MICE, nghỉ dưỡng Thiếu hoạt động thu hút và giữ chân khách như vui chơi giải trí, giải khát, chợ địa phương, khu thể thao Thiếu nguồn nhân lực lành nghề</p>
<p>CƠ HỘI</p> <p>Nằm trong chuỗi điểm du lịch thu hút khách cao (Vịnh Hạ Long, Yên Tử, Tuần Châu); Đa dạng hoá các gói dịch vụ du lịch kết hợp thể thao, ẩm thực, giải trí Phát triển năng lượng tái tạo đáp ứng nhu cầu điện có hiệu suất đầu tư cao Là một trong ba Đơn vị HC-KT đặc biệt; Lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược Cam kết chính trị cao</p>	<p>THÁCH THỨC</p> <p>Nhận thức của người dân về phát triển du lịch còn thấp Chưa xây dựng được thương hiệu và trang web quảng bá hiệu quả. Thời gian di chuyển giữa các đảo dài, chi phí cao Thiếu phương tiện giao thông chuyên nghiệp Thiếu hệ thống dữ liệu du lịch Quản lý vệ sinh môi trường còn kém Thiếu quy hoạch phát triển du lịch tổng thể</p>

Hình: Phân tích SWOT Du lịch

Du lịch, văn hóa cao cấp được xác định là một mũi nhọn kinh tế dựa trên cơ sở phân tích lợi thế của Vân Đồn trước đó (phần hiện trạng) và bảng phân tích SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức). Việc làm tăng thời gian lưu trú và chi tiêu cho khách du lịch cao cấp tại Vân Đồn mang đến cho du khách những trải nghiệm cá nhân độc đáo, sử dụng dịch vụ du lịch cao cấp kết hợp chăm sóc sức khỏe đang và sẽ là xu hướng của nhóm du khách có thu nhập cao. Về lâu dài các hoạt động du lịch hội thảo, hội chợ triển lãm có giá trị lớn về mặt hình ảnh, giúp truyền tải thương hiệu về một đô thị hiện đại, tầm vóc quốc tế. Khu Dịch vụ du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp cao cấp có casino, trung tâm giải trí có thưởng, sân golf, tổ chức các sự kiện văn hóa, khoa học sẽ góp phần thúc đẩy và phát triển du lịch của tỉnh, vùng và quốc gia.

(2) Dịch vụ hiện đại, trung tâm tài chính quốc tế:

<p>Điểm mạnh</p> <p>Gần với Trung Quốc, có nhu cầu sử dụng hàng hoá, dịch vụ lớn; Nằm trong hệ thống cụm cảng quốc tế Hải Phòng - Quảng Ninh (Việt Nam) - Phòng Thành - Hải Nam (Trung Quốc), thuận lợi để tổ chức các tuyến vận chuyển hàng hải, tour du lịch đường biển quốc tế; Diện tích đất, mặt nước đủ lớn</p>	<p>S</p>	<p>W</p>	<p>Điểm yếu</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn nhân lực trong lĩnh vực dịch vụ hiện đại chưa thuận lợi • Lĩnh vực mới, chưa có kinh nghiệm quản lý, khai thác
<p>Cơ hội</p> <ul style="list-style-type: none"> • Gần thị trường rộng lớn và dân cư đông đúc trong bán kính 5 giờ bay • Xu hướng tiêu dùng và đi lại ngày càng cao do sự gia tăng về thu nhập đầu người trong nước và trên thế giới • Khoc học công nghệ phát triển, tạo thuận lợi phát triển các dịch vụ hiện đại 	<p>O</p>	<p>T</p>	<p>Thách thức</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sự cạnh tranh gay gắt từ các đặc khu trong khu vực và trong nước. • Kinh tế thế giới phục hồi chậm, ảnh hưởng tới khả năng mở rộng đầu tư sang các thị trường mới, trong đó có Vân Đồn

Hình: Phân tích SWOT Dịch vụ hiện đại, trung tâm tài chính quốc tế

Dịch vụ hiện đại bao gồm kinh doanh cảng hàng không, cảng biển và dịch vụ tài chính, thương mại được xác định là một trong những lĩnh vực, ngành nghề mũi nhọn dựa trên tiềm năng, lợi thế của Vân Đồn (phần thực trạng) và phân tích SWOT. Với lợi thế khác biệt về vị trí địa lý, Vân Đồn có điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông kết nối với hệ thống giao thông quốc gia và quốc tế, đặc biệt là cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, đường cao tốc Hải Phòng – Hạ Long – Vân Đồn – Móng Cái và Cảng biển tổng hợp Hòn Nét – Con Ong. Việc sử dụng các sản phẩm du lịch cao cấp, vui chơi giải trí và nghỉ dưỡng không thể tách rời các dịch vụ hiện đại nêu trên tạo thành một chuỗi giá trị gia tăng khép kín.

(3) Công nghiệp công nghệ cao:

Công nghiệp công nghệ cao dựa vào tiềm năng về năng lượng tái tạo tại Vân Đồn cùng với những cam kết đột phá và ưu tiên của tỉnh Quảng Ninh đối với phát triển công nghệ cao. Với lợi thế hiện nay, có thể thử nghiệm mô hình

năng lượng sạch, công nghệ xanh, công nghệ cao tại Vân Đồn và nhân rộng ra cả nước. Các ngành công nghệ cao như công nghệ thông tin, tự động hóa hay trí tuệ nhân tạo sẽ giúp tăng cường hình ảnh sạch, hiện đại trong lĩnh vực công nghiệp. Bên cạnh đó, Vân Đồn với thế mạnh thiên nhiên không gian, kết nối với các hoạt động du lịch bảo tồn thiên nhiên, văn hóa và các ngành nghề công nghệ cao sẽ giúp công nghiệp sáng tạo phát triển theo hướng kết nối, tương tác với văn hoá vùng, văn hoá biển, các giá trị truyền thống, du lịch, thể thao, ẩm thực, âm nhạc...

<p>ĐIỂM MẠNH</p> <p>Là đô thị mới phát triển, nhiều cơ hội lựa chọn đầu tư công nghiệp mũi nhọn; Dễ xây dựng mô hình công nghệ cao thí điểm dựa trên cấu trúc đa đảo</p> <p>Tỉnh có tiềm lực về ngân sách và chú trọng đầu tư</p> <p>Tỉnh quyết tâm phát triển công nghiệp CNC thành đòn bẩy cho cả nước</p> <p>Cảnh quan thiên nhiên đẹp, có thể phát triển công nghiệp sáng tạo, năng lượng sạch</p>	<p>ĐIỂM YẾU</p> <p>Thiếu nguồn nhân lực công nghệ chất lượng cao tại chỗ.</p> <p>Thiếu hạ tầng và cơ sở nghiên cứu</p> <p>Nguồn tài chính đầu tư hạn chế</p> <p>Chưa hình thành môi trường sống có chất lượng cao để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực sáng tạo.</p> <p>Chưa có các chính sách hỗ trợ cụ thể, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu sáng tạo</p>
<p>CƠ HỘI</p> <p>Là mũi nhọn chiến lược và động lực kinh tế của tỉnh</p> <p>Hệ thống hành chính còn mới, dễ chuẩn hoá và điện tử hoá</p> <p>Hình thành bộ máy hành chính tinh giản dựa trên công nghệ CNTT</p> <p>Thị trường CNTT, CNST, công nghệ sinh học Việt Nam rất lớn, có tiềm năng phát triển công nghiệp công nghệ cao.</p> <p>Cộng đồng sáng tạo từ các nghệ sĩ, tài năng nghệ thuật của Việt Nam rất phong phú tại nhiều nơi trong và ngoài nước</p>	<p>THÁCH THỨC</p> <p>Thiếu mạng lưới kết nối và năng lực tiếp thu chuyển giao công nghệ và cơ quan đầu mối</p> <p>Chưa có cơ hội tìm hiểu và phát triển thị trường công nghệ cao.</p> <p>Chính sách thu hút nguồn lực công nghệ cao từ bên ngoài còn hạn chế và chưa có tính tự chủ.</p> <p>Thiếu các nhà nghiên cứu đầu ngành công nghệ cao</p> <p>Nền tảng pháp luật và hệ thống các chính sách mới</p> <p>Thị trường tiêu dùng các sản phẩm sáng tạo ngay tại địa phương</p>

Hình: Phân tích SWOT Công nghiệp công nghệ cao

V. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

1. Định hướng không gian phát triển

Quy hoạch Đặc khu Vân Đồn đảm bảo không gian phát triển bền vững, tầm nhìn dài hạn, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, đô thị quốc tế, khai thác hiệu quả tài nguyên đất - địa hình - cảnh quan, môi trường sống văn minh, hiện đại. Không gian phát triển theo định hướng phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng an ninh. Định hướng quy hoạch phát triển không gian của Vân Đồn gồm 03 cụm phát triển hạt nhân:

- *Cụm đô thị sinh thái biển đảo thông minh*: Xây dựng và phát triển các khu đô thị thông minh hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, áp dụng công nghệ thông tin tạo ra hệ thống quản lý và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn tài nguyên. Các khu đô thị sẽ được tập trung phát triển tại xã Đoàn Kết - Bình Dân hình

thành khu đô thị sân bay; Khu đô thị phía Bắc đảo Cái Bàu - Bình Dân - Đài Xuyên - Vạn Yên và các khu đô thị Cái Rồng - Hạ Long - Đông Xá.

- *Cụm Du lịch - Văn hóa - Giải trí*: Phát triển du lịch, văn hóa, giải trí được xem như một thế mạnh nổi trội của Vân Đồn nhờ có điều kiện tự nhiên thuận lợi và hệ sinh thái đa dạng.

Trong cụm du lịch - văn hóa - giải trí, sẽ có 3 trung tâm du lịch được xây dựng tại (1) khu vực thị trấn Cái Rồng, xã Đông Xá, Hạ Long, Vạn Yên (thuộc đảo Cái Bàu); (2) khu vực xã đảo Quan Lạn, Minh Châu và (3) khu vực xã đảo Ngọc Vũng, Thắng Lợi, Bản Sen. Trong đó trung tâm du lịch tại 4 xã thuộc đảo Cái Bàu hiện đóng vai trò trung tâm huyện đảo hiện nay sẽ tập trung phát triển du lịch phức hợp, thương mại, dịch vụ, giải trí, casino. Hai trung tâm du lịch Quan Lạn- Minh Châu và Ngọc Vũng- Thắng Lợi - Bản Sen sẽ là trung tâm du lịch cho các đảo với các loại hình du lịch độc đáo gắn với môi trường, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch tham quan di tích lịch sử.

- *Cụm Khoa học - Công nghệ*: Phát triển khoa học công nghệ sạch, công nghệ cao dựa trên nền tảng kinh tế tri thức và giữ gìn môi trường sinh thái là một trong những mũi nhọn kinh tế chính trong sự phát triển của Vân Đồn.

Cụm Khoa học - Công nghệ sẽ được xây dựng tại đảo Cái Bàu trên khu vực 3 xã Bình Dân, Đoàn Kết và Đài Xuyên, nơi có khả năng kết nối nhanh với các trung tâm chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ lớn của vùng và khu vực qua Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn được dự kiến đưa vào sử dụng trong năm 2018 tại khu vực xã Đoàn Kết; cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái hoàn thành đồng bộ trước 2020. Ngoài ra, việc kết nối thuận tiện với cảng biển phía Đông Bắc đảo Cái Bàu cũng tạo điều kiện cho việc vận chuyển hàng hóa đáp ứng sự phát triển của cụm Khoa học - Công nghệ.

2. Các phân khu chức năng:

(1). *Cái Rồng - Đông Xá - Hạ Long - Vạn Yên*: Khu đô thị trung tâm; Khu vực phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp có casino; Trung tâm nghiên cứu, triển lãm về môi trường thiên nhiên; Triển lãm, hội thảo, hội chợ; Du lịch giải trí, mua sắm; Thương mại, dịch vụ; Tài chính - ngân hàng; Địa danh lịch sử; Hạ tầng xã hội về văn hóa (sân khấu trong nhà/ ngoài trời, bảo tàng, tổ hợp nghiên cứu sáng tạo, thư viện, nhà hát, trung tâm thể thao); Không gian công cộng.

(2). *Quan Lạn - Minh Châu*: Du lịch biển đảo chất lượng cao; Du lịch khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, khám phá, học tập; Trung tâm nghiên cứu địa lý đặc thù; Du lịch gắn với địa danh lịch sử - khảo cổ; Thương mại, dịch vụ; Không gian công cộng.

(3). *Ngọc Vũng - Thắng Lợi - Bản Sen*: Du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp; Du lịch khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, khám phá, học tập, nghỉ dưỡng, thiên; Du lịch gắn với địa danh lịch sử - khảo cổ; Không gian công cộng.

(4). *Bình Dân - Đoàn Kết - Đài Xuyên*: Cảng hàng không; Khu công nghiệp sạch, công nghệ cao; Khu thí nghiệm - sản xuất; Khu trường đại học; Khu ở cho nhà nghiên cứu, sinh viên, người lao động; Tài chính - ngân hàng;

Thương mại, dịch vụ, y tế; Cảng biển quân sự, cảng biển nước sâu; Không gian công cộng.

Ngoài các phân khu chức năng đề cập ở trên, hiện nay tỉnh Quảng Ninh đang triển khai lập Quy hoạch tổng thể Đặc khu Vân Đồn, theo đó các đơn vị tư vấn quốc tế đang đề xuất hình thành 05 vành đai thuộc khu phát triển tổng thể của Đặc khu Vân Đồn (bao gồm: vành đai hậu cần và sản xuất hiện đại, vành đai công nghiệp sáng tạo công nghệ cao, vành đai đô thị và du lịch, vành đai cảnh quan thiên nhiên). Nội dung này sẽ được tỉnh Quảng Ninh cập nhật, bổ sung vào Đề án sau khi Quy hoạch tổng thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

KHUNG PHÁT TRIỂN TỔNG THỂ

ARCADIS Design Consultancy for natural and built assets CALLISON|TKL A DESIGN CONSULTANCY OF ARCADIS

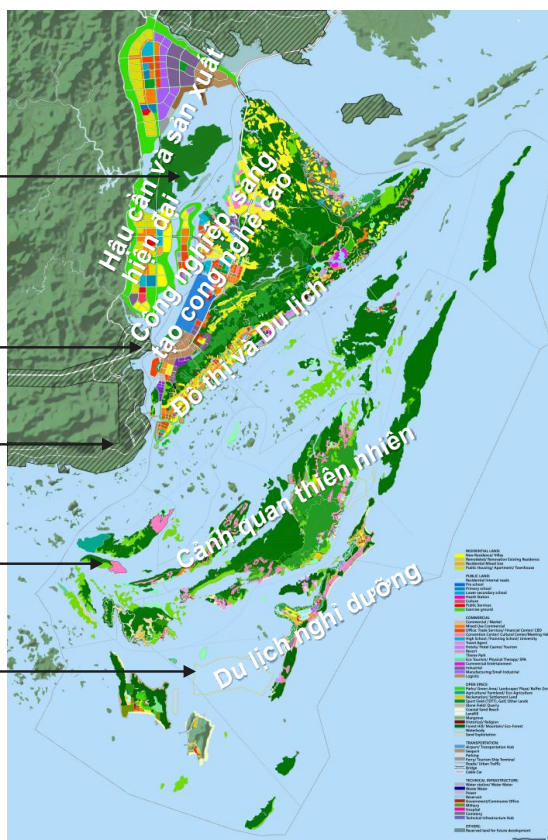
VÀNH ĐAI HẬU CẦN VÀ SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI

VÀNH ĐAI CÔNG NGHIỆP SÁNG TẠO CÔNG NGHỆ CAO

VÀNH ĐAI ĐÔ THỊ & DU LỊCH

VÀNH ĐAI CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN

VÀNH ĐAI DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG



Van Don Special Administrative Economic Zone Master Plan

5

3. Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng:

3.1. *Giai đoạn đến năm 2018:* (1) Hoàn thiện thủ tục pháp lý dự án Khu dịch vụ du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino, dự án Khu dịch vụ du lịch phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp tại đảo Ngọc Vũng; thu hút đầu tư, triển khai đầu tư các dự án động lực khác. (2) Triển khai đầu tư một số công trình hạ tầng trọng điểm và cải cách thủ tục hành chính. (3) Hoàn thành các công trình hạ tầng giao thông: Cảng hàng không quốc tế Quảng Ninh (giai đoạn 1), tuyến đường giao thông trục chính nối từ cảng hàng không Quảng Ninh đến Khu du lịch phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn, hoàn thành đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn đoạn từ Cẩm Hải (Cẩm Phả) đến Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn; (4) Khởi công xây dựng đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái (bao gồm cả cầu Vân Tiên) theo hình thức BOT; nâng cấp và hoàn thiện hệ thống

điện lưới quốc gia (đã được đầu tư trong giai đoạn trước) theo định hướng phát triển của Khu; dự án khu tái định cư xã Bình Dân, Đoàn Kết; triển khai đầu tư các dự án về xử lý nước thải, rác thải, bảo vệ môi trường,...

3.2. *Giai đoạn từ 2018-2022*: Tập trung đầu tư các dự án cụ thể như sau:

- Đường bộ: (1) Tập trung đầu tư đường bộ cao tốc qua địa bàn huyện Vân Đồn (Tuyến số 01); (2) Đầu tư hoàn chỉnh Tuyến đường từ Cảng hàng không Quảng Ninh đến Khu phức hợp (Tuyến số 02); (3) Đầu tư mới tuyến nối từ cuối cầu Vân Đồn 3 đi theo phía bờ sông Voi Lớn để kết nối ngay với nút Bình Dân (Tuyến số 03); (4) Đầu tư hoàn chỉnh Tuyến đường trục chính trung tâm khu đô thị Cái Rồng (Tuyến số 04); (5) Đầu tư Tuyến đường nối từ Đường tỉnh 334 đến Đường ra Khu công viên phức hợp (Tuyến số 05); (6) Đầu tư cải tạo, mở rộng đường tỉnh 334 đoạn từ sân golf Ao Tiên đến nút giao giữa đường 334 với đường vào công viên phức hợp Khu kinh tế Vân Đồn (tuyến số 08).

- Đường thủy: (1) Đầu tư xây dựng hoàn thiện Cảng Cái Rồng; (2) Đầu tư xây dựng cảng biển tổng hợp nước sâu Hòn Nét - Con Ong; (3) Đầu tư xây dựng các bến khách Cồn Trụi, Đông Hồ, Bản Sen, Thắng Lợi, Ngọc Vũng; (4) Nạo vét luồng đường thủy nội địa quốc gia Tài Xá - Mũi Chùa; (5) Đầu tư các cảng, bến du thuyền của các dự án Khu du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng, như: Khu đô thị Ao Tiên, Khu phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn, Khu tổ hợp nghỉ dưỡng Sonasea Dragon Bay, Khu cảng của dự án Con đường di sản,...(Do các nhà đầu tư khu du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng thực hiện đầu tư).

- Hình thành các khu đô thị biển (Cái Rồng, Hạ Long,...); xây dựng bệnh viện, khu công viên khoa học và hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng và đưa vào hoạt động của Trung tâm thông tin, truyền thông quốc tế. Đặc khu Vân Đồn cơ bản hình thành trung tâm du lịch giải trí cao cấp có casino đẳng cấp quốc tế; trung tâm dịch vụ tổng hợp, khởi nghiệp và sáng tạo.

- Đầu tư hoàn thiện hạ tầng đồng bộ Khu thương mại tự do, Khu phi thuế quan, KCN sạch - KCX theo mô hình “4 trong 1” (KCN - khu đô thị - khu dịch vụ - khu nghiên cứu khoa học, vườn ươm công nghệ, trung tâm sáng tạo) và tiến hành thu hút các dự án thứ cấp.

3.3. *Giai đoạn từ 2023-2030*: Triển khai đầu tư xây dựng tuyến đường sắt cao tốc kết nối Móng Cái - Vân Đồn; Xây dựng Đặc khu Vân Đồn trở thành thành phố biển quốc tế đạt tiêu chuẩn đô thị thông minh (smart city); trung tâm công nghiệp giải trí, du lịch biển, đảo sinh thái - nghỉ dưỡng chất lượng cao, dịch vụ vui chơi giải trí cao cấp và cửa ngõ giao thương quốc tế; khu vực phát triển năng động, hiện đại, tạo sức lan tỏa và động lực phát triển cho Quảng Ninh, khu vực và cả nước. Triển khai xây dựng và phát triển thương hiệu Đại học quốc tế Hạ Long,...

PHẦN THỨ TƯ

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, HIỆU QUẢ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối với Nhà nước

1.1. Về kinh tế

Vân Đồn trở thành khu vực phát triển năng động, hiện đại, tạo hiệu ứng lan tỏa cho các vùng, miền trong cả nước: Hình thành một vùng động lực thu hút đầu tư, tri thức và kinh nghiệm quản lý tiên tiến trong và ngoài nước, cải thiện 12 trụ cột của năng lực cạnh tranh quốc gia theo tiêu chí quốc tế. Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; trở thành thành phố biển quốc tế đạt tiêu chuẩn đô thị thông minh bền vững; Góp phần trực tiếp thúc đẩy phát triển và tái cơ cấu kinh tế cho tỉnh Quảng Ninh và lan tỏa ra các vùng, miền trong cả nước.

a) Hiệu quả tài chính:

- Trường hợp không thành lập Đặc khu Vân Đồn: Với giả định tốc độ tăng thu bình quân khoảng 17,6% thì ước tính đến năm 2030 tổng thu trên địa bàn Vân Đồn đạt: 1.667 tỷ đồng. Tổng cả giai đoạn 2018 - 2030 ước thu ngân sách đạt 10.077 tỷ đồng.

- Trường hợp thành lập Đặc khu Vân Đồn: Đến năm 2030, số thu ngân sách trên địa bàn Đặc khu Vân Đồn ước đạt 7.892 tỷ đồng, tăng 73,7 lần so với năm 2016 (trong đó thu ngân sách trừ tiền sử dụng đất 6.704 tỷ đồng, tăng 82,7 lần so với năm 2016). Tổng thu ngân sách giai đoạn 2018-2030 đạt 53.282 tỷ đồng, gấp 5,3 lần so với số thu khi không thành lập Đặc khu, Đặc khu Vân Đồn sẽ tự cân đối được chi thường xuyên và chi đầu tư và có đóng góp cho ngân sách tỉnh, ngân sách trung ương, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho các địa bàn khác. Đến năm 2030, cơ bản hoàn trả toàn bộ số ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, ngân sách tỉnh bổ sung cân đối cho Vân Đồn theo Đề án. Trong đó:

✓ Đến năm 2022, tổng số thu ngân sách trên địa bàn Đặc khu Vân Đồn ước đạt 1.602 tỷ đồng, tăng 15 lần so với năm 2016, trong đó thu ngân sách trừ tiền sử dụng đất 1.152 tỷ đồng, tăng 17,1 lần so với năm 2016, Đặc khu Vân Đồn tự cân đối được chi thường xuyên và có nguồn bổ sung vốn đầu tư.

✓ Đến năm 2028: Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 6.774 tỷ đồng, tổng giai đoạn 2018-2028 ước đạt 37.053 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách trừ tiền sử dụng đất 26.960 tỷ đồng; Tổng chi ngân sách giai đoạn 2018-2028 dự kiến: 20.500 tỷ đồng (chi thường xuyên 12.100 tỷ đồng, chi đầu tư 8.400 tỷ đồng), ngoài việc tự cân đối được chi thường xuyên và chi đầu tư, ngân sách Đặc khu Vân Đồn còn có kết dư khoảng 16.553 tỷ đồng, có đóng góp (điều tiết) cho ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương, cơ bản đã hoàn được vốn do ngân sách các cấp đầu tư cho Đặc khu Vân Đồn (17.500 tỷ đồng, trong đó: Trung ương hỗ trợ 10.000 tỷ đồng, tỉnh cân đối bổ sung 7.500 tỷ đồng).

Hiệu quả tài chính cụ thể:

- Tổng thu ngân sách giai đoạn 2018-2030: 53.282 đồng;

- Tổng vốn đầu tư từ ngân sách (tăng thêm) cho Đặc khu Vân Đồn giai đoạn 2018-2030: 39.522 tỷ đồng (chi đầu tư đầu tư phát triển nguồn ngân sách: 26.400 tỷ đồng; Chi thường xuyên tăng 6.138 tỷ đồng; Chính sách ưu đãi thuế 6.984 tỷ đồng; Chính sách ưu đãi miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước giai đoạn 2018-2030: 0 đồng).

Chênh lệch (Thu-chi): 13.760 tỷ đồng.

Bảng hiệu quả tài chính của Nhà nước tại Đặc khu Vân Đồn:

CHỈ TIÊU	Tổng giai đoạn 2018- 2030	Giai đoạn	
		2018 - 2022	2023- 2030
A. Thu ngân sách (tỷ đồng)	53.282	4.010	49.272
Trong đó:			
- Thuế, phí, lệ phí	40.109	2.728	37.381
- Tiền đất	13.173	1.282	11.891
B. Chi ngân sách	39.522	21.173	18.349
Trong đó:			
- Chi phí GPMB, hạ tầng đô thị			
- Chi phí xây dựng hạ tầng động	26.400	18.000	8.400
- Chi thường xuyên (tăng thêm)	6.138	1.716	4.831
- Ưu đãi thuế, ưu đãi tiền thuê đất	6.984	1.457	5.527
+ Tiền thuê đất		0	0
+ Thuế XNK	420	0	420
+ Thuế TNCN	4	1	3
+ Thuế TTĐB	5.257	1.143	4.114
+ Thuế TNDN	1.303	313	990
+ Thuế VAT			
Chênh lệch (Thu - Chi)	13.760	-17.164	30.923

b) Đóng góp về các chỉ tiêu tăng trưởng

Các số liệu đánh giá hiệu quả kinh tế của Đề án được xây dựng trên cơ sở phân tích thực trạng của Vân Đồn, sự phát huy hiệu quả của nguồn lực đầu tư trọng tâm, trọng điểm và các giải pháp, cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy tốc độ đóng góp, tăng trưởng của các lĩnh vực,... Trên cơ sở thảo luận, đánh giá, phân tích độc lập giữa (Tổ công tác của tỉnh Quảng Ninh, Công ty Tư vấn Pricewaterhouse Coopers (PwC), Hiệp hội các nhà khoa học Việt Nam tại Pháp

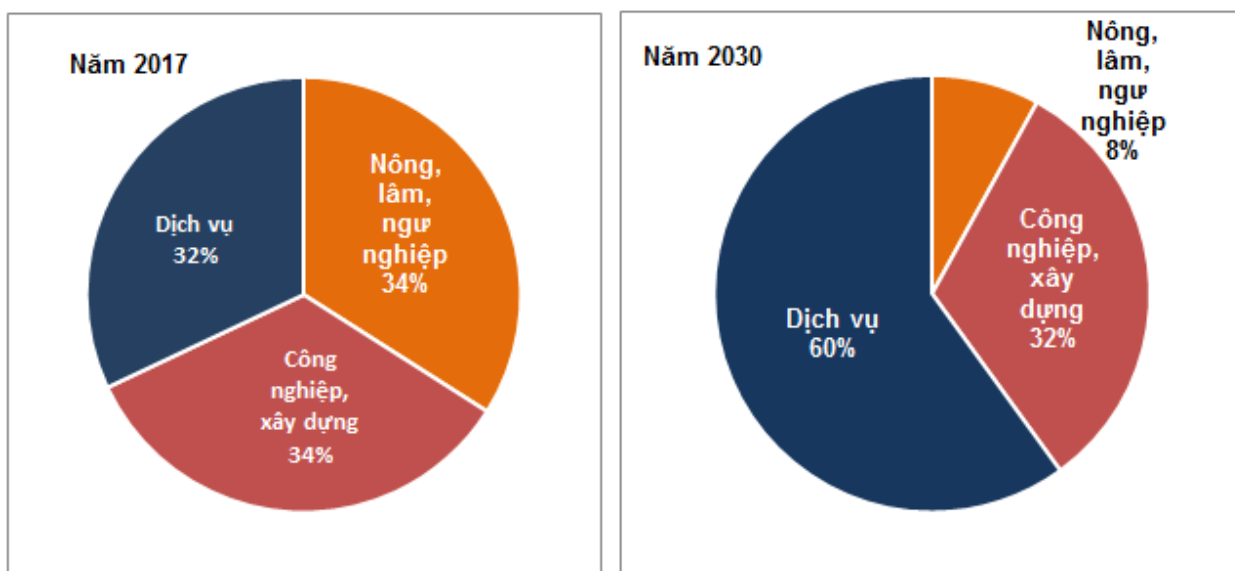
(AVSE), Công ty tư vấn BCG), sau khi tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng đến Đặc khu Vân Đồn được thành lập với cơ chế chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội, dự kiến Đặc khu Vân Đồn sẽ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng các ngành dịch vụ, du lịch, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cụ thể:

(i) Với tốc độ tăng trưởng bình quân dự báo khoảng 28,12% trong giai đoạn 2018-2030 GRDP đạt 5,8 tỷ USD. Đóng góp của Vân Đồn vào tỉnh Quảng Ninh năm 2030 dự tính tăng từ 1,87% (năm 2017) lên 22,4% (năm 2030); nâng mức đóng góp vào GDP cả nước từ 0,05% (năm 2017) lên 1,12% (năm 2030).

(ii) Mức GRDP bình quân đầu người tăng từ 2.650 USD (năm 2017) lên 21.300 USD vào năm 2030.

(iii) Tổng thu ngân sách giai đoạn 2018-2030 đạt 53.862 tỷ đồng, gấp 10 lần so với số thu khi không thành lập Đặc khu (ước tính là 5.536 tỷ đồng nếu Vân Đồn phát triển như hiện tại).

Thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu ngành nghề của Vân Đồn theo hướng bền vững, hiện đại: Năm 2017 cơ cấu Nông, lâm, ngư nghiệp 34% - Công nghiệp, xây dựng 34% - Dịch vụ 32%; đến năm 2030 cơ cấu tương ứng sẽ là: 8% - 32% - 60%.



c) Thu hút đầu tư nước ngoài, công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến và các công trình hạ tầng đồng bộ:

- Căn cứ vào danh mục các công trình, dự án ưu tiên đầu tư và các dự án mà các nhà đầu tư nước ngoài đang quan tâm, cũng như yêu cầu, điều kiện thực tế, mức độ khả thi trong kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài; đồng thời trên cơ sở thể chế đủ mạnh, cơ chế chính sách ưu đãi cạnh tranh toàn cầu ở mức cao nhất, sự hỗ trợ ban đầu của Nhà nước cho đầu tư hệ thống hạ tầng. Đề án đã xây dựng phương án phát triển dự kiến tổng nguồn vốn huy động đầu tư cho Vân Đồn đến năm 2030 đạt khoảng 270 ngàn tỷ đồng (tương đương 12 tỷ USD, trong đó vốn ngoài ngân sách chiếm (chiếm 90,2%). Với nguồn vốn đó, Vân Đồn có điều kiện để phát triển hệ thống hạ tầng đồng bộ;

- Tiếp thu công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến trên thế giới, thúc đẩy liên kết và phát triển vùng, từ đó tạo hiệu ứng lan tỏa phát triển kinh tế cho vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước.

d) Góp phần nâng cao giá trị gia tăng của ngành du lịch Việt Nam và các ngành kinh tế mũi nhọn khác của Vân Đồn

- Tạo ra chuỗi các sản phẩm dịch vụ cao cấp (tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, du lịch, vui chơi giải trí,...). Góp phần tăng lượng khách du lịch quốc tế đến Quảng Ninh từ 4,3 triệu lượt khách (năm 2017) lên 7 triệu lượt khách vào năm 2020 và 10 triệu lượt khách vào năm 2030. Trong đó, dự kiến đến năm 2020 Vân Đồn sẽ thu hút được 1,6 triệu lượt khách quốc tế, chiếm 40% lượng khách quốc tế đến Quảng Ninh; tổng thu từ khách du lịch đạt 12.600 tỷ đồng (tương đương khoảng 0,57 tỷ USD); đến năm 2030 Vân Đồn sẽ thu hút được 4,1 triệu lượt khách quốc tế, chiếm 41% lượng khách quốc tế đến Quảng Ninh và chiếm 23% lượng khách quốc tế đến Việt Nam; tổng thu từ khách du lịch đạt 56.000 tỷ đồng (tương đương khoảng 2,55 tỷ USD). Với định hướng phát triển của Vân Đồn và mục tiêu lĩnh vực dịch vụ chiếm khoảng 60% GRDP của Vân Đồn vào 2030, trên cơ sở dự báo lượng khách tiềm năng và doanh thu, du lịch sẽ đóng góp từ 25-30% GRDP của Vân Đồn đến 2030.

- Về công nghiệp xanh, sạch, Vân Đồn sẽ trở thành trung tâm phát triển công nghiệp sạch công nghệ cao của tỉnh và của cả vùng đồng bằng Sông Hồng, nhờ vào những chính sách ưu đãi và hoạt động xúc tiến đầu tư hợp lý. Việc này sẽ giúp nâng cao chất lượng các sản phẩm và kỹ thuật trong ngành.

- Về nông lâm ngư nghiệp, đặc khu sẽ giúp áp dụng công nghệ cao trong việc phát triển các kỹ thuật nuôi trồng mới trong nuôi trồng, chế biến thủy hải sản, tạo động lực cho sự phát triển của ngành này trong cả nước

Ngoài ra, đặc khu sẽ tạo ra chuỗi các sản phẩm dịch vụ cao cấp (tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, du lịch, vui chơi giải trí cao cấp, khiến Vân Đồn trở thành hình mẫu của một đặc khu hiện đại và thân thiện môi trường.

e) Tạo tác động lan tỏa, là đòn bẩy cho nền kinh tế của tỉnh Quảng Ninh, mở rộng liên kết vùng ĐBSH và từng bước trở thành trung tâm phát triển công nghệ cao của khu vực:

- Liên kết phát triển cơ sở hạ tầng giao thông để Vân Đồn cùng với các tỉnh trong vùng ĐBSH tăng khả năng kết nối nhanh nhất với trong nước và quốc tế;

- Vân Đồn trở thành trung tâm của vùng và miền Bắc trong chuỗi sản phẩm du lịch và công nghiệp giải trí;

- Vân Đồn sẽ trở thành trung tâm cung cấp và tiêu thụ các sản phẩm dịch vụ thương mại cao cấp và hiện đại của vùng ĐBSH;

- Vân Đồn đóng vai trò mũi nhọn trong phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, công nghệ thông tin,... của vùng ĐBSH;

- Vân Đồn trở thành mắt xích quan trọng trong liên kết vùng để bảo vệ môi trường sinh thái; liên kết trong bảo đảm vững chắc QPAN và phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, nhất là trên tuyến biển - đảo.

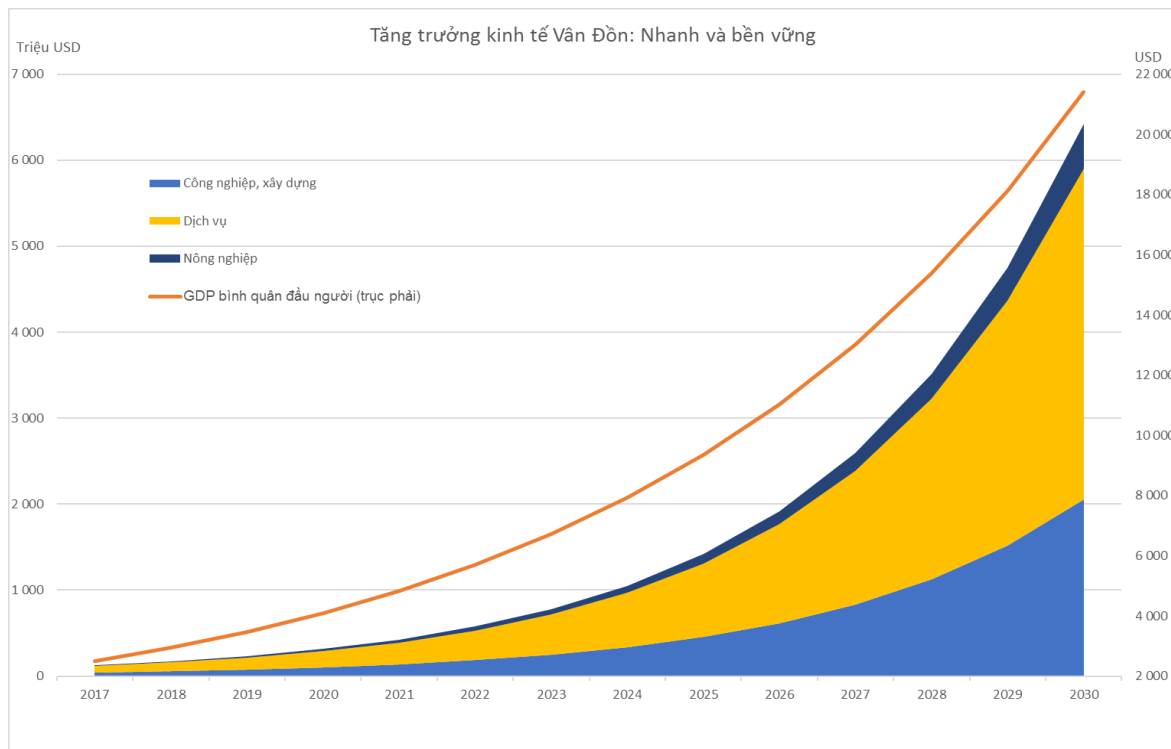
g) Thúc đẩy sản xuất trong nước và xuất khẩu tại chỗ:

Thông qua việc nhà đầu tư sử dụng nguyên vật liệu đầu vào trong nước để thu ngoại tệ (đầu tư hạ tầng, thủy sản, nông sản, các sản phẩm phục vụ du lịch, khai thác cảnh quan văn hóa, lịch sử truyền thống...) đây là hình thức xuất khẩu tại chỗ. Do yêu cầu phát triển, nhu cầu đầu tư và tiêu dùng tăng lên, sẽ thúc đẩy mở rộng sản xuất, tiếp tục tạo ra sản phẩm, việc làm mới và thu nhập tăng lên.

1.2. Về môi trường

Xác định môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên của Vân Đồn là “tư liệu sản xuất đặc biệt” cùng với công tác tuyên truyền, yêu cầu phải quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên này sẽ góp phần nâng cao hơn nữa nhận thức và trách nhiệm của chính quyền, doanh nghiệp và người dân đối với môi trường.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về chuyển đổi phương thức phát triển từ "nâu" sang "xanh", định hướng phát triển ngành nghề là du lịch biển đảo cao cấp, công nghiệp giải trí làm trụ cột và áp dụng tiêu chí kỹ thuật về môi trường nên các dự án đầu tư vào Vân Đồn sẽ góp phần bảo vệ môi trường, phát huy hơn nữa các giá trị ngoại hạng toàn cầu của Di sản - kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long và giá trị khác biệt của vịnh Bái Tử Long.



Các dự án phát triển rừng cảnh quan, rừng phòng hộ phục vụ du lịch và công nghiệp giải trí sẽ nâng tỷ lệ che phủ rừng từ 53,8% (2016) lên 65% (2030), đồng thời góp phần cải thiện môi trường sinh thái và đảm bảo cung cấp nguồn nước ngọt phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của Đặc khu.

1.3. Về chính trị

- Khẳng định quyết tâm đổi mới, cải cách, mở cửa của Đảng và Nhà nước ta, thúc đẩy kinh tế phát triển góp phần ổn định chính trị và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế

- Xây dựng mô hình Đặc khu Vân Đồn có thể chế kinh tế thị trường, cơ chế chính sách cạnh tranh toàn cầu, nền hành chính hiện đại, tinh gọn, hiệu quả, môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng, giảm tối đa sự can thiệp của Nhà nước vào thị trường nhằm thu hút nguồn lực bên ngoài để khai thác, phát huy tối đa nguồn lực bên trong khẳng định quyết tâm đổi mới, cải cách, mở cửa, hội nhập của Đảng và Nhà nước ta, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Kinh tế phát triển góp phần cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, **tạo ổn định chính trị**; đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước về con đường đã lựa chọn, về chế độ XHCN, về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Chính trị ổn định sẽ góp phần quan trọng trong thu hút đầu tư nước ngoài và ngược lại thu hút hiệu quả đầu tư nước ngoài sẽ góp phần giữ vững ổn định chính trị phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

- Góp phần tổ chức thực hiện ba đột phá chiến lược gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển từ phát triển theo bề "rộng" sang phát triển theo chiều "sâu", phát triển bền vững và chuyển đổi phương thức phát triển từ "nâu" sang "xanh".

- Đề án có giá trị **tổng kết thực tiễn**, góp phần **bổ sung lý luận** (kết hợp nhuần nhuyễn giữa đổi mới kinh tế đi đôi với cải cách hành chính là hai mặt song song của một quá trình), **hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường; kinh nghiệm quản trị quốc gia**.

- Góp phần đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ TW đến cơ sở

- Mô hình Đặc khu Vân Đồn cải cách đồng bộ, toàn diện cả về thể chế, cơ chế chính sách, nền hành chính, quản lý điều hành; nhưng vẫn giữ vai trò lãnh đạo của Đảng vì vậy đòi hỏi Đảng phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực và sức chiến đấu.

1.4. Về quốc phòng - an ninh và đối ngoại

a) Về quốc phòng - an ninh:

Sự phát triển của đặc khu là động lực thúc đẩy kinh tế của khu vực và cả nước; thực hiện thành công đặc khu kinh tế là khẳng định đường lối phát triển đúng đắn của Đảng; sự phát triển kinh tế tạo sự ổn định xã hội, tạo niềm tin vào Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị trong nước.

Đặc khu kinh tế gắn với xuất nhập khẩu hàng hóa sẽ tăng cường, thúc đẩy giao lưu giữa các quốc gia; nâng cao vị thế quốc gia; tạo đan xen lợi ích, từ đó nâng cao vị thế quốc gia, góp phần ổn định chính trị và quốc phòng an ninh.

- Kinh tế phát triển sẽ góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng QPAN, đảm bảo yêu cầu tác chiến khi cần thiết (có những công trình lưỡng dụng: Sân bay, bến cảng, đường giao thông, đội tàu đánh cá xa bờ...) phục vụ cả quốc phòng và kinh tế;

- Việc quy hoạch, xây dựng, bố trí, tổ chức lại các phân khu chức năng của Đặc khu Vân Đồn đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với quốc phòng an ninh, tạo điều kiện sắp xếp, bố trí lại thể trận, lực lượng, góp phần bảo đảm giữ vững quốc phòng an ninh trên địa bàn Đặc khu;

b) Về đối ngoại

- Cụ thể hóa chủ trương, đường lối chính sách đối ngoại, các cam kết quốc tế của Đảng và Nhà nước ta, nhất là việc thực hiện ba trụ cột ngoại giao (kinh tế, chính trị và văn hóa) thông qua việc xây dựng quan hệ hợp tác về kinh tế, văn hóa, quan hệ hữu nghị với các tổ chức nhà nước, các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư,... trên thế giới.

- Thúc đẩy, mở rộng hợp tác quốc tế của Việt Nam thông qua việc hợp tác kinh tế với các quốc gia trên thế giới, chứng minh đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa của Việt Nam.

- Góp phần quảng bá hình ảnh về đất nước, con người, truyền thống văn hóa lịch sử và những nét ưu việt của chế độ ta trên trường quốc tế thông qua việc hợp tác, đầu tư, nghiên cứu, tìm hiểu, tham quan du lịch,... của các tổ chức nhà nước, chính trị, xã hội, các nhà đầu tư, doanh nghiệp, du khách và người lao động đến Vân Đồn.

1.5. Về chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia được tăng cường và giữ vững

Việc thực hiện Đề án không làm ảnh hưởng tới quyền tự quyết về chế độ chính trị, đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước; quyền làm chủ đất nước trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh, quốc phòng, đối ngoại; quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp được đảm bảo. Quyền chủ quyền đối với mọi loại tài nguyên thiên nhiên trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, cũng như đối với những hoạt động thăm dò, khai thác vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam vì mục đích kinh tế không bị ảnh hưởng.

2. Đối với nhà đầu tư

Được hưởng lợi trực tiếp từ chính sách ưu đãi: nhà đầu tư sẽ được hưởng lợi trực tiếp từ thể chế hành chính hiện đại, chính sách ưu đãi về tiền thuê đất, miễn, giảm thuế và các ưu đãi về vốn và đầu tư.

Quảng bá hình ảnh và thương hiệu trong môi trường cạnh tranh: nhà đầu tư hoạt động trong một môi trường quốc tế chuyên nghiệp tại Đặc khu sẽ nâng cao vị thế và thương hiệu của mình. Môi trường cạnh tranh trong đặc khu sẽ giúp nhà đầu tư tự hoàn thiện mình để tồn tại, vừa học hỏi được những kỹ năng làm việc, cũng như các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến của các nhà đầu tư khác.

3. Đối với người dân

- Trước hết xác định khi thành lập Đặc khu Vân Đồn: Tất cả các hoạt động liên quan đến đời sống hàng ngày của người dân như việc giải quyết các thủ tục

hành chính về khai sinh khai tịch, kết hôn, chứng thực,... đều được ủy quyền, phân cấp cho Khu hành chính, hơn nữa khi Đặc khu thành lập, hoạt động thì mọi thủ tục của người dân còn được tạo điều kiện giải quyết nhanh, thuận lợi hơn.

- Đặc khu Vân Đồn thành lập sẽ có nhiều tác động, ảnh hưởng tốt đối với người dân;

- Tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và thu hẹp khoảng cách giàu nghèo;

- Giải tỏa áp lực nhu cầu việc làm và chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao của Vân Đồn và thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài; tạo nhiều việc làm mới cho tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh lân cận, với mức thu nhập cao; nâng cao kỹ năng, tay nghề của lực lượng lao động.

- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo tại Vân Đồn, tại tỉnh Quảng Ninh và khu vực; thông qua việc tạo thêm nhiều việc làm mới, nâng cao mức thu nhập cho lao động, góp phần tăng tiêu dùng, đẩy mạnh phát triển dịch vụ,...

- Nhà đầu tư sử dụng nguyên vật liệu trong nước sẽ thúc đẩy sản xuất phát triển, tiếp tục tạo ra sản phẩm, việc làm và thu nhập mới cho người dân nói chung và người dân Vân Đồn nói riêng.

- Hình thành các loại hình công việc mới: Loại hình công việc mới này có hàm lượng KHKT cao, thông qua việc phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp sáng tạo...

- Hình thành một xã hội và môi trường sống văn minh, hiện đại: điều kiện sống, vui chơi, hưởng thụ tốt nhất cho nhân dân, khách du lịch và nhà đầu tư. Góp phần làm phong phú, đa dạng văn hóa,...; thay đổi tập quán, tác phong, nề nếp làm việc..., chuyển từ nền văn hóa công nghiệp, nông nghiệp sang văn hóa dịch vụ cao cấp; đồng thời quảng bá hình ảnh, con người, văn hóa của Việt Nam.

- Được thụ hưởng các chính sách xã hội; hạ tầng xã hội đẳng cấp quốc tế: người dân được hưởng lợi từ các công trình phúc lợi xã hội công cộng, các dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao,... góp phần nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo nhân lực và tăng cường sức khỏe cộng đồng.

Tại Vân Đồn, đối với các dự án đầu tư du lịch sinh thái chất lượng cao liên quan đến việc di dời, giải phóng mặt bằng tỉnh Quảng Ninh đã và đang thực hiện theo định hướng kết nối các khu du lịch với cộng đồng dân cư hiện hữu để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến cộng đồng dân cư, đồng thời thực hiện chỉnh trang đô thị, tạo điều kiện hỗ trợ người dân chuyển đổi việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống

4. Đối với Quảng Ninh và các tỉnh, thành phố khác

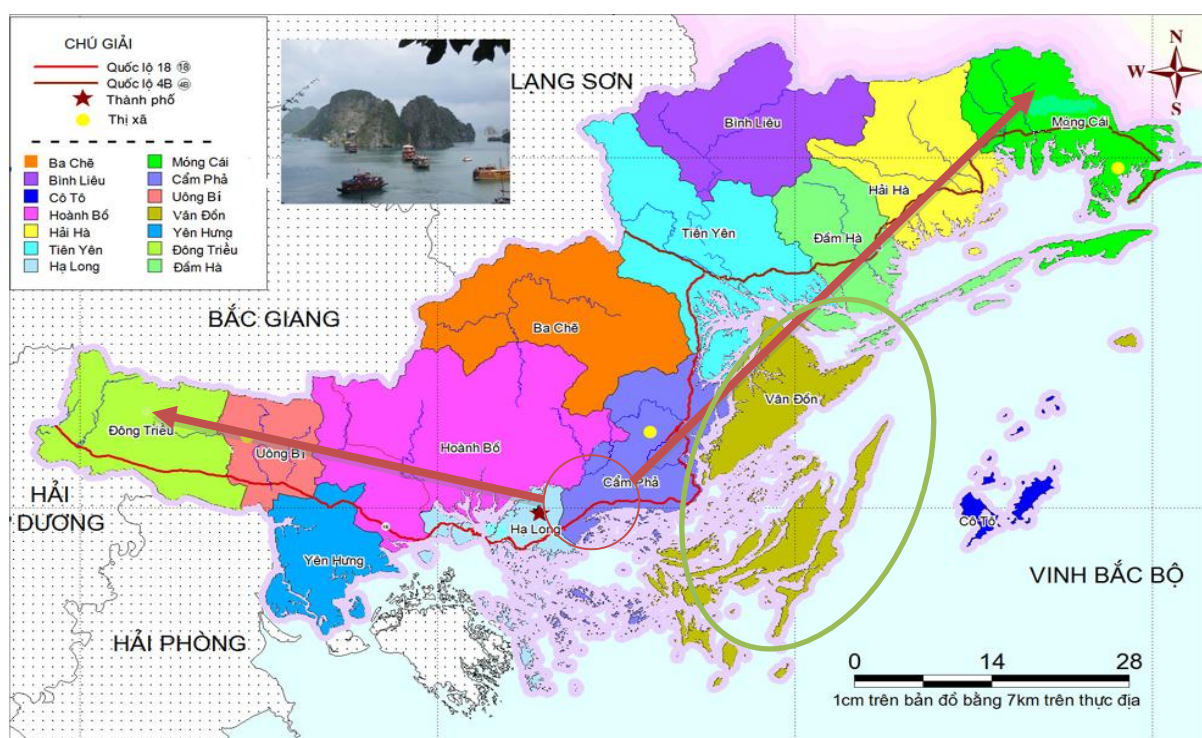
4.1. Đối với tỉnh Quảng Ninh

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013, định hướng khung phát triển của tỉnh

Quảng Ninh sẽ lấy Hạ Long là tâm, hai tuyến đa chiều là tuyến hành lang phía Tây và tuyến hành lang phía Đông, hai mũi đột phá là khu kinh tế Vân Đồn và Móng Cái.

- Việc xây dựng Đặc khu Vân Đồn đã nằm trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của Quảng Ninh tạo hình ảnh trong tương lai nhất quán cho tỉnh về du lịch xanh và công nghiệp sạch, công nghệ cao.

- Hướng xây dựng và phát triển kinh tế của đặc khu Vân Đồn sẽ chủ yếu phát triển các ngành du lịch - văn hoá cao cấp, dịch vụ hiện đại và công nghệ cao. Từ vị trí địa lý đặc biệt và hướng phát triển các ngành nghề kinh tế của Vân Đồn, dự báo về các đóng góp, lan tỏa lợi ích của việc xây dựng Đặc khu Vân Đồn đến các huyện, thị xã, thành phố khác của Quảng Ninh như sau:



Hình: Mô phỏng Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030

- Việc Vân Đồn kết hợp với thành phố Hạ Long để khai thác và tăng các gói sản phẩm và các hoạt động du lịch là điều tất yếu. Với Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long là điểm thu hút khách du lịch và phương tiện truyền thông phạm vi toàn thế giới, việc xây dựng các dịch vụ du lịch xanh, cao cấp sẽ kéo dài thời gian du lịch, nghỉ dưỡng cũng như tạo thêm các hoạt động văn hóa, xã hội cho du khách đến Hạ Long. Việc tăng thêm các hoạt động du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái - văn hoá, các hoạt động và dịch vụ du lịch liên quan đến chăm sóc sức khỏe, tâm linh, học tập, khám phá thể thao... và các dịch vụ giải trí cao cấp như casino, thuyền buồm, golf... du khách sẽ kéo dài thời gian và tăng chi tiêu cho du lịch và dịch vụ với khoảng thời gian có thể lên đến hơn 10 ngày.

- Việc nhân rộng các dịch vụ du lịch cao cấp có thể thực hiện được do địa hình và khí hậu của các huyện, thị xã, thành phố tương đồng với Vân Đồn, nhưng cần phải tìm và khai thác mỗi địa phương với một thế mạnh và loại hình du lịch riêng, hay phân nhóm khách hàng riêng. Tổng thể các hoạt động đó sẽ tạo thành chuỗi dịch vụ du lịch từ biển, đảo (Hạ Long, Cô Tô, Đầm Hà, Móng Cái), hay du lịch tâm linh, văn hóa, nghỉ dưỡng, học tập, thể thao... hay tất cả các dịch vụ, thương mại đi kèm với du lịch, cho cả khách địa phương, trong nước và quốc tế, ở tất cả 14 địa phương của Quảng Ninh.

- Việc áp dụng và phát triển công nghệ sinh học vào ứng dụng nuôi trồng thủy hải sản, nuôi trồng thực phẩm hữu cơ (dưới dạng trang trại, dưới dạng đô thị mới) và nuôi trồng thảo dược ở Vân Đồn sẽ gặp hạn chế trong việc nhân rộng quy trình và ứng dụng công nghệ để tăng giá trị và đóng góp vào GRDP như mong đợi, do quỹ đất của Vân Đồn có những hạn chế nhất định. Vì vậy, việc sử dụng các thành quả nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học vào phát triển nông lâm ngư nghiệp hoàn toàn có thể nhân rộng ra cho sản xuất và chế biến thảo dược, thực phẩm hữu cơ, ở các địa phương lân cận như: Lâm nghiệp trồng thảo dược ở các tỉnh có mật độ dân cư thưa, có thể nhân rộng diện tích trồng rừng như Ba Chẽ, Tiên Yên, Bình Liêu; Nông nghiệp hữu cơ: các địa phương phía Tây Quảng Ninh từ Đông Triều, Uông Bí, Hoàn Bò, Ba Chẽ, Quảng Yên; Ngư nghiệp (nuôi trồng quy mô lớn): Yên Hưng, Đầm Hà, Hải Hà, Móng Cái...

- Việc xây dựng cơ sở hạ tầng và từng bước xây dựng ngành công nghiệp xanh - năng lượng tái tạo ở Vân Đồn sẽ cần lực lượng lao động cũng như các vật liệu xây dựng theo tiêu chuẩn mới, vừa bảo vệ môi trường vừa có tính bền vững. Như vậy từ các nghiên cứu, phát minh cũng như những yêu cầu khoa học, sẽ cần có các địa phương vệ tinh giúp sản xuất ra các vật liệu xây dựng mới để giảm chi phí về vận chuyển hay nhập nguyên liệu xây dựng. Điều này giúp các địa phương tuyến phía Tây (Ba Chẽ, Hoàn Bò, Quảng Yên, Uông Bí, Đông Triều) với đông dân cư lao động vừa chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, vừa được đào tạo lại các quy trình sản xuất mới, vừa giảm các ngành khai thác than và hiện đại hóa các ngành cơ khí, xây dựng, vận tải...

- Công nghiệp sáng tạo cũng giúp kết nối và sử dụng tối đa nguồn lực về điều kiện tự nhiên (Hạ Long, Cẩm Phả, Quảng Yên, Đầm Hà, Móng Cái, Bình Liêu), nhân lực theo mùa cho các hoạt động hậu trường phim, các festival trình diễn văn hóa, ẩm thực, thời trang, lễ hội dân gian. Việc đào tạo chuyển hướng ngành nghề cho công nhân khai khoáng thành nhân lực phụ trợ cho các hoạt động sáng tạo là cần thiết, nhưng sẽ góp phần giúp các thành phố địa phương quanh Vân Đồn cùng phát triển với các địa phương có lực lượng lao động đông như Hoàn Bò, Yên Hưng, Uông Bí...

- Trong giai đoạn trước khi phát triển viện nghiên cứu và phát triển, vườn ươm, và đại học Quốc tế Vân Đồn sẽ cần phải kết hợp với các Đại học, trung tâm giáo dục đào tạo trên địa bàn các thành phố lân cận Vân Đồn (Đại học Công nghiệp Quảng Ninh tại Đông Triều, Đại học Hạ Long tại TP Hạ Long, Đại học Ngoại thương cơ sở Quảng Ninh tại Uông Bí; Trường Cao đẳng Nghệ Việt Hàn tại Hoàn Bò; Trường Cao đẳng nghề Giao thông cơ điện,...) để xây dựng

nguồn nhân lực, sinh viên trong giai đoạn đầu, tạo nhân tố thử nghiệm và tiền đề để xây dựng các khoa, ngành và chương trình phát triển Đại học và viện nghiên cứu.

Như vậy, việc xây dựng Đặc khu Vân Đồn không chỉ để phát triển một mũi nhọn kinh tế cho Việt Nam mà còn là động lực thúc đẩy phát triển và lan tỏa chuyển hướng về ngành nghề kinh tế, phương thức tổ chức kinh tế, xã, giáo dục, cơ sở hạ tầng và đời sống của 14 địa phương trong cả tỉnh Quảng Ninh.

4.2. Đối với các tỉnh, thành phố khác

Với tầm nhìn dài hạn cho việc xây dựng Vân Đồn thành đặc khu kinh tế tri thức, là nơi đáng sống và là động lực cho cả nước, thì việc phát triển Vân Đồn không chỉ là trách nhiệm và đặc quyền lợi của Quảng Ninh hay Chính phủ, mà cần phải dựa vào rất nhiều nguồn lực và liên kết song phương, đa phương với các vùng, miền và các thành phố khác trong cả nước.

Vân Đồn đặt mục tiêu cho phát triển kinh tế trí thức do đó sẽ sử dụng tri thức và tinh hoa nhân tài Việt ở khắp nơi để tạo ra nền kinh tế tuần hoàn, tạo tiền đề và liên kết đưa sự phát triển của nền kinh tế tri thức lan tỏa đến các địa phương khác. Như vậy Quảng Ninh, với mũi nhọn phát triển là đặc khu Vân Đồn, sẽ cần liên kết, hợp tác với các tỉnh thành trong vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế Bắc Bộ và các địa phương trong cả nước.

Tạo hình ảnh và niềm tin vào đổi mới, mở cửa thực sự về luật và chính sách, thu hút đầu tư, doanh nghiệp, du lịch và các ngành nghề khác ngược từ Vân Đồn vào các tỉnh thành khác trong khu vực Bắc bộ và cả nước.

Tạo ra các sản phẩm mới (dịch vụ mới, công nghệ mới) hướng tới xây dựng và gợi mở nhu cầu mới cho tương lai và phát triển các tiềm năng, nhân rộng ra các tỉnh thành có đặc thù tương đương phát triển.

Đánh giá sự dịch chuyển ngành nghề và sự dịch chuyển nguồn lao động (các thành phố lớn cung cấp nhân lực chất lượng cao như Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Với các mũi nhọn kinh tế đến giai đoạn sau năm 2030, Vân Đồn sẽ xây dựng một hệ thống phát triển song song hoặc sử dụng các thế mạnh của các tỉnh thành khác làm tiền đề hoặc các mắt xích trong chuỗi giá trị kinh tế, cũng như các liên kết vùng miền, hợp tác phát triển với các tỉnh thành khác, ví dụ:

Hợp tác phát triển về du lịch biển đảo với các tỉnh ven biển, nhất là bằng dịch vụ du thuyền cao cấp trên biển để khám phá vẻ đẹp biển Việt Nam. Có thể tạo ra các điểm dừng chân từ Vân Đồn đến Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu...

Hợp tác phát triển các hoạt động du lịch chữa bệnh, thiền, với các vùng thiên nhiên còn hoang sơ và gắn với yếu tố tâm linh, như Phú Thọ, Ninh Bình, Huế, Tây Ninh, Bình Phước...

Hợp tác với Hải Phòng, Hà Nội để tạo chuỗi giá trị cho dịch vụ hậu cần, đưa cụm ba cảng hàng không Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn, cảng đường biển Tiên

Phong (Hải Phòng), Lạch Huyện (Quảng Yên), Hòn Nét - Con Ong, Vạn Hoa (Vân Đồn) và các tuyến đường cao tốc thành hoạt động chuyên chở khách và hàng hóa có lưu lượng và tầm cỡ lớn trong khu vực Bắc Bộ, giúp cho việc vận chuyển khách du lịch cũng như di chuyển của nhân lực làm việc ra vào Vân Đồn và khu vực Bắc Bộ.

Phát triển các nhà máy chế biến thủy sản hay thảo dược ở các tỉnh, thành phố lân cận (giảm chi phí vận chuyển và bảo quản), hình thành các khu chế xuất để đưa nông lâm ngư sản từ Vân Đồn thành sản phẩm chất lượng cao của Việt Nam xuất khẩu ra thế giới.

Hợp tác với các địa phương lân cận và các vùng trong cả nước trong lĩnh vực: Tạo việc làm và cung cấp dịch vụ đào tạo nhân lực cho lao động; cung cấp dịch vụ cảng biển cho các tỉnh lân cận ở vùng đông bắc Việt Nam như Lạng Sơn, Bắc Giang; đảm bảo, cung cấp dịch vụ thương mại quốc tế kết nối các địa phương khác trong cả nước với Trung Quốc qua Móng Cái.

Hợp tác phát triển về công nghệ cao với các tỉnh thành đã có tiềm năng và phát triển về công nghệ như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo với Hà Nội, Nghệ An, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ, hay về công nghiệp năng lượng tái tạo với các tỉnh miền Tây Nam Bộ như Long An, Bình Thuận, Bến Tre, Cần Thơ...

Công nghiệp sáng tạo với việc đưa phim trường, hậu trường phim 2D, 3D cần liên kết với các tỉnh thành khác có địa hình địa thế đa dạng, ví dụ Lạng Sơn, Thanh Hóa, Lâm Đồng, Cà Mau; hay việc đưa vào công viên văn hóa các chủ đề văn hóa dân gian cần có sự góp mặt cả ba miền Bắc, Trung Nam.

Việc xây dựng Vân Đồn thành một Đặc khu thành công không chỉ là động lực giúp phát triển kinh tế cả nước mà còn là niềm tin về các mô hình kinh tế, quản lý hành chính đã được thử nghiệm và phát triển, tạo niềm tin cho các tỉnh thành có các đặc điểm tương tự sẽ có thể áp dụng thành công các mô hình và hoạt động kinh tế, giúp nhân rộng và nhân mức tăng trưởng lên nhiều lần cho kinh tế cả nước

4.3. Đối với khu vực và quốc tế

Xây dựng thành công Đặc khu Vân Đồn sẽ giúp tăng tính cạnh tranh cho Vân Đồn và Việt Nam so với thị trường quốc tế, thu hút nhân tài người nước ngoài, người Việt ở nước ngoài về Việt Nam sống và làm việc. Phát triển Đặc khu Vân Đồn, Việt Nam sẽ đóng góp vào việc tạo thêm một khu vực vừa liên kết vừa cạnh tranh trên bản đồ khu vực và thế giới, cụ thể: Cụm khoa học công nghệ: vừa có thể liên kết, hợp tác vừa cạnh tranh với Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc; Cụm du lịch, giải trí, thiên nhiên: vừa có thể liên kết, hợp tác vừa cạnh tranh với Jeju, Hải Nam, Hồng Kong, Singapore; Cụm công nghiệp văn hóa: vừa có thể liên kết, hợp tác vừa cạnh tranh với Manila, Hong Kong, Tokyo, Singapore...

Hiệu quả của việc thành lập Đặc khu Vân Đồn là rất rõ ràng, cụ thể: Có những giá trị vô hình hoặc hữu hình; có giá trị là vật thể hoặc phi vật thể; có những giá trị có thể định lượng được và có những giá trị chỉ có thể định tính; có

những giá trị kiểm đếm được và có những giá trị chưa thể kiểm đếm được; có thể có lợi ích động và có thể là lợi ích tĩnh; có thể là lợi ích cục bộ và có thể là lợi ích liên hoàn; lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài; có những lợi ích phải qua thời gian mới có thể đo đếm được. Tuy nhiên, trong thực tế không có đề án, dự án nào có thể đạt lợi ích tối đa trên tất cả các mặt; có mặt phải hoán đổi lợi ích cho nhau, được mặt này phải hy sinh mặt khác; nhưng tổng thể phải đạt hiệu quả cao nhất có thể.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

Trên cơ sở định hướng phát triển của đặc khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh cùng các chuyên gia, nhà khoa học đã nghiên cứu, đánh giá khách quan, toàn diện những tác động của Đề án đến kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh như sau:

1. Tác động đến kinh tế

a) Tích cực

Thúc đẩy đầu tư và tạo đột phá về tăng trưởng kinh tế: các chính sách ưu đãi vượt trội sẽ tạo cơ hội thu hút nguồn lực đầu tư quốc tế; đồng thời khai thác được tiềm năng, lợi thế của địa phương và của quốc gia. Với các dự án đang xúc tiến đầu tư, thì đến 2030 Đặc khu Vân Đồn sẽ huy động được khoảng 12 tỷ USD, trong đó vốn đầu tư nước ngoài khoảng 6 tỷ USD. GDP tăng từ 2,44 nghìn tỷ VNĐ (năm 2017) lên hơn 128,6 nghìn tỷ VNĐ (năm 2030), tăng trên 53 lần. Thu nhập bình quân đầu người từ 2.650 USD (năm 2017), lên 21.300 USD (năm 2030), tăng gần 08 lần.

Cơ cấu lại nền kinh tế theo xu hướng phát triển của thế giới: Đến năm 2030, cơ cấu nền kinh tế của đặc khu kinh tế Vân Đồn cơ bản chuyển dịch sang du lịch, dịch vụ, công nghiệp công nghệ cao, chiếm tỷ lệ 92%. Các ngành nông nghiệp chỉ còn chiếm tỷ lệ 8%; góp phần thực hiện chủ trương của tỉnh về chuyển đổi cơ cấu kinh tế với mũi nhọn là phát triển du lịch, dịch vụ và công nghiệp theo hướng bền vững.

Đổi mới phương thức quản lý, điều hành của nhà nước, đổi mới hành chính theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả: Với môi trường đầu tư quốc tế thì yêu cầu tất yếu đối với nhà quản lý, nhà đầu tư trong nước phải thay đổi phương thức quản lý, điều hành, quản trị doanh nghiệp để thích nghi, từ đó nâng cao năng lực và tiếp thu trình độ quản lý tiên tiến của thế giới.

Thay đổi tính chất, quy mô và vị trí của thị trường: nếu như hiện nay, Vân Đồn chỉ là thị trường với quy mô nhỏ giao thương rất hạn chế, theo Đề án thành lập Đặc khu Vân Đồn sẽ là thị trường mang tính quốc tế với quy mô lớn toàn cầu.

Các chính sách ưu đãi, miễn, giảm không tác động lớn đến giảm nguồn thu ngân sách nhà nước, mà còn có tác động tạo ra số thu lớn hơn:

(i) Về đất đai: Nhà nước không mất đi giá trị đất đai khi thực hiện các biện pháp miễn, giảm tiền thuê đất, vì theo quy định chung thì các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Vân Đồn đều được miễn tiền thuê đất tối thiểu là 16 năm. Như

vậy, đến năm 2030 theo chính sách của đề án, Đặc khu Vân Đồn không miễn thêm so quy định hiện hành của Khu kinh tế. Ngược lại, đất đai của Vân Đồn sẽ có giá trị lớn hơn rất nhiều khi nhu cầu về đất đai tại đặc khu tăng cao (dự kiến giai đoạn 2018-2030 nhà nước sẽ thu được từ số thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, các loại thuế, phí khoảng: 25.427 tỷ đồng);

(ii) Về ưu đãi, miễn, giảm thuế: Giả thiết không thành lập đặc khu thì đến 2030, nhà nước chỉ thu được 5,5 nghìn tỷ đồng; trong khi nếu thành lập đặc khu, áp dụng miễn, giảm nhưng nhà nước vẫn thu được khoảng 54 nghìn tỷ đồng, gấp gần 10 lần.

b) Hạn chế:

Do được áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội nên Vân Đồn sẽ trở thành khu vực năng động, thu hút được các doanh nghiệp, nhà đầu tư, do đó có thể ảnh hưởng đến những khu vực mà môi trường đầu tư kém cạnh tranh hơn, nhất là áp lực trong công tác quản lý lợi dụng sơ hở buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại gây thất thu cho ngân sách, ảnh hưởng tới thị trường.

Áp lực ngân sách Nhà nước phải hỗ trợ đầu tư ban đầu trong điều kiện khả năng cân đối khó khăn do đó đòi hỏi cần phải có giải pháp mạnh hơn nữa để thu hút các nguồn vốn đầu tư.

2. Tác động đến văn hóa - xã hội và người dân

a) Tích cực

Chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo ra nhiều việc làm: với việc cơ cấu lại nền kinh tế, sẽ dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm. Thị trường lao động sẽ chuyển dịch từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao tạo việc làm mới cho Vân Đồn, cho Quảng Ninh và các tỉnh lân cận.

Việc người nông dân bị thu hồi đất có tác động tích cực trong việc chuyển đổi cơ cấu ngành nghề có thu nhập cao hơn: Người nông dân khi không còn đất sản xuất nông nghiệp sẽ được nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm sang các ngành nghề khác phù hợp; Người dân được bồi thường theo quy định hiện hành của nhà nước, được tạo điều kiện tham gia góp vốn vào các hoạt động đầu tư kinh doanh, dịch vụ du lịch cộng đồng... Ngoài ra, Chủ tịch Ủy ban Đặc khu căn cứ tình hình thực tiễn để quyết định các hình thức hỗ trợ cho người dân đảm bảo ổn định đời sống, sản xuất và tạo việc làm.

Người dân được thụ hưởng các chính sách an sinh - xã hội của nhà nước: Khi đặc khu phát triển, nhà nước sẽ có nguồn lực để thực hiện sách an sinh xã hội.

Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao kỹ năng, tay nghề của lực lượng lao động.

Hình thành chuỗi đô thị hiện đại; thông minh, ứng dụng công nghệ cao trong phát triển đô thị sẽ làm thay đổi hoàn toàn diện mạo đô thị của Vân Đồn, nâng cao chất lượng cuộc sống; tiếp thu văn hóa thế giới; góp phần quảng bá hình ảnh và con người Việt Nam.

b) Hạn chế:

Tác động đến hạ tầng: việc gia tăng dân số, tốc độ đô thị hóa nhanh sẽ gây áp lực lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của Vân Đồn đòi hỏi phải có sự phát triển đồng bộ cả về hạ tầng, năng lực quản lý cũng như văn hóa đô thị... để đảm bảo sự phát triển dài hạn theo hướng bền vững của các đô thị tại Vân Đồn.

Tác động đối với các giá trị văn hóa truyền thống: Nhà đầu tư, người lao động và khách du lịch đến từ nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ có văn hoá khác nhau nên có thể ảnh hưởng đến những văn hóa truyền thống, phong tục tập quán bản địa gây áp lực đối với công tác quản lý xã hội, bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống.

Việc GPMB để phát triển các dự án đầu tư lớn trên địa bàn tạo áp lực đối với chính quyền trong việc di dời, bố trí tái định cư, chuyển đổi nghề tạo việc làm mới đối với một bộ phận người dân bị tác động.

Việc phát triển các ngành nghề kinh doanh mới như Khu du lịch phức hợp cao cấp có casino, trung tâm giải trí cao cấp sẽ tạo áp lực cho công tác quản lý xã hội do đó cần phải có chuyên gia giỏi để phát huy được những điểm mạnh và hạn chế được các tiêu cực.

3. Tác động đến môi trường:

a) Tích cực

Để thực hiện mục tiêu phát triển của Đặc khu Vân Đồn là hướng tới xanh-sạch bền vững, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp về công tác bảo vệ môi trường sẽ có chuyển biến mạnh mẽ và được quan tâm hơn; chính quyền, doanh nghiệp và người dân nâng cao trách nhiệm, ý thức trong công tác bảo vệ môi trường.

Nguồn lực để đầu tư bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường được tăng cường thông qua kinh phí đóng góp của các doanh nghiệp, khách du lịch, các tổ chức quốc tế và kinh phí của đặc khu.

b) Hạn chế

Môi trường có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của Đặc khu Vân Đồn, nếu các doanh nghiệp, người dân, khách du lịch không có ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường; nhà nước không thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ, chế tài xử lý vi phạm không nghiêm khắc; công tác quan trắc, dự báo không hiệu quả và các biện pháp bảo vệ môi trường không khả thi thì có thể không đạt được mục tiêu bảo vệ môi trường; ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đặc khu.

4. Tác động về quốc phòng - an ninh

a) Tích cực

Tạo ra thời cơ cho tiềm lực quốc phòng về chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ, thế trận quân sự, củng cố quốc phòng bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

Tạo điều kiện cho kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng. Có điều kiện để triển khai các mô hình mới về hoạt động quân sự, quốc phòng, kịp thời điều

chính, bổ sung lý luận và thực tiễn trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Có điều kiện cho các hoạt động giao lưu, đối ngoại quân sự, nâng cao vị thế của tỉnh, trực tiếp tạo ra thế và lực mới cho nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc.

Đặc khu kinh tế phát triển sẽ tăng cường, thúc đẩy giao lưu hợp tác giữa các quốc gia; góp phần vào ổn định và thịnh vượng chung của khu vực và toàn cầu, tạo đan xen lợi ích, nâng cao vị thế quốc gia, góp phần ổn định chính trị và quốc phòng an ninh.

Kinh tế - xã hội Đặc khu Vân Đồn phát triển tỉnh và Trung ương sẽ có điều kiện quan tâm, chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang trên địa bàn vững mạnh. Có điều kiện để thực hiện tốt hơn chính sách hậu phương - quân đội.

b) Hạn chế:

Đặc khu được thành lập, việc mở cửa, hội nhập sẽ sâu rộng hơn nên các thế lực thù địch và các phần tử phản động dễ lợi dụng để tiến hành âm mưu diễn biến hòa bình tinh vi và xảo quyệt hơn. Việc nhận diện kẻ thù, phân định đối tác, đối tượng trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng sẽ có nhiều khó khăn, thách thức.

5. Tác động đến tổ chức bộ máy, công chức, viên chức, người lao động

a) Tích cực

Tạo sự đột phá, đổi mới toàn diện về thể chế hành chính với bộ máy linh hoạt, xác định rõ vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, tăng tối đa thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban Đặc khu: Đổi mới toàn diện mối quan hệ cũ về cơ chế quản lý HĐND và UBND (bộ máy công kênh, hình thức, nhất là của cấp huyện, cấp xã); đảm bảo tổ chức bộ máy và nhân sự tinh gọn hiệu lực, hiệu quả, đề cao trách nhiệm cá nhân; trách nhiệm giải trình và phù hợp với thông lệ quốc tế;

Tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình: Bộ máy tinh gọn sẽ nâng cao tính minh bạch, quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng, giảm quan liêu, tăng hiệu quả hành chính. Điều này sẽ tăng mức độ hài lòng của người dân đến đặc khu hành chính, tăng lợi thế cạnh tranh của Vân Đồn.

Giảm chi tiêu ngân sách cho bộ máy hành chính: do bộ máy tinh gọn, số lượng người làm việc, hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại Đặc khu giảm (nhất là cấp xã⁶);

b) Hạn chế:

Có thể phát sinh một số vấn đề về sự lạm quyền hoặc năng lực của người đứng đầu, nếu việc lựa chọn người đứng đầu không đáp ứng được yêu cầu và không có cơ chế chặt chẽ để giám sát quyền lực.

Phải bố trí lại hoặc cho thôi việc một số cán bộ: Do tổ chức bộ máy của Đặc khu được sắp xếp tinh gọn, số lượng đầu mỗi giám, cần sắp xếp, bố trí lại cho phù hợp.

⁶ Riêng số lượng người giảm tuyệt đối cấp xã dự kiến là 54 người, do đó giảm kinh phí chi cho bộ máy tương đương mỗi năm 5,4 tỷ đồng

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ đạo quốc gia về xây dựng đơn vị HC-KT đặc biệt, trong đó có Đặc khu Vân Đồn để tổ chức thực hiện có hiệu quả Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội và Luật đơn vị HC-KT đặc biệt.

Thành lập và xây dựng phát triển Đặc khu Vân Đồn là bước cụ thể hoá Hiến pháp và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vì vậy phải xác định đây là nhiệm vụ, trách nhiệm của Chính phủ, các Bộ, ngành TW và sự tham gia có trách nhiệm của các tỉnh, thành phố trong cả nước. Chính phủ sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng quy chế để huy động sự tham gia của các tỉnh, thành phố trong cả nước, các doanh nghiệp nhà nước tập trung đầu tư phát triển tại Đặc khu Vân Đồn.

Tỉnh Quảng Ninh thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND, Thường trực UBND và đại diện các sở, ngành liên quan làm thành viên Ban Chỉ đạo; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động theo hướng huy động tối đa nguồn lực thực hiện có hiệu quả Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, nghị quyết của Quốc hội và Luật đơn vị HC-KT đặc biệt.

Nâng cao nhận thức, tăng cường sự lãnh đạo của đảng; quản lý của chính quyền; phát huy vai trò tập hợp lực lượng của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tổ chức lãnh đạo, quản lý, điều hành Đặc khu.

Chỉ đạo nghiên cứu, đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng và công tác tổ chức quản lý, điều hành Đặc khu theo mô hình mới. Áp dụng mô hình “*lãnh đạo công - quản trị tư*” phù hợp với điều kiện, đặc thù của Vân Đồn theo từng thời kỳ; khuyến khích mở rộng tối đa sự tham gia của khu vực tư nhân và giảm thiểu sự tham gia quản lý, điều hành của khu vực Nhà nước; trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật, phù hợp với khả năng kiểm soát rủi ro của Nhà nước và hiệu quả xã hội; Nhà nước đưa ra các ý tưởng, định hướng; hoạch định chính sách, chiến lược, quy hoạch tổ chức, đôn đốc thực hiện và thanh tra, kiểm tra, giám sát (lãnh đạo công); Nhà nước thiết lập cơ chế giao tư nhân thực hiện các dịch vụ công; lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, điều hành trên một số lĩnh vực kinh tế - xã hội (quản trị tư), tập trung vào các lĩnh vực: Cung cấp dịch vụ công, các lĩnh vực có thể áp dụng phương thức đối tác công - tư (PPP)...

2. Công tác tuyên truyền, vận động:

Chính phủ chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Kết luận của Bộ Chính trị về xây dựng Đặc khu Vân Đồn để cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, địa phương và các tầng lớp nhân dân hiểu rõ quan điểm xây dựng Đặc khu Vân Đồn không phải chỉ cho Quảng Ninh mà cho cả nước và là chương trình quốc gia để tập trung lãnh đạo chỉ đạo quyết liệt, ưu tiên chính sách và nguồn lực từ TW đến các địa phương, tạo sự đồng

thuận, ủng hộ, chung tay của nhân dân cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế cho xây dựng Đặc khu Vân Đồn.

Xây dựng kế hoạch cụ thể để nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả, sức bén của công tác tư tưởng, công tác dân vận để đập tan mọi thủ đoạn xuyên tạc quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng, phát triển Đặc khu Vân Đồn, làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình” và “tự diễn biến” của các thế lực thù địch. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội.

Tăng cường chỉ đạo làm tốt công tác dân vận nhằm phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tham gia xây dựng Đặc khu Vân Đồn. Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia đóng góp công sức, trí tuệ để xây dựng thành công Đặc khu Vân Đồn. Làm tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và phát huy quyền làm chủ vai trò giám sát của nhân dân trong xây dựng và phát triển Đặc khu.

Tạo điều kiện để các hội quần chúng thành lập và hoạt động theo nguyên tắc: Tự nguyện, tự quản; dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; tự đảm bảo các điều kiện và kinh phí hoạt động; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều lệ hội.

3. Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội:

Quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, chiến lược, trọng tâm đã đề ra và phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao. Tích cực chỉ đạo chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao tỷ trọng và chất lượng dịch vụ.

Triển khai lập Quy hoạch tổng thể Đặc khu Vân Đồn (tích hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực và các quy hoạch ngành) phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, có tính kết nối với các quy hoạch khác trong hệ thống quy hoạch quốc gia; Tính chất, chức năng, các định hướng chính về không gian tổng thể cũng như các quy hoạch hạ tầng khác trong phạm vi phát triển của Quy hoạch tổng thể Đặc khu Vân Đồn phải đảm bảo đồng bộ, có tính kế thừa và cụ thể hoá các định hướng lớn các Quy hoạch chiến lược của tỉnh Quảng Ninh đã được phê duyệt để hình thành một quy hoạch có tầm nhìn chiến lược, tư duy phát triển hiện đại, bền vững và có tính khả thi cao; Tập trung ưu tiên và huy động tối đa các nguồn lực (nhân lực, vốn, ...) để thực hiện cụ thể hoá Quy hoạch tổng thể, trong đó việc xây dựng chương trình hành động phải gắn với các công trình, dự án trọng điểm theo lộ trình cụ thể

Tập trung thu hút nguồn lực đầu tư; triển khai đồng bộ những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Chủ động và linh hoạt trong điều hành thu, chi ngân sách.

Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai, đô thị, xây dựng cơ bản, tài nguyên, bảo vệ môi trường; đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao công

nghệ. Đặc biệt quan tâm, quyết liệt chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về đất đai, thị trường bất động sản nhằm tăng cường công tác quản lý, ngăn chặn việc giao đất, mua bán, chuyển nhượng và sử dụng đất đai trái pháp luật trên địa bàn huyện Vân Đồn; siết chặt quản lý đất đai, chuẩn bị quỹ đất dự phòng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút các dự án đầu tư trong thời gian tới.

Quan tâm phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội; đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

Về quản lý lao động trong Đặc khu: Người lao động thường trú hoặc tạm trú tại Đặc khu được Chính quyền Đặc khu cấp Thẻ công dân, người lao động làm việc tại Đặc khu nhưng cư trú trong nội địa Việt Nam được Chính quyền Đặc khu cấp Giấy thông hành (hoặc phép lao động) để ra, vào Khu. Những người dân đã sinh sống ở Vân Đồn từ 5 năm trở lên, còn trong độ tuổi lao động được ưu tiên tuyển dụng vào làm việc tại các dự án trong Đặc khu.

Xây dựng quy chế quản lý công dân (người Việt Nam và người nước ngoài) ra, vào, ở, làm việc trong Đặc khu nhằm thúc đẩy, bảo hộ xây dựng và phát triển Đặc khu, bảo đảm lợi ích quốc gia. Việc đi lại của người dân trong Đặc khu, người Việt Nam ở ngoài Đặc khu và người nước ngoài ở, làm việc tại Đặc khu được quản lý bằng công nghệ thông tin. Cơ chế kiểm soát:

+ Hoạt động ra - vào bằng đường bộ: Thành lập các trạm kiểm soát hoạt động ra - vào Đặc khu bằng đường bộ tại các khu vực ra - vào Đặc khu. Thành phần Trạm kiểm soát gồm: Công an, Biên phòng Hải quan..

+ Tại Cảng hàng không và cửa khẩu đường biển: thiết lập cơ chế phân luồng cho các trường hợp người nước ngoài nhập cảnh tại Cảng hàng không và cửa khẩu đường biển với mục đích nhập cảnh để hoạt động tại Vân Đồn và nhập cảnh với mục đích đến địa phương khác để hoạt động.

Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, giám sát. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự xã hội, nâng cao hiệu quả hoạt động xã hội.

4. Cải cách thủ tục hành chính:

Rà soát loại bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp với mô hình mới, đảm bảo sự thống nhất, đơn giản, tinh gọn và công khai quy trình; xây dựng bộ thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên nguyên tắc không làm phát sinh các thủ tục.

Nghiên cứu ban hành quy định tích hợp các trình tự, thủ tục sau đầu tư về đất đai, xây dựng, môi trường, lao động, thương mại ... vào một quy trình và hồ sơ thống nhất; thực hiện một lần và một đầu mối, được xem xét, giải quyết trực tiếp qua môi trường mạng.

Tăng cường phân cấp, xác định thẩm quyền, trách nhiệm cho cấp dưới và cá nhân.

Dành nguồn lực xây dựng và hoàn thành chính quyền điện tử, trung tâm hành chính công của Đặc khu Vân Đồn trong năm 2018. Từng bước áp dụng mô hình lãnh đạo công - quản trị tư.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại

Thuê đơn vị tư vấn có năng lực, uy tín quốc tế lập quy hoạch Đặc khu Vân Đồn, trong đó có quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có tầm nhìn dài hạn, gắn với quy hoạch hạ tầng chung của Quảng Ninh.

Tập trung nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, hình thức đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng theo quy hoạch. Trong đó vốn ngân sách nhà nước chỉ đóng vai trò là vốn “mồi”, tập chung chủ yếu cho công tác giải phóng mặt bằng nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư khác ngoài ngân sách.

Hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị trung tâm và các khu đô thị chức năng, bao gồm: Hạ tầng hệ thống giao thông đô thị; hệ thống cấp nước, thoát nước; hệ thống cấp điện; hệ thống thông tin... nhằm xây dựng các đô thị theo hướng đô thị thông minh.

Tập trung xây dựng cơ chế ưu đãi kêu gọi đầu tư hạ tầng phát triển du lịch, công nghiệp giải trí, trung tâm tài chính, ngân hàng, các đội tàu du lịch hiện đại... Khẩn trương triển khai đầu tư xây dựng Khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp có casino theo mô hình hiện đại, tạo động lực phát triển Đặc khu Vân Đồn.

Huy động nhiều nguồn lực để tập trung đầu tư 10 lĩnh vực hạ tầng quan trọng được đề cập trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và trên cơ sở quy hoạch đặc khu Vân Đồn theo hướng phục vụ phát triển kinh tế xanh - kinh tế tri thức.

6. Phát triển khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

6.1 Về phát triển khoa học và ứng dụng công nghệ

Xây dựng kế hoạch phát triển KH&CN; xác định mục tiêu ưu tiên và trọng điểm chiến lược phát triển KH&CN phù hợp với mục tiêu phát triển KT-XH.

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong hoạt động KH&CN, nhất là chính sách với hoạt động công nghệ cao; các quy định quản lý thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển KH&CN; thành lập Quỹ phát triển KH&CN của Đặc khu nhằm hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, hoàn thiện, áp dụng ý tưởng, giải pháp sáng tạo.

Đào tạo nhân lực, thu hút nhân tài KH&CN trong một số ngành, lĩnh vực trọng yếu cho sự phát triển của Đặc khu.

Triển khai mô hình hợp tác công - tư trong nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ... Thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo cơ chế đặt hàng đồng tài trợ; tăng cường mối liên kết giữa tổ chức KH&CN, nhà khoa học - doanh nghiệp - nhà nước, lấy doanh nghiệp là trung tâm, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Tập trung ứng dụng, chuyển giao và làm chủ công nghệ phục vụ phát triển, trong đó ưu tiên vào các ngành dịch vụ, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ môi trường, công nghệ thông tin...; hình thành vườn ươm công nghệ, công viên khoa học; hỗ trợ hoạt động ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển doanh nghiệp KH&CN hướng vào phục vụ định hướng phát triển ngành nghề tại Đặc khu.

Chủ động hội nhập, triển khai các chương trình hợp tác trong và ngoài nước về KH&CN. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ cao đi cùng với việc xây dựng, duy trì và nâng cấp đồng bộ hạ tầng KHCN, trang thiết bị máy móc, các cơ sở KHCN và thu hút nguồn lực chất xám quốc tế.

Xây dựng Đặc khu Vân Đồn trở thành đô thị thông minh phát triển bền vững

6.2. Về bảo vệ môi trường

Ban hành tiêu chuẩn bảo vệ môi trường tại Đặc khu theo hướng nâng cao các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường tại Vân Đồn; có quy định để quản lý chặt chẽ các nguồn chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) và chế tài đủ mạnh để xử lý vi phạm.

Hoàn thành các quy hoạch bảo vệ môi trường tổng thể và quy hoạch tài nguyên nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Lập và triển khai dự án xử lý môi trường Vân Đồn. Có cơ chế huy động nguồn lực để xây dựng các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn.

Xây dựng cơ chế ưu đãi đặc biệt để khuyến khích đối với các dự án sử dụng công nghệ xanh, tiết kiệm tài nguyên và thân thiện với môi trường.

Đẩy mạnh khai thác có hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới; quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên trên các đảo.

Khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Phát triển đô thị bền vững; thực hiện phân loại rác tại nguồn.

Các dự án đầu tư phải có phương án xử lý mức quá tải của hệ thống hạ tầng, nhất là hạ tầng liên quan đến bảo vệ môi trường; xây dựng mô hình nuôi trồng thủy sản theo hướng trang trại hữu cơ gia đình kết hợp với các trương trình du lịch khám phá bền vững.

7. Phát triển các lĩnh vực văn hoá - xã hội

7.1 Về lĩnh vực văn hóa - thể thao:

Tập trung xây dựng, phát triển công nghiệp văn hóa thành lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, từng bước phát triển “hạ tầng” tinh thần bền vững. Hình thành mô hình phát triển văn hóa mới.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và xây dựng cơ chế thu hút đầu tư để xây dựng một số thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp với định hướng phát triển. Xây dựng hạ tầng văn hóa đủ điều kiện tổ chức các sự kiện chính trị, văn hóa, thể thao tầm cỡ quốc tế, đồng thời xây dựng Vân Đồn là nơi cung cấp sản phẩm và dịch vụ

điện ảnh gắn với xây dựng kế hoạch và có cơ chế chuyển đổi từ văn hóa công nghiệp, nông nghiệp sang văn hóa dịch vụ cao cấp.

Có cơ chế phát huy giá trị di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh và lễ hội truyền thống của địa phương thành sản phẩm du lịch có thương hiệu, góp phần xây dựng, phát triển ngành công nghiệp văn hóa - công nghiệp giải trí tại Đặc khu Vân Đồn.

Xây dựng Vân Đồn là nơi có môi trường xã hội lành mạnh, thân thiện, an toàn, hấp dẫn và đa dạng về văn hóa. Xây dựng cơ chế thu hút các ngôi sao văn hóa, thể thao nổi tiếng thế giới về làm việc và sinh sống tại Đặc khu Vân Đồn. Có kế hoạch tăng cường công tác quản lý việc cung cấp và quản lý thông tin, văn hóa phẩm có nguồn gốc từ nước ngoài cho người nước ngoài sinh sống và làm việc tại Đặc khu Vân Đồn.

7.2 Về lĩnh vực giáo dục, y tế:

Đầu tư công nghệ cao cho giáo dục, y tế. Tập trung xúc tiến đầu tư nhằm kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển các dịch vụ y tế hiện đại và xây dựng bệnh viện quốc tế phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân và khách du lịch.

Phát triển giáo dục chất lượng cao, xây dựng trường đại học đa ngành quốc tế, thu hút các trường đại học và viện nghiên cứu nổi tiếng trên thế giới mở phân hiệu, phân viện tại Đặc khu Vân Đồn.

7.3 Về công tác an sinh xã hội:

- Chủ động và triệt để thực hiện giảm nghèo bền vững theo cách tiếp cận đa chiều; Phấn đấu đến 2023, cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn quốc gia, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo xuống dưới mức bình quân chung của tỉnh Quảng Ninh.

- Xây dựng và thực hiện chính sách đảm bảo trợ giúp xã hội cho nhóm đối tượng chịu tác động không thuận của quá trình phát triển của Đặc khu và trong quá trình hội nhập

- Thực hiện các giải pháp bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động, mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản cho con người và xây dựng thị trường lao động cạnh tranh, bình đẳng.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề để chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp (đây chính là một nội dung cụ thể trong Đề án Xây dựng đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực của Đặc khu Vân Đồn giai đoạn 2018-2030). Có giải pháp tăng dân số cơ học phục vụ phát triển kinh tế. Nghiên cứu áp dụng chính sách hỗ trợ theo quy định cho toàn bộ cư dân sống ở nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

8. Đảm bảo quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế

8.1. Đảm bảo quốc phòng, an ninh

Hoàn thiện và triển khai cụ thể hoá các tiêu đề án: Xây dựng, bảo vệ vững chắc khu vực phòng thủ; Công tác đảm bảo an ninh trật tự; Đảm bảo công tác

biên phòng để đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh khi xây dựng Đặc khu Vân Đồn.

Xây dựng Vân Đồn thành khu vực phòng thủ vững chắc, toàn diện cả về tiềm lực, lực lượng, thế trận, đảm bảo chủ động trong phòng ngừa chiến lược, cảnh giác, đẩy lùi, ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch chống phá, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, xâm phạm an ninh quốc gia của Việt Nam.

Xây dựng cơ chế cụ thể để huy động nguồn lực của cả hệ thống chính trị thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 08 của BCH Trung ương (khóa IX) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới", Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về "Tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới" và Chỉ thị 48 của Bộ Chính trị về "Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới".

Kết hợp chặt chẽ giữa QPAN với phát triển kinh tế biển - đảo; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng quân sự, công an, biên phòng, hải quân, cảnh sát biển và các lực lượng khác chủ động nắm tình hình, kịp thời xử lý các tình huống về QPAN.

Làm tốt công tác nắm bắt tình hình, giải quyết ngay những vấn đề phát sinh từ cơ sở để đảm bảo an ninh. Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, nhất là vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, vùng biển - đảo, an ninh nông thôn.

Phối hợp chặt chẽ với Quân khu 3, Bộ Quốc phòng rà soát, điều chỉnh bố trí quốc phòng, công tác quân sự để phù hợp với mục tiêu phát triển của Đề án, nhưng không làm ảnh hưởng lớn đến thế trận phòng thủ đã có trên địa bàn Vân Đồn và khu vực.

Xây dựng lực lượng quản lý và bảo vệ biển - đảo chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đủ mạnh để bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên biển - đảo, nòng cốt là lực lượng hải quân, không quân, cảnh sát biển, biên phòng và kiểm ngư, đồng thời tổ chức tốt lực lượng dân quân biển.

Triển khai xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng. Đầu tư công nghệ trên một số lĩnh vực vừa phục vụ phát triển KT - XH vừa phục vụ nhu cầu bảo đảm quốc phòng. Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại bảo đảm hoạt động của lực lượng vũ trang.

Thực hiện có hiệu quả việc trấn áp, truy quét các loại tội phạm, nhất là các hoạt động móc nối, lôi kéo hình thành các tổ chức phản động, gián điệp. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả nhằm ngăn chặn có hiệu quả các mối đe dọa an ninh phi truyền thống cùng các loại tội phạm về trật tự an toàn xã hội hoạt động theo ô, nhóm, liên tuyến, liên tỉnh,... Làm tốt công tác giải quyết khiếu nại tố cáo, hạn chế khiếu kiện đông người, không để hình thành "điểm nóng" về chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng thể chế, cơ chế, chế tài xử lý nghiêm khắc để thực hiện hiệu quả Luật Phòng, chống tham nhũng..

8.2. Đẩy mạnh liên kết vùng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, tích cực hội nhập quốc tế

Tăng cường phối hợp với các địa phương trong tỉnh và trong vùng đồng bằng Sông Hồng theo nhiều lĩnh vực trọng tâm.

Đẩy mạnh việc xây dựng cơ chế hợp tác quốc tế và công tác đối ngoại với các ĐKKT trên thế giới và các KKT tự do như Incheon, Jeju (Hàn Quốc), Thẩm Quyển (Trung Quốc), Batam (Indonesia)...; triển khai hợp tác chiến lược, kết nghĩa để hợp tác kinh tế, thu hút đầu tư với một số địa phương của các nước Đông Bắc Á, Mỹ, EU,...

Tiếp tục chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch. Quảng bá hình ảnh của tỉnh Quảng Ninh và Đặc khu Vân Đồn tới các nước trên thế giới.

Thực hiện có hiệu quả việc mời gọi, huy động nguồn lực từ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, có cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút lực lượng này về đầu tư, làm việc góp phần xây dựng phát triển Quảng Ninh và Đặc khu Vân Đồn.

Làm tốt vai trò là đại diện của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, của Quảng Ninh trong đón tiếp các đoàn khách quốc tế về thăm, làm việc tại Đặc khu. Xây dựng cơ chế mở rộng ngoại giao nhân dân đặc biệt là các tổ chức quần chúng để hoạt động giao lưu, hợp tác thiết thực, hiệu quả.

IV. SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ NHÂN SỰ:

1. Dự kiến nhu cầu đội ngũ cán bộ, công chức thuộc bộ máy Đặc khu

- Về số lượng: Sau khi thành lập Đặc khu Vân Đồn, với mô hình chính quyền một cấp, tổ chức bộ máy mới đảm bảo tinh gọn, linh hoạt, số lượng các phòng, ban chuyên môn, tham mưu giúp việc của đặc khu giảm; mặt khác dưới Đặc khu Vân Đồn không còn cấp chính quyền mà chỉ được tổ chức thành các Khu hành chính, do đó nhu cầu số lượng người làm việc trong cơ quan của Đặc khu có sự thay đổi cả số lượng và cơ cấu.

Dự kiến tổng số cán bộ, công chức, người làm việc chuyên môn hưởng lương trong bộ máy các phòng chuyên môn, tham mưu giúp việc của Đặc khu, trong các Khu hành chính thuộc Đặc khu dự kiến khoảng 398 người. Trong đó, gồm Lãnh đạo Đặc khu, lãnh đạo, công chức, người làm việc tại các Phòng ban chuyên môn của Đặc khu là 180 người; Khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội: 20 người; Trưởng Khu hành chính, công chức, người làm việc chuyên môn thuộc 12 Khu hành chính (bao gồm chuyên môn, đảng và đoàn thể) dự kiến 198 người.

- Yêu cầu về trình độ: Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của chính quyền Đặc khu, đội ngũ CBCCVN- lao động nói chung, đội ngũ cán bộ, công chức nói riêng phải là đội ngũ có trình độ từ Đại học trở lên, giỏi chuyên môn nghiệp vụ,

được đào tạo bồi dưỡng kỹ năng, giỏi ngoại ngữ, tin học, chuyên nghiệp, đáp ứng được yêu cầu bộ máy năng động, linh hoạt, hiệu quả, tham mưu giúp việc cho Chủ tịch UBND Đặc khu thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

BIỂU TỔNG HỢP

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CỦA ĐẶC KHU VÂN ĐỒN⁷

STT	Dự kiến vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người
Tổng số vị trí việc làm và người làm việc trong Hệ thống chính trị đặc khu		96	398
A	Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành	21	86
I	Cấp ủy (Bí thư, Phó bí thư) đặc khu	02	03
1	Bí thư đồng thời là Chủ tịch UBND Đặc khu	01	01
2	Phó Bí thư	01	02
II	HĐND đặc khu	03	08
1	Chủ tịch HĐND Đặc khu (kiêm nhiệm)	01	0
2	Phó Chủ tịch HĐND Đặc khu	01	01
3	Đại biểu chuyên trách	01	07
III	Ủy ban nhân dân đặc khu	02	02
1	Chủ tịch UBND Đặc khu (kiêm nhiệm)	01	0
2	Phó Chủ tịch UBND đặc khu	01	02
IV	Văn phòng và các cơ quan chuyên môn (các Ban, TTHCC, Khu hành chính)	08	63
1	Chánh Văn phòng đặc khu	01	01
2	Trưởng Ban chuyên môn	01	07
3	Giám đốc Trung tâm Hành chính công	01	01
4	Trưởng Khu hành chính	01	12
5	Phó Chánh văn phòng đặc khu	01	02
6	Phó Ban chuyên môn	01	14

⁷ Số lượng người làm việc dự kiến trong biểu này không bao gồm đội ngũ phục vụ như lái xe, tạp vụ và không tính số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

STT	Dự kiến vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người
7	Phó Giám đốc Trung tâm hành chính công	01	02
8	Phó trưởng Khu hành chính	01	24
V	Khối MTTQ và các Đoàn thể chính trị xã hội	06	10
1	Chủ tịch UBMTTQ do Trưởng Ban Tuyên truyền-Vận động kiêm Trưởng khối (kiêm nhiệm)	01	0
2	Phó Trưởng khối	01	06
3	Phụ trách công tác văn phòng (kiêm nhiệm)	01	0
4	Trưởng các Tiểu ban (kiêm nhiệm)	01	0
5	Phó phụ trách công tác văn phòng	01	01
6	Phó Tiểu ban	01	03
B	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ và hỗ trợ phục vụ	75	312
I	Văn phòng đặc khu	06	18
II	Ban Tổ chức và quản lý nguồn nhân lực	07	12
III	Ban Kinh tế	07	19
IV	Ban Phát triển hạ tầng	04	14
V	Ban Tài nguyên-Môi trường	06	15
VI	Ban Chính sách xã hội	04	18
VII	Ban Thanh tra-Kiểm tra	04	12
VIII	Ban Tuyên truyền-Vận động	05	12
IX	Trung tâm Hành chính công	16	20
X	Khối MTTQ và các Đoàn thể chính trị-xã hội	08	10
XI	Các Khu hành chính (12 khu)	08	162
1	Địa chính, nông nghiệp, TNMT	01	19
2	Xây dựng đô thị	01	19
3	Tư pháp Hộ tịch	01	19
4	Văn hóa xã hội	01	19
5	Tài chính	01	19

STT	Dự kiến vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người
6	Thống kê-Văn phòng	01	19
7	Quân sự	01	12
8	Đảng, đoàn thể	01	36

2. Phương án sắp xếp đối với đội ngũ viên chức, lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đặc khu

Hiện nay huyện Vân Đồn có 08 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện; 31 trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện; Tổng số viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc huyện quản lý là 828 (trong đó chủ yếu là viên chức ngành giáo dục 743 chiếm 90%).

Khi đặc khu đi vào hoạt động, trước hết giữ ổn định đội ngũ viên chức trong đơn vị sự nghiệp, đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU của Tỉnh ủy Quảng Ninh về thực hiện Đề án 25, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương khóa XII, Chương trình hành động số 21-CT/TU của Tỉnh ủy, giảm 10% số lượng viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ sao cho đảm bảo đội ngũ viên chức đủ trình độ, năng lực thực thi nhiệm vụ.

3. Phương án bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ chính sách đối với đội ngũ hiện nay và bố trí nhân lực theo mô hình mới của Đặc khu

Số cán bộ, công chức huyện Vân Đồn hiện có: 378 người (129 cán bộ, công chức cấp huyện; 249 cán bộ, công chức cấp xã). Với mô hình tổ chức chính quyền địa phương ở Đặc khu dự kiến tổng số cán bộ, công chức, người làm việc chuyên môn hưởng lương trong hệ thống chính trị thuộc Đặc khu khoảng 398 người. Trong đó: Lãnh đạo Đặc khu, lãnh đạo, công chức, người làm việc tại các Phòng ban chuyên môn của Đặc khu là 180 người; Khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội: 20 người; Trưởng Khu hành chính, công chức, người làm chuyên môn thuộc 12 Khu hành chính (bao gồm chuyên môn, đảng và đoàn thể) dự kiến 198 người.

Căn cứ vào thực trạng đội ngũ hiện nay của huyện Vân Đồn và yêu cầu cần thiết về nhân lực trong bộ máy của đặc khu, Đề án tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng và đề ra một số giải pháp để sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy hiện nay của huyện Vân Đồn cũng như giải pháp để bổ sung nhân lực để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Đặc khu cần như sau:

(1). Rà soát, bố trí, điều chuyển, sắp xếp trong nội bộ các cơ quan của Đặc khu (điều chuyển giữa các Ban chuyên môn; các đơn vị sự nghiệp; các Khu hành chính thuộc Đặc khu), đảm bảo phù hợp với trình độ chuyên môn đào tạo, vị trí việc làm;

(2). Thực hiện tinh giản biên chế đối với trường hợp dôi dư do trình độ chuyên môn không đáp ứng hoặc do không còn vị trí để sắp xếp, gồm các giải pháp: (i1) Giải quyết nghỉ hưu trước tuổi; (i2) Giải quyết chế độ thôi việc ngay hoặc đào tạo nghề, giải quyết chế độ thôi việc để chuyển ra ngoài khu vực nhà nước hoặc giải quyết chế độ thôi việc theo nguyện vọng cá nhân. Đối với nhóm đối tượng này, ngoài việc được hưởng chính sách theo quy định hiện hành còn được hưởng chế độ hỗ trợ riêng của Đặc khu, do Chủ tịch Ủy ban Đặc khu quyết định theo Luật định;

(3). Tăng cường (biệt phái) cán bộ, công chức của Trung ương và của tỉnh

Khi chính quyền Đặc khu được giao rất nhiều thẩm quyền của cả cấp trung ương, cấp tỉnh, với đội ngũ hiện có như hiện nay bước đầu sẽ gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ, do vậy trong giai đoạn đầu đặc khu mới thành lập và đi vào hoạt động, đối với một số lĩnh vực chuyên môn (như xây dựng, quy hoạch, kế hoạch, đất đai, ngoại ngữ ...) sẽ cần thiết phải tăng cường nhân lực có trình độ, năng lực từ các cơ quan cả Bộ, ngành trung ương, của các sở, ban, ngành của tỉnh. Dự kiến số lượng cần tăng cường, biệt phái về công tác tại Đặc khu Vân Đồn từ 10-15% tổng số cán bộ, công chức Đặc Khu (từ 30 đến 40 người).

(4) Thực hiện chính sách thu hút, đào tạo nhân lực chất lượng cao

Song song với việc cơ cấu lại đội ngũ của huyện hiện nay, tăng cường, biệt phái đội ngũ có trình độ của tỉnh, của Trung ương thì Đặc khu cần thực hiện thu hút nhân lực có trình độ cao bổ sung đội ngũ cho bộ máy Đặc khu. Trên cơ sở rà soát thực trạng đội ngũ hiện có, xác định chuyên ngành còn thiếu, cần thiết Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đặc khu quyết định những lĩnh vực, ngành nghề cần thu hút, tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ, chính sách ưu đãi và thực hiện việc thu hút nhân lực vào đặc khu. Dự kiến trong những năm đầu cần thu hút (tuyển dụng, tiếp nhận...) đội ngũ chất lượng cao khoảng 80 đến 100 người.

Ngoài ra, đặc khu thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, kỹ năng hoặc tin học, ngoại ngữ theo cơ chế cử đi đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài hoặc theo hình thức liên kết với nước ngoài tại Việt Nam.

Do việc sắp xếp nhân lực hiện trạng cần có lộ trình phù hợp, việc tuyển chọn bổ sung nhân lực mới có trình độ cao có thể chưa đáp ứng được ngay theo yêu cầu, Trường Đặc khu có thể thuê các chuyên gia, các tư vấn để giải quyết công việc cần thiết.

Đối với đội ngũ viên chức trong đơn vị sự nghiệp sau khi rà soát sắp xếp lại nếu thuộc diện tinh giản biên chế hoặc tự nguyện nghỉ việc thì được áp dụng chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 108/2015/NĐ-CP và còn được hưởng chế độ hỗ trợ của Đặc khu, do Chủ tịch UBND đặc khu quyết định.

4. Phương án tổ chức, sắp xếp thôn, khu và đội ngũ không chuyên trách cấp xã, thôn hiện nay.

Để đảm bảo mô hình tổ chức của chính quyền địa phương ở Đặc khu Vân Đồn, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thì ngoài việc cơ cấu, sắp xếp lại các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện, cần thiết phải cơ

cầu, sắp xếp lại đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu.

(1) Đối với không chuyên trách cấp xã:

Huyện Vân Đồn có 12 đơn vị hành chính cấp xã gồm 01 thị trấn Cái Rồng và 11 xã: Số người hoạt động không chuyên trách cấp hiện đang bố trí là 145 người (trong đó 30 người kiêm nhiệm).

Sau khi thành lập Đặc khu, 12 đơn vị hành chính cấp xã được chuyển tiếp thành 12 khu hành chính; không thực hiện việc cơ cấu những người hoạt động không chuyên trách ở các khu hành chính. Do đó, một bộ phận những người hoạt động không chuyên trách cấp xã sẽ được xem xét, lựa chọn bố trí hoạt động ở các khu dân cư, một bộ phận không tiếp tục bố trí hoạt động.

Những trường hợp không được tiếp tục bố trí làm việc sẽ được thực hiện chi trả các chế độ, chính sách theo quy định và được hỗ trợ một khoản trợ cấp tính theo số năm đã tham gia công tác, mức trợ cấp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định.

(2) Đội ngũ không chuyên trách ở thôn, khu phố hiện nay:

Toàn huyện Vân Đồn hiện nay có 79 thôn, khu phố; Số người hiện đang bố trí là 558 người (trong đó 113 người hoạt động kiêm nhiệm).

Do đặc điểm hiện trạng của Vân Đồn có địa bàn rộng, dân cư phân tán, nếu trong giai đoạn mới thành lập đặc khu mà giải thể thôn, khu thì việc quản lý địa bàn dân cư sẽ gặp khó khăn. Để giữ ổn định hoạt động đối với dân cư, thuận lợi cho công tác quản lý địa bàn, tỉnh Quảng Ninh đề nghị chuyển tiếp 79 thôn, khu phố của 12 xã, thị trấn huyện Vân Đồn hiện nay thành 79 Tổ dân phố trực thuộc các Khu hành chính theo đó tiếp tục duy trì đội ngũ không chuyên trách ở thôn, khu thành đội ngũ không chuyên trách ở Tổ dân phố.

Tổ dân phố là tổ chức tự quản, lấy Mặt trận Tổ quốc làm nòng cốt, trước mắt đội ngũ này vẫn thực hiện tổ chức hoạt động theo quy định của Trung ương, của tỉnh; nhà nước thực hiện khoán kinh phí hoạt động đối với tổ chức tự quản.

Khi đặc khu đi vào hoạt động ổn định, căn cứ vào tình hình phát triển của đặc khu sẽ xem xét tổ chức lại các Tổ dân phố đảm bảo tinh gọn theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 18 –NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 BCH Trung ương khóa XII, Chương trình hành động số 21 của Tỉnh ủy Quảng Ninh, phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đảo (có địa hình tách biệt, chia cắt, dân cư sinh sống độc lập trên một đảo) và tình hình phát triển của Đặc khu đảm bảo (dự kiến giảm từ 20% đến 30% so với số lượng thôn, khu hiện nay).

Theo đó đội ngũ không chuyên trách Tổ dân phố cũng cần thiết phải bố trí, sắp xếp lại. Những người tiếp tục được lựa chọn tham gia sẽ thực sự hoạt động theo cơ chế tự quản, ngoài việc sử dụng kinh phí do ngân sách cấp, các hoạt động trong tổ dân phố được sử dụng từ nguồn kinh phí do nhân dân địa phương tự nguyện đóng góp. Đối với trường hợp không tiếp tục tham gia hoạt động tại các Tổ dân phố thì ngoài việc hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành

sẽ được hưởng một khoản một hỗ trợ, mức hỗ trợ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đặc khu quyết định.

V. HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ

1. Nhu cầu nguồn lực đầu tư

Nhằm tạo cho Vân Đồn có bước phát triển nhanh, bền vững, trở thành động lực lan tỏa tới các địa phương khác và đạt các mục tiêu theo định hướng phát triển, dự kiến nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2018-2030 cần khoảng 272 ngàn tỷ đồng. Trong đó: vốn huy động trong nước chiếm 50% (136,1 ngàn tỷ đồng); vốn huy động nước ngoài chiếm 50% (135,9 ngàn tỷ đồng). Nguồn vốn này phân kỳ huy động theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 2018 - 2022 (giai đoạn đầu tư cơ sở hạ tầng tạo nền tảng thu hút đầu tư): Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cần khoảng 164,55 ngàn tỷ đồng. Trong đó: Vốn trong nước 100,5 ngàn tỷ đồng (vốn ngân sách nhà nước 18.000 tỷ đồng); Vốn nước ngoài khoảng 64,05 ngàn tỷ đồng.

- Giai đoạn 2023 - 2030: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cần khoảng 107,45 ngàn tỷ đồng. Trong đó: Vốn trong nước 35,6 ngàn tỷ đồng (vốn ngân sách nhà nước 8.600 tỷ đồng); Vốn nước ngoài khoảng 71,85 ngàn tỷ đồng

Nguồn vốn trên tập trung ưu tiên đầu tư 51 dự án, công trình theo định hướng tại Quyết định số 786/QĐ-TTg ngày 31/5/2006 về việc phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh"; Quyết định số 1296/2007/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 "Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030" của Thủ tướng Chính phủ; các mục tiêu phát triển của Đặc khu Vân Đồn (có Danh mục công trình kèm theo), trong đó:

- Hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế khoảng 98,75 ngàn tỷ đồng, đầu tư 31 công trình, dự án trọng điểm;

- Hạ tầng dịch vụ, du lịch, thương mại 139,9 ngàn tỷ đồng, đầu tư 10 công trình, dự án trọng điểm;

- Hạ tầng y tế, giáo dục, môi trường, khoa học công nghệ khoảng 11,35 ngàn tỷ đồng, đầu tư 07 nhóm công trình, dự án trọng điểm;

- Nhóm các dự án thứ cấp trong KCN sạch - Khu phi thuế quan và các dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh khác khoảng 22,0 ngàn tỷ đồng.

2. Giải pháp huy động:

a) Đối với nguồn vốn trong nước (khoảng 136,100 ngàn tỷ đồng, chiếm 50%)

Nguồn vốn huy động khu vực tư nhân (khoảng 109 ngàn tỷ đồng): Hiện nay, nhà đầu tư chiến lược Sun Group đang triển khai dự án Cảng hàng không Quảng Ninh - giai đoạn I hoàn thành trong năm 2018), đối với giai đoạn II sẽ tiếp tục đầu tư 1.500 tỷ đồng để nâng quy mô lên 5 triệu khách/năm và đang đề xuất dự án Khu phức hợp nghỉ dưỡng, giải trí cao cấp với tổng mức đầu tư

khoảng 46.500 tỷ đồng; Tập đoàn FLC đang đề xuất nghiên cứu đầu tư Khu phức hợp nghỉ dưỡng, giải trí cao cấp tại đảo Ngọc Vòng (dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 46.500 tỷ đồng - tương đương 02 tỷ USD) và một số nhà đầu tư trong nước (Tập đoàn CEO, MBland, Crystal Bay, HD Moon..) đang nghiên cứu đầu tư một số dự án khác. Khả năng huy động nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân sẽ đáp ứng được nhu cầu.

Đối với nguồn vốn ngân sách (khoảng 26.600 tỷ đồng): Tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng KKT; hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đầu tư hệ thống công trình phụ trợ đến chân hàng rào công trình; các dự án hạ tầng xã hội, an sinh xã hội, môi trường, cải cách hành chính... Tổng nhu cầu vốn đầu tư từ ngân sách giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2030 là 26.600 tỷ đồng. Trong đó:

Giai đoạn 2018 - 2022, nhu cầu vốn đầu tư từ ngân sách khoảng 18.000 tỷ đồng. Căn cứ khả năng cân đối, Ngân sách tỉnh dự kiến dành khoảng 7.500 tỷ đồng bổ sung cho Đặc khu Vân Đồn, bình quân 1.500 tỷ đồng/năm, đồng thời ngân sách đặc khu Vân Đồn dự kiến cân đối được khoảng 500 tỷ đồng, bình quân 100 tỷ đồng/năm từ nguồn thu tiền sử đất để bổ sung vốn đầu tư. Tổng số ngân sách tỉnh, ngân sách đặc khu dự kiến cân đối được trong giai đoạn 2018-2022 khoảng 8.000 tỷ đồng. Số vốn còn thiếu (10.000 tỷ đồng), đề nghị ngân sách Trung ương có cơ chế bổ sung có mục tiêu trong thời gian 05 năm kể từ năm 2018 cho Đặc khu Vân Đồn, bình quân 2.000 tỷ đồng/năm;

Giai đoạn 2023 - 2030, nhu cầu vốn đầu tư từ ngân sách khoảng 8.600 tỷ đồng, bình quân 1.075 tỷ đồng/năm được cân đối từ dự toán ngân sách hàng năm của Đặc khu Vân Đồn (do số thu ngân sách của Đặc khu Vân Đồn đã cân đối được chi thường xuyên và có kết dư để bổ sung vốn chi đầu tư).

b) Đối với nguồn vốn nước ngoài (khoảng 135,9 ngàn tỷ đồng, chiếm 50%):

Trong 06 năm gần đây (từ 2012-2017), tổng số vốn FDI thu hút đầu tư vào tỉnh Quảng Ninh đạt 3,1 tỷ USD (trung bình gần 516,7 triệu USD/năm). Tuy nhiên, thực tế tổng đầu tư FDI đã thu hút trên địa bàn Vân Đồn đến thời điểm hiện tại (04 dự án FDI; vốn đầu tư đăng ký 131,4 triệu USD; 14 dự án ODA, NGOs, tổng vốn đầu tư 4,9 triệu USD). Trong năm 2017 và đầu năm 2018, tỉnh Quảng Ninh đã tiếp hàng chục tập đoàn, nhà đầu tư lớn của nước ngoài đến nghiên cứu, đề xuất triển khai hàng loạt dự án đầu tư quy mô lớn (Tập đoàn Vision Transportation Group (VTG), Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Đăng, Công ty Đầu tư và phát triển Sunny World đề xuất đầu tư 03 dự án đầu tư: đường sắt cao tốc kết nối Móng Cái - Vân Đồn; Khu đô thị công nghiệp, cảng nước sâu Hòn Nét - Con Ong; Khu đô thị phức hợp phía Bắc đảo Cái Bàu với tổng mức đầu tư 10 - 15 tỷ USD). Do vậy, với những cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng cho Đặc khu thì khả năng huy động được nguồn lực đầu tư nước ngoài đến năm 2030 khoảng 135,9 ngàn tỷ đồng (tương đương khoảng 06 tỷ USD) là có tính khả thi cao.

Ngoài các giải pháp trên, việc phát triển thị trường chứng khoán, các dịch vụ tài chính tự do hiện đại; Xây dựng Trung tâm tài chính Vân Đồn để thu hút nguồn vốn cho đầu tư xây dựng phát triển Vân Đồn, từng bước để ngành tài chính ngân hàng trở thành ngành kinh tế trụ cột, trọng tâm là thu hút các tổ chức tài chính lớn, các ngân hàng, công ty chứng khoán, bảo hiểm đầu tư, kinh doanh tại Đặc khu; hình thành sàn giao dịch chứng khoán tại Đặc khu. Đồng thời, Đặc khu Vân Đồn với thể chế và chính sách đặc biệt sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư vào đầu tư và sẽ tạo ra nhu cầu rất lớn về đất đai, nhà ở. Đây là kinh nghiệm rất thành công của ĐKKT Thâm Quyển và các KKT tự do của Dubai.

c) Huy động nguồn lực từ đất đai:

Đặc khu Vân Đồn được áp dụng ưu đãi tối đa về tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án sản xuất kinh doanh. Vì vậy, giai đoạn đầu đến 2030 sẽ không thu được tiền đất đối với các dự án được ưu đãi do thực hiện chính sách miễn, giảm. Song khi Đặc khu phát triển sẽ gia tăng nhu cầu sử dụng đất, làm tăng giá trị đất đai. Để huy động tối ưu nguồn lực từ đất đai, nhà nước trực tiếp đầu tư (tổ chức GPMB, đầu tư hạ tầng đồng bộ sau đó cho thuê; đấu thầu dự án hoặc bán đấu giá đất). Tuy nhiên, phương án này là không khả thi vì kinh phí rất lớn và nhà nước không có nguồn lực đầu tư (kinh phí đầu tư khoảng 58.000 tỷ đồng, trong đó chi phí GPMB 32.250 tỷ đồng). Vì vậy, để có tính khả thi, Đề án đề xuất giải pháp đầu tư chủ yếu theo hình thức đối tác công tư (BT).

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Nhà nước tổ chức thực hiện GPMB, đầu tư hạ tầng chủ yếu bằng hình thức BT. Sau khi thực hiện xong dự án GPMB, nhà đầu tư được thanh toán bằng quỹ đất để thực hiện dự án khác.

Để xây dựng Đặc khu Vân Đồn, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch quỹ đất ở xây dựng đô thị là 3.095ha, hiện nay cơ bản là đất nông nghiệp. Căn cứ lộ trình phát triển Đặc khu Vân Đồn (theo 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 từ 2018-2022; Giai đoạn 2 từ 2023-2030), dự kiến chi phí đầu tư, nhu cầu về đất đai, giá đất và giá trị thu được từ đất như sau: (a) Tổng chi phí đầu tư 57.969 tỷ đồng (trong đó chủ yếu là chi phí GPMB 32.250 tỷ đồng). (b) Tổng doanh thu từ chuyển nhượng, cho thuê đất và các khoản thuế: 78.710 tỷ đồng. (c) Dự kiến giá trị thu được từ số thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, các loại thuế, phí nhà nước thu được giai đoạn 2018-2030 khoảng: 25.427 tỷ đồng.

3. Đảm bảo kinh phí chi thường xuyên

3.1. Nhu cầu kinh phí chi thường xuyên:

Dự kiến khi Đặc khu Vân Đồn được thành lập, nhiều cơ chế, chính sách mới mang tính đặc thù sẽ được áp dụng như được áp dụng mức lương cơ sở bằng 02 lần mức lương cơ sở chung, ký hợp đồng làm việc với các chuyên gia, nhà khoa học, CBCC theo mức lương thỏa thuận gắn với hiệu quả công việc; Thực hiện chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; Ban hành một số nội dung chi, mức chi đặc thù ngoài chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành... Dự kiến kinh phí chi thường xuyên đảm bảo hoạt động của bộ máy Đặc khu từ năm 2018 đến năm 2030 khoảng **16.123 tỷ đồng**. Trong đó:

- Giai đoạn từ 2018-2022: 3.787 tỷ đồng, trung bình 757,4 tỷ đồng/năm;
- Giai đoạn 2023-2030: 12.336 tỷ đồng, trung bình 2.211 tỷ đồng/năm.

3.2. Giải pháp huy động:

a) Giai đoạn 2018-2022:

Dự kiến chi thường xuyên giai đoạn từ 2018-2022: 3.787 tỷ đồng, trung bình 757,4 tỷ đồng/năm;

Dự kiến thu ngân sách giai đoạn 2018 - 2022 khoảng 4.010 tỷ đồng, trong đó tổng thu trừ tiền sử dụng đất để cân đối chi thường xuyên là 2.728 tỷ đồng;

Như vậy, trong giai đoạn 2018 - 2022, ngân sách tỉnh Quảng Ninh phải bổ sung cân đối cho Đặc khu Vân Đồn khoảng 1.059 tỷ đồng để đảm bảo chi thường xuyên (năm 2018: 268 tỷ đồng; năm 2019: 434 tỷ đồng; năm 2020: 323 tỷ đồng; năm 2021: 206 tỷ đồng). Năm 2022 Đặc khu Vân Đồn đã tự cân đối được chi thường xuyên và có kết dư để bổ sung chi đầu tư 172 tỷ đồng.

b) Giai đoạn 2023-2030:

Dự toán chi thường xuyên giai đoạn từ năm 2023-2030: 12.335 tỷ đồng, trung bình 1.541 tỷ đồng/năm.

Dự kiến thu ngân sách giai đoạn 2023-2030 khoảng 49.272 tỷ đồng, trong đó tổng thu trừ tiền sử dụng đất là 37.381 tỷ đồng;

Như vậy, giai đoạn 2023-2030, ngoài việc tự cân đối được chi thường xuyên, Đặc khu còn có kết dư từ nguồn thu nội địa (chưa bao gồm thu tiền sử dụng đất 11.891 tỷ đồng) để cân đối chi đầu tư phát triển khoảng 25.045 tỷ đồng, trung bình 3.130 tỷ đồng/năm.

VI. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

Để xây dựng và phát triển Đặc khu Vân Đồn, cần phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành nghề ưu tiên: du lịch, công nghiệp giải trí, dịch vụ, tài chính, ngân hàng, thương mại quốc tế, công nghệ cao, công nghiệp chế biến, nuôi trồng thủy sản.

Cần thiết phải có một cách tiếp cận không dàn trải và tập trung chiến lược vào một số ngành, lĩnh vực chọn lọc có lợi thế trong phát triển của Vân Đồn. Trên cơ sở đó, Chính quyền Đặc khu, các doanh nghiệp, nhà đầu tư định hướng được nhu cầu nguồn nhân lực trong tương lai, xây dựng các phương án đào tạo, tuyển dụng đáp ứng đủ, kịp thời nhu cầu thị trường lao động.

Tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo nhân tài, có định hướng phát triển cụ thể đối với từng nhóm lao động chất lượng cao theo đặc thù và giai đoạn phát triển của Vân Đồn.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp lao động thân thiện với kinh doanh, có nghĩa là các cơ chế đưa ra đều phục vụ cho doanh nghiệp, hạn chế tối đa các điều kiện kinh doanh và giấy phép con.

Có chính sách hữu hiệu bảo vệ quyền lợi của người lao động, có cơ chế khuyến khích và đảm bảo khả năng thương lượng của người lao động, đặc biệt là trong việc xác định tiền lương, quyền lao động và điều kiện làm việc.

Tăng cường hoạt động thu hút nhân tài: Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức hiện có trên cơ sở rà soát, lựa chọn nguồn nhân lực tại chỗ đối với những người đủ năng lực, chuyên môn phù hợp cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ bằng các hình thức đào tạo tập trung, mở rộng; bồi dưỡng trong và ngoài nước; mở rộng việc áp dụng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề tại Đặc khu Vân Đồn; thuê người nước ngoài làm tư vấn và quản lý một số lĩnh vực kinh tế. Hàng năm, bố trí từ 3 đến 5% tổng chi thường xuyên ngân sách (giai đoạn 2018-2022 mỗi năm khoảng 10-20 tỷ đồng), kết hợp với huy động các nguồn lực của xã hội, doanh nghiệp để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ, công chức học tập nâng cao trình độ quản lý, ngoại ngữ và một số chuyên ngành ưu tiên.

Xây dựng cơ chế thu hút và trọng dụng nhân tài, đặc biệt là nhân tài người Việt Nam đang nghiên cứu, giảng dạy và làm việc tại nước ngoài: Xây dựng đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực của Đặc khu Vân Đồn giai đoạn 2018-2030. Ưu tiên đầu tư trọng tâm cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề trên địa bàn Tỉnh để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu, thực hành nhằm cung cấp nguồn nhân lực trực tiếp cho Khu. Thiết lập cơ chế phát huy tối đa năng lực, sở trường cá nhân; tạo môi trường và không gian để từng cá nhân sáng tạo; xây dựng cơ chế để huy động trí tuệ tập thể thông qua hội thảo chuyên đề, nghiên cứu khoa học, tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo,...; biểu dương khen thưởng kịp thời và xứng đáng đối với chuyên gia giỏi, nhà khoa học, người được trao tặng danh hiệu vinh dự nhà nước.

Xây dựng chính sách ưu đãi và ngành nghề đào tạo phù hợp: Xây dựng chính sách ưu đãi và ngành nghề đào tạo phù hợp với cơ cấu kinh tế và định hướng phát triển ngành nghề ưu tiên của Đặc khu. Tập trung thu hút lao động có trình độ, tay nghề cao và hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp đào tạo lao động phục vụ phát triển Đặc khu. Ưu tiên đào tạo các lĩnh vực: Du lịch, thương mại dịch vụ; công nghiệp giải trí; tài chính - ngân hàng, công nghệ thông tin, truyền thông quốc tế, một số ngành công nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, khai thác nuôi trồng chế biến nông thủy sản cao cấp... phục vụ nhu cầu phát triển dịch vụ du lịch. Xây dựng thị trường lao động với các cơ chế cạnh tranh, bình đẳng; Ưu tiên đào tạo, tuyển dụng lao động tại Đặc khu nhất là những lao động trong các hộ gia đình bị thu hồi đất hoặc chuyển đổi kế sinh nhai, lao động thuộc hộ nghèo.

Xây dựng chính sách đặc thù đối với đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, nhất là cán bộ kỹ thuật, công nghệ và quản lý cho các ngành ưu tiên của Đặc khu Vân Đồn:

Liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài thực hiện đào tạo nghề trình độ cao theo tiêu chuẩn quốc tế.

Xây dựng cơ chế lựa chọn và gửi các sinh viên xuất sắc để đào tạo sau đại học theo các chương trình thích hợp tại các trường đại học, cơ quan nghiên cứu hàng đầu trong và ngoài nước.

Hỗ trợ một phần kinh phí đối với các doanh nghiệp cử lao động học tập nâng cao trình độ đào tạo tại nước ngoài về công tác tại Đặc khu Vân Đồn.

Ưu tiên nguồn lực và xây dựng cơ chế thu hút các trường đại học quốc tế có uy tín trên thế giới mở phân hiệu đào tạo đại học, cao đẳng, dạy nghề và phổ thông tại Đặc khu Vân Đồn.

Tuyển dụng công chức có thời hạn (trừ một số vị trí do bầu cử hoặc chỉ định theo Luật đặc khu) và thuê chuyên gia nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận mức lương và công việc được giao.

Nhà nước ưu tiên cơ chế, hỗ trợ tài chính để tỉnh Quảng Ninh xây dựng hạ tầng Trường đại học quốc tế tại Vân Đồn; cơ cấu lại các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh, đầu tư trang thiết bị hiện đại, tuyển chọn công nhân có trình độ cao, kết nối với các doanh nghiệp trong đào tạo. Có sự gắn kết giữa Chính quyền, cơ sở đào tạo và cơ sở sử dụng lao động để đào tạo nguồn nhân lực mới.

Nghiên cứu xây dựng “Đặc khu nhân tài” thuộc Đặc khu Vân Đồn: Từng bước xây dựng thị trường lao động quốc tế Việt Nam - với các nước Đông Bắc Á và ASEAN, tiến tới xây dựng cơ sở mẫu đào tạo nhân tài cấp khu vực; Đặc khu đi đầu trong việc kêu gọi, thu hút nhân tài đang thiếu, đang cần cấp bách; Được chủ động hỗ trợ tiền lương cho các nhân viên làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên cơ sở năng lực tài chính của Đặc khu Vân Đồn, đảm bảo thu hút và giữ chân được nhân tài.

Xây dựng các chính sách đáp ứng nhu cầu gia tăng dân số ngày càng lớn của Đặc khu Vân Đồn: Khi trở thành Đặc khu, dân số Vân Đồn tăng theo cơ học sẽ rất lớn. Nhịp tăng cơ học phụ thuộc vào từng giai đoạn phát triển. Giai đoạn đang xây dựng, từ nay đến năm 2020, nhịp tăng cơ học bằng khoảng 60% mức tăng tự nhiên. Theo đó sau năm 2020 khi Đặc khu Vân Đồn đã đi vào hoạt động mức tăng cơ học sẽ cao hơn nhiều, dự kiến tăng gấp 1,9-2 lần mức tăng tự nhiên. Khi đó sẽ thu hút thêm khoảng 90.000 - 98.000 người vào năm 2020 và tăng lên tới 110.000 - 111.000 người.

Dự báo toàn khu cần phải có sức chứa khoảng 145.000 người năm 2020 và 165.000 người vào năm 2030. Cơ cấu lao động sẽ chuyển dịch mạnh từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Cụ thể: Số lao động cần có theo từng giai đoạn: Đến năm 2020 là 74,5 ngàn người, đến năm 2030 là 90,4 ngàn người. Căn cứ vào số lượng yêu cầu thu hút, đào tạo hàng năm; Chính quyền Đặc khu bố trí kinh phí đào tạo, thu hút từ nguồn kinh phí thường xuyên.

Xây dựng cơ chế chính sách tiền lương tự chủ, tạo môi trường sống, làm việc tốt để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về Vân Đồn công tác: Đối với cán bộ, công nhân lành nghề có thời gian công tác dài tại Vân Đồn, có cơ chế,

chính sách hỗ trợ về nhà ở và các điều kiện làm việc liên quan. Đối với con cán bộ, công nhân có thời gian công tác dài tại doanh nghiệp, được hưởng chính sách ưu đãi khi học tại các trường ở Quảng Ninh.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn đến năm 2018 (Giai đoạn khởi động):

1.1. Hoàn thành thủ tục pháp lý, quy hoạch, sắp xếp tổ chức bộ máy:

- Quốc hội ban hành phê chuẩn thông qua Luật đơn vị HC-KT đặc biệt; Ban hành Nghị quyết thành lập Đặc khu Vân Đồn;

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính; hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử và trung tâm hành chính công hiện đại;

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý, công tác chuẩn bị đầu tư (quy hoạch, dự án đầu tư); hoàn thiện thủ tục pháp lý dự án Khu dịch vụ du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino, dự án Khu dịch vụ du lịch phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp tại đảo Ngọc Vừng; thu hút đầu tư, triển khai đầu tư các dự án động lực khác.

1.2. Triển khai đầu tư một số công trình hạ tầng trọng điểm và cải cách thủ tục hành chính:

- Hoàn thành các công trình hạ tầng giao thông: Cảng hàng không quốc tế Quảng Ninh (giai đoạn 1), tuyến đường giao thông trục chính nối từ cảng hàng không Quảng Ninh đến Khu du lịch phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn, hoàn thành đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn đoạn từ Cẩm Hải (Cẩm Phả) đến Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn;

- Khởi công xây dựng đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái (bao gồm cả cầu Vân Tiên) theo hình thức BOT), Khởi công dự án Khu dịch vụ du lịch phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn 1 (Tập đoàn Sun Group đầu tư), dự án Khu dịch vụ du lịch phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp tại đảo Ngọc Vừng (Tập đoàn FLC đang nghiên cứu đề xuất); dự án Khu du lịch sinh thái Bái Tử Long tại Vân Đồn (Tập đoàn CEO)

- Thu hút và triển khai đầu tư Trung tâm hành chính Khu (theo hình thức PPP); nâng cấp và hoàn thiện hệ thống điện lưới quốc gia (đã được đầu tư trong giai đoạn trước) theo định hướng phát triển của Khu; dự án khu tái định cư xã Bình Dân, Đoàn Kết;

- Thu hút và triển khai đầu tư các dự án về xử lý nước thải, rác thải, bảo vệ môi trường...

2. Giai đoạn từ 2018 - 2022 (Giai đoạn tăng tốc):

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ và hệ thống pháp luật, đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch, công nghiệp giải trí, dịch vụ tài chính ngân hàng, công nghiệp công nghệ cao; đồng thời đào tạo nguồn nhân lực. Mục tiêu cần đạt được:

- Hình thành các khu du lịch sinh thái biển cao cấp Vạn Cảnh, Phương Hoàng, Nát Đất, Quan Lạn, Minh Châu, Thỏ Vàng; khu trung tâm tài chính, ngân hàng;

- Đầu tư hoàn thiện hạ tầng đồng bộ Khu thương mại tự do, Khu phí thuế quan, Khu công nghiệp sạch - Khu chế xuất theo mô hình “4 trong 1” (Khu công nghiệp - khu đô thị - khu dịch vụ - khu nghiên cứu khoa học, vườn ươm công nghệ, trung tâm sáng tạo) và tiến hành thu hút các dự án thứ cấp vào Khu công nghiệp sạch - Khu chế xuất;

- Đầu tư hoàn thiện các dự án hạ tầng giao thông (đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái, các cảng biển Vạn Hoa, Cái Rồng, phía Bắc đảo Cái Bàu, các tuyến đường giao thông trên đảo);

- Hình thành các khu đô thị biển (Cái Rồng, Hạ Long,...); xây dựng bệnh viện, khu công viên khoa học và hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng và đưa vào hoạt động của Trung tâm thông tin, truyền thông quốc tế. Đặc khu Vân Đồn cơ bản hình thành trung tâm du lịch giải trí cao cấp có casino đẳng cấp quốc tế; trung tâm dịch vụ tổng hợp, khởi nghiệp và sáng tạo.

3. Giai đoạn từ 2023 - 2030 (Giai đoạn phát triển và lan tỏa):

Đặc khu Vân Đồn trở thành thành phố biển quốc tế đạt tiêu chuẩn đô thị thông minh (smart city); khu vực phát triển năng động, hiện đại, tạo sức lan tỏa và động lực phát triển cho Quảng Ninh, khu vực và cả nước. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính trị cấp cơ sở và các chính sách mới với độ mở cao, thể chế Đặc khu cạnh tranh quốc tế; trung tâm công nghiệp giải trí, du lịch biển, đảo sinh thái - nghỉ dưỡng chất lượng cao, dịch vụ vui chơi giải trí cao cấp và cửa ngõ giao thương quốc tế.

PHẦN THỨ NĂM KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Đề án thành lập Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn là Đề án lớn đã được Chính phủ chỉ đạo các Bộ ngành Trung ương và tỉnh Quảng Ninh nghiên cứu đề xuất từ năm 2012. Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt và các Bộ, ban ngành cơ quan Trung ương tham gia với tinh thần trách nhiệm. Đề án được chuẩn bị công phu, có tính thực tiễn, phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách đổi mới, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước, chủ trương của Bộ Chính trị trong việc phát triển mô hình đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt tại Việt Nam.

Đề xuất mô hình tổ chức, cơ chế, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn dựa trên cơ sở khoa học, thực tiễn trên thế giới và Việt Nam, có tính cạnh tranh ở tầm khu vực và quốc tế. Mô hình và cơ chế, chính sách có tính đặc thù, đảm bảo tính cạnh tranh; kế thừa có chọn lọc các mô

hình đặc khu kinh tế trên thế giới nhằm đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và sự giám sát của nhân dân.

Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn được thành lập sẽ có những tác động tích cực tới phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đối với những tác động tiêu cực, không mong muốn sẽ được hạn chế, giảm thiểu thông qua việc thực hiện các giải pháp đề ra trong Đề án. Xét về tổng thể, lợi ích của mô hình Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn là chủ yếu, cơ bản, lâu dài.

Ngoài ra, Đề án thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các nhà đầu tư lớn, nhà đầu tư chiến lược và sự quyết tâm đồng thuận của toàn Đảng bộ, chính quyền các dân tộc tỉnh Quảng Ninh,... thời điểm để triển khai mô hình đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn là cấp thiết, hợp lý, khả thi và chín muồi. Với quyết tâm của Đảng và Nhà nước nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng cùng với việc xây dựng một hệ thống các chương trình hành động, giải pháp, nhiệm vụ thống nhất, cụ thể, lường trước các rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro hữu hiệu để triển khai Đề án ngay từ giai đoạn đầu, Đề án thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn chắc chắn đạt mục tiêu đề ra.

II. KIẾN NGHỊ

Căn cứ các chủ trương của Đảng, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Bắc Vân Phong, Phú Quốc và các văn bản pháp luật liên quan; Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định về việc thành lập Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn thuộc tỉnh Quảng Ninh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (80b);
- Văn phòng Quốc hội (.....b);
- Bộ Nội vụ (10b);
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Văn Tùng,
các Vụ: TH, PL, TCCV, CN, NC;
- Lưu: VT, QHĐP (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Lê Vĩnh Tân